

BẤT KHẢ THUYẾT

(Không thể nói)

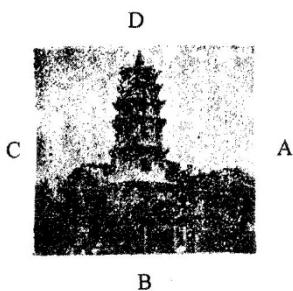
Tác giả cư sĩ: LÝ NHẤT QUANG

Viết dịch: THÍCH THẮNG HOAN

Ở trong sách “Cái gì là Phật Pháp” có một truyện như thế này: “Trước kia có một Hoà Thượng già ở trong phòng đang ngồi rảnh rang vô sự, người đứng sau Hoà Thượng già là một thị giả tiêu sa di. Lúc bấy giờ, ở ngoài cửa có hai Hoà Thượng Giáp và Ất tranh luận về một vấn đề, hai bên kiên trì tranh luận mãi không chịu thôi. Một lát, Hoà Thượng Giáp nổi giận ùng ùng chạy vào phòng, hướng về Hoà Thượng già nói: “Ngài bảo tôi nói cái đạo lý là cần phải như thế như thế, nhưng mà Hoà Thượng Ất lại bảo tôi nói không đúng. Ngài xem là tôi nói đúng hay Hoà Thượng Ất kia nói đúng?” Hoà Thượng già trả lời với Hoà Thượng Giáp rằng: “Ngài nói đúng!” Hoà Thượng Giáp cùng Hoà Thượng Già rất cao hứng đi ra. Qua vài phút đồng hồ, Hoà Thượng Ất cũng nổi giận ùng ùng chạy đến chất vấn Hoà Thượng già kia rằng: “Ngài bảo, ban nãy Hoà Thượng Giáp và tôi biện luận, thấy Hoà Thượng Giáp giải thích căn bản sai lầm. Tôi nói là căn cứ trên Kinh Phật. Ý của tôi là nói như thế như thế. Ngài cho là tôi đúng hay là Hoà Thượng Giáp kia đúng?” Hoà Thượng già trả lời: “Ngài nói đúng!” Hoà Thượng Ất đi ra cũng vui mừng hớn hở. Hoà Thượng Ất chạy về phía sau, đứng bên Tiểu Sa Di, ở sau lưng Hoà Thượng Già, lặng lẽ ghé vào tai Hoà Thượng già khe khẽ nói: “Ngài cần phải xác định là Hoà Thượng Giáp đúng hay là Hoà Thượng Ất đúng, Hoà Thượng Giáp nếu như đúng thì Hoà Thượng Ất nhất định không đúng; Hoà Thượng Ất nếu như đúng thì Hoà Thượng Giáp nhất định không đúng; Ngài không thể nào cho khuynh hướng của hai người đều là đúng cả?” Hoà Thượng già ngoảnh đầu qua đôi diện nhìn thẳng vào Tiểu Sa Di nói rằng: “Ông cũng đúng!” Đây là một vấn đề rất có thú vị, đồng thời sự việc cũng rất có ý nghĩa. Đáng được là có một thứ học sinh với trình độ Cao Trung, nhưng dĩ nhiên họ sau khi hiểu rõ vấn đề này, cũng luôn cả vị Tiểu Sa Di kia giống nhau ở chỗ đều nghĩ trái ngược phải, nói chung là lý do họ tưởng không thông suốt vấn đề “Đều Đúng”. Nơi đó tôi liền vận dụng Đồ Hình (1) chỉ giúp cho người khác xem:

Đồ Hình (1) biểu thị:

Đồ Hình (1)

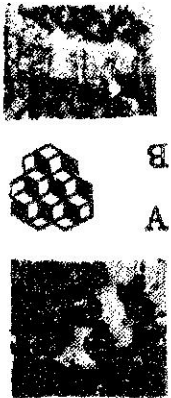


Theo Đồ Hình (1) trình bày: Bốn phía của tháp Phật đây, thiết lập bốn trạm và cử bốn người A, B, C, D đứng vào đó. Ngay lúc đó, ông A báo cáo rằng, Tháp thì ở bên phía tây, ông B thì báo Tháp ở phía bắc, ông C thì báo tháp ở phía đông, ông D thì báo Tháp ở phía nam. Sao anh chỗ báo cáo của chúng nó như thế nào? Là phủ nhận “Đều Đúng” phải không?”. Nếu phủ nhận thì chúng nó chỉ ngửa mặt lên mà cười.

Tôi tiếp tục nói: giả sử có một đồ án như thế (Như Đồ Hình (2) biểu thị):

Đồ Hình (2) biểu thị:

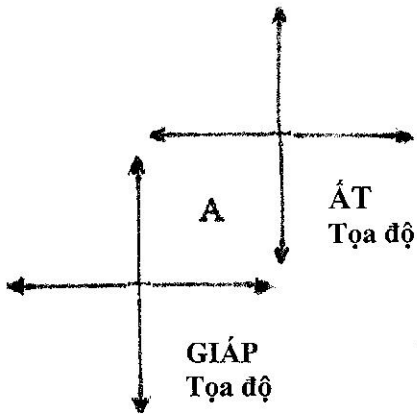
Đồ Hình (2)



Theo Đồ Hình (2), người ngồi trên chỗ A quán sát thì nói với chúng ta rằng: đồ án đây là khối có sáu Hình Lập Phương bằng nhau (khối có sáu hình lập phương là khối có sáu mặt vuông bằng nhau) tổ hợp lập thành, nhưng người ngồi trên chỗ B quán sát nói là khối có bảy Hình Lập Phương bằng nhau tổ hợp lập thành. (Đồ án đây là trò vui rất có thú vị. Xin đọc giả không ngại thử khảo sát ra sao: trước hết giờ đây căn cứ theo đồ án đã thấy thì chỉ có sáu Hình Lập Phương; nếu như đem đồ án đảo ngược qua để xem thì liền phát hiện thấy có bảy Hình Lập Phương.) Lúc đó chúng ta nên phúc đáp như thế nào mà hai tổ hợp A và B đã cho biết? Bên nào đúng hoặc bên nào không đúng? Như thế chỉ tốt nhất là sử dụng bài thi của Tô Đông Pha để phúc đáp, Thi rằng: “Hoành khan thành lĩnh trắc thành phong, diển cận cao đê các bất đồng, vị thức Lư Sơn chân diện mục, chỉ duyên thân tại thử sơn trung.” [tạm dịch: chắn ngang dải núi đỉnh nhô lên, cao thấp gần xa chênh lệch hình, chưa tỏ Lô Sơn chơn diện mục, đích thân chỉ biết núi kề bên]. Sở dĩ nói lập trường của các người không đồng nhau cho nên có các thứ ý kiến không giống nhau. Mỗi mỗi học thuyết trong thế gian, cũng đều là ý kiến riêng tư và chủ quan của cá nhân tham gia, mà không phải bản lai chân thật và công bình vô tư của toàn thể vũ trụ. Nhưng Phật Pháp thì lại khác xa, Phật Pháp là chân thật bản lai như thế của toàn thể vũ trụ. Chỉ là lợi dụng ngôn ngữ khéo léo để bày tỏ quán chiếu hiện thật của bản lai như thế mà thôi. “Bất khả thuyết” của đề mục căn bản chính là một diệu ngữ trong Phật Pháp. Bao nhiêu thí dụ nêu trên đều có thể quy nạp trên vấn đề tọa độ trong số học: như điểm A trong Đồ Hình (3) biểu thị:

Đồ Hình (3) biểu thị:

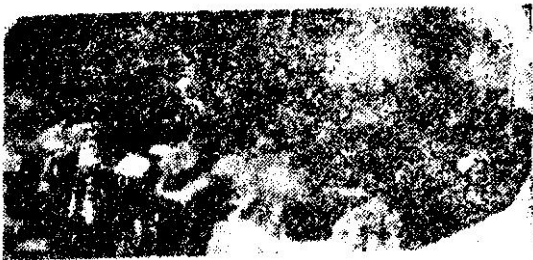
Đồ Hình (3)



Theo điểm A trong Đồ Hình (3), tọa độ Giáp cho điểm A ở phạm vi khuôn thứ nhất; còn tọa độ Át thì cho điểm A ở phạm vi khuôn thứ ba. Nguyên vì pháp thể gian đều tự kiến lập tọa độ, mỗi mỗi đều trình bày. Nhưng điểm A đây sử dụng Phật Pháp để giải thích: nếu như tọa độ của nó khiến ông khó dùng ngôn ngữ giảng giải thì nên nói rằng “Bất khả thuyết, bất khả thuyết”.

Lại có vấn đề quan hệ nơi không gian như Đồ Hình (4) biểu thị:

Đồ Hình (4) biểu thị:

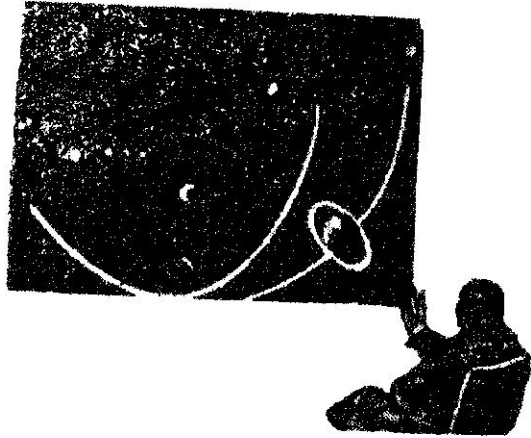


Đồ Hình (4)

Thí dụ năm ngoái chúng ta mở hội nơi địa điểm nào đó theo Đồ Hình (4) biểu thị, nhưng năm nay chúng ta lại mở hội cũng nơi địa điểm cũ. Nếu theo quan niệm của một người, hội trường năm ngoái và năm nay đều ở tại cùng một không gian giống nhau, hình dáng của hội trường cho đến tất cả bố trí trước mắt so với cùng năm ngoái cũng giống hệt nhau. Đương nhiên có thể bảo rằng: “Địa điểm mở hội tạo một không gian giống nhau.” Đây là mãi mai không có vấn đề. Đồng ý câu nói này cũng là không đáng để khảo nghiệm. Nhưng người sẵn có chút thiên văn thường thức, đương nhiên trong con mắt của họ có thể thấy đến như Đồ Hình (5) biểu thị:

Đồ Hình (5) biểu thị:

Đồ Hình (5)



Người có đôi mắt thiên văn khi thấy được Đồ Hình (5) sẽ hội ý biết rõ: Địa cầu không đứng yên, tự xoay chuyển và xoay chuyển quanh mặt trời, cho đến chính Thái Dương Hệ cũng bị chuyển động luôn. Nhân đây, hội trường cũng đang xoay chuyển theo. Chỉ trong nháy mắt đã không biết được không gian hoàn toàn thay đổi bao nhiêu lần. Cho nên khiến ông ấy rất khó hội ý: Ý kiến về “Địa điểm mở hội nơi cùng một không gian”. Vậy ai đúng? Chúng tôi không có lý do thiên về một bên, chỉ đáp rằng: “Bất khả thuyết!”

Trong đây trở lại dùng thí dụ cho dễ hiểu, vấn đề trên nếu lý giải sâu thêm một lớp nữa và căn cứ theo sự vận động để trình bày thì được giải thích như sau:

Đồ Hình (6) biểu thị:

Đồ Hình (6)



Theo Đồ Hình (6) biểu thị: “Chiếc xe hơi đây có khả năng vận tốc mỗi giờ 40 cây số.” Chủ xe luôn luôn cho là chưa bao giờ có sai lầm! Phải đấy nhà thiên văn nói với chúng ta rằng: Đây chỉ là đối với vận tốc của địa cầu mà nói; nguyên nhân địa cầu mỗi ngày ngoài trừ vận tốc mỗi giờ là 1000 dặm Anh, trục của nó tự chuyển động xoay quanh một lần, mỗi năm ngoài vận tốc mỗi giây đồng hồ là 20 dặm Anh, nó đi quanh mặt trời một vòng, ít người tham gia để hiểu biết thêm về sự xoay chuyển khác của nó,..... Vận tốc toàn bộ Thái dương hệ trong mỗi giây đồng

hồ là 13 dặm Anh và vận động chỉ trong phạm vi trung tâm tập đoàn tinh tú; toàn bộ ngân hà (do vô số tinh hệ tạo thành) vận tốc mỗi giây đồng hồ là 100 dặm Anh. Như thế nói lại, ai có thể quyết định vận tốc của chiếc xe hơi này? Ai có thể xác định được chiếc xe hơi này vận tốc chạy tiêu chuẩn mỗi giờ 40 cây số? Cho nên chỉ nói rằng vận tốc của chiếc xe hơi này là “Bất khả thuyết”.

Nếu đem ba chữ “Bất khả thuyết”, lý giải sâu thêm một lớp nữa, chúng ta có thể lợi dụng “danh từ không định nghĩa” trong Tân Số Học của Cao Trung đi giải thích ba chữ “Bất khả thuyết” trong Phật Pháp, kia và đây có chỗ tương tự phi thường. Trong bảy mươi tám năm trước Trung Học Kỳ Hà Giáo Bản có bốn nguyên tố quan hệ là: Điểm, Tuyến, Diện, Lập Thể. Nay chỉ nêu ra định nghĩa của “Điểm” để thảo luận: “Điểm chỉ có vị trí, không có chiều dài, chiều rộng, chiều sâu.” Nhưng ở năm gần đây trong Cao Trung Tân Số Học Giáo Bản nói rằng: “Điểm, Trục tuyến [đường thẳng], Diện đều là tập hợp của điểm, không gian là tập hợp của tất cả điểm.” Theo giải thích trên có thể nói, giả sử Trục Tuyến là tập hợp của Điểm, như thế không chừng Điểm tất nhiên phải có đầy đủ dài ngắn, nhưng thật tế Điểm thì không có dài ngắn, làm sao có thể tập hợp để thành Tuyến [đường] được? Nếu như “Điểm” liền biến thành “Tuyến” thì Điểm không thể gọi là “Điểm”! Lý do giống nhau, Điểm tức là Diện (mặt), tức là không gian, có thể Điểm chính là nét chấm. Nhân đó định nghĩa của Điểm không thể thành lập. Bất luận ông nói như thế nào cũng không định nghĩa được của Điểm; cho nên trong Tân Số Học đem “Điểm” “Tuyến” “Diện” gọi là “Danh từ không định nghĩa”. Nhưng trong Tân Số Học Giáo Bản đều chưa giải thích qua như thế. Trái lại trong Phật Pháp sớm đã có một đoạn biện luận tuyệt vời như thế: “Nhu học giả Duy Thức đã phá ngoại sắc (vật chất) không có cực vi thật tại (vật chất cực nhỏ). ----- Giả sử ông chấp sắc cực vi là thật có để bàn luận, như thế chúng ta lại hỏi ông: có phân chia sáu phương vị hay không?(chỉ cho sáu phương vị đông, nam, tây, bắc, thượng, hạ, phân chia sáu phương vị là chỉ cho không gian chỗ chiếm hữu của vật chất.) Nếu như có sáu phương vị để bàn luận thì nó lại có thể bị chia cắt; nhưng nó có thể bị chia cắt đông tây thế này thì làm sao gọi cực vi được? Còn như ông thì nói không có sáu phương vị thì tôi lại hỏi ông, không có sáu phương vị (nghĩa là ý nói không có không gian chiếm hữu) thì làm sao có thể bảo có sắc cực vi tồn tại được? Còn nói không có không gian chiếm hữu thì sao lại có vật cắt tồn tại được? Đây chính là mâu thuẫn lẫn nhau. Nơi học giả Duy Thức sau khi đã phá xong cực vi của ngoại sắc liền xây dựng lập trường cho chính mình là chỉ có nội tâm biến hiện từng sát na một. Ý đây nói ngoại sắc (tức là vật chất, sơn hà đại địa) chính là do ý nghĩ của tâm thức nội tâm trong mỗi sát na sát na sanh diệt biến hiện. Thế gian nguyên là không vật chất nhưng cũng có thể có vật chất, do sự giống nhau nói trên, có người lợi dụng phương pháp giống nhau đó liền bị sát na của học giả Duy Thức đã phá. Tâm niệm sát na của ông kiến lập có hay không có sự sai biệt của thời gian trước sau. Nếu như nói có thời gian trước sau thì đây không thể gọi là sát na, nguyên vì thời gian có thể bị phân chia thì sao gọi sát na được? Còn nếu ông nói không có phân biệt trước sau, như thế thì thành ra đồng thời, đã đồng thời sao có thể gọi là sát na được? Đó cũng là mâu thuẫn. Vì thế ngay cả thời gian, không gian, vật chất đều không thể kiến lập, cho nên gọi là “Bất khả thuyết.”

Một đoạn trên là lợi dụng phương thức khó đã phá, dùng hai mặt giáp công khiến ông không có đường để chạy, buộc ông phải đầu hàng nơi “Bất khả thuyết.” Lý đây dành riêng một

phương thức chứng thật ba chữ “Bất khả thuyết”, để tiện suy rộng ra đến thế gian vạn sự vạn vật đều ở trong “Bất khả thuyết”. Nói thêm vấn đề vận tốc chiếc xe hơi trong tiết mục trên, theo Phật Pháp nói vận tốc chiếc xe hơi đó là không có và cũng không chạy. Là thế nào? Nguyên do “Chạy đi chạy lại” cũng là bất khả thuyết. Nếu ông nói: Bộ phận chiếc xe hơi này từ sườn núi đến Đài Nam chạy 40 cây số, 40 cây số đây phải chăng là có “Chạy”? Nó thật không có “Chạy”. Nguyên do lộ trình sớm đã thuộc về quá khứ thì đoạn nào chiếc xe đã “chạy” qua 40 cây số, phạm sự việc của quá khứ sớm đã không còn tồn tại, sự việc đã không còn tồn tại thế này thì có thể thành lập được sao? Cho nên nói là không có “Chạy”. Nếu ông nói: chiếc xe hơi ở nửa đường, nghĩa là chiếc xe hơi đang ở vị trí 20 cây số, như thế cũng không phải là có “Chạy”? Kỳ thật đã là không có “Chạy”, nguyên do 20 cây số đã chạy thì thuộc về quá khứ! Còn 20 cây số chưa chạy sự thật còn chưa thành lập. Sự việc chưa thành lập thì làm sao có thể nói có “Chạy”? Nếu ông nói: hiện tại đang chạy, nếu hiện tại đang chạy thì sao lại bảo có chạy? Kỳ thật hiện tại đang chạy cũng là không có chạy; đang chạy là thời gian đã chạy cùng chưa chạy và không phải đã chạy lại là chưa chạy. Lý đây chúng ta cần phải trở lại vận dụng sự quan hệ của “Điểm” và “Đường” nơi tiết mục trên để chứng minh: nguyên nhân Đường là do Điểm di chuyển mà thành. Nhưng “Điểm” thì không có dài có ngắn. Điểm nếu như có dài có ngắn để thành đường thì không thể thành điểm; còn Điểm nếu như không có dài có ngắn thì làm sao có thể thành Đường được? Lý do giống nhau nói trên như Đồ Hình (7) biểu thị:

Đồ Hình (7) biểu thị:

Đồ Hình (7)



Theo Đồ Hình (7) biểu thị: Giả thiết chiếc xe hơi đây từ điểm A di chuyển đến điểm B, trung gian có một đoạn khoảng cách thích hợp. Đương nhiên chiếc xe hơi khi đang ở điểm A liền không có khả năng đồng thời cùng đang ở điểm B được và ngược lại cũng thế. Nói cách khác, chiếc xe hơi đương nhiên không được trong một thời gian cùng ở trên hai điểm A và B. Như thế lại có khoảng cách không gian và khoảng cách thời gian, nơi những khoảng cách trên, không ngại đem chỗ bất đoạn này phân chia ra, phân chia mãi đến khi không thể phân chia thêm

nữa----- liền thành là Điểm. Đối với trên mỗi điểm mỗi điểm đây mà xem, nguyên nhân ở chỗ kia đang ở chỗ kia, nghĩa là căn bản chưa một mảy may di động. Do đó nói là “Không đi”. Như thế “Không đến” cũng là đạo lý giống nhau “Không đi”.

Phật Pháp trình bày: “Chân lý thì có thể chứng biết, nhưng không thể nói năng.” Do một lời nói qua liền thành đối đãi. Là như thế nào? Dùng thí dụ đã nêu trên để chứng minh do lời nói mà có đối đãi. Nếu đem những thí dụ này mỗi mỗi phân tích liền biết trước hết đều đã có “Ngã” hoặc “Chủ quan của ngã” (tức là Ngã Chấp); sau đó lại ở chỗ đứng trên lập trường đi quan sát tất cả sự vật. (Lập trường tức là tọa độ, cũng tức là pháp chấp của Phật Giáo chủ trương.) Cho nên chúng ta ngày thường trong sinh hoạt mỗi mỗi cử động, không thời không khắc nào là chẳng bị một đạo lý tọa độ (pháp chấp) của vô hình trói buộc mà khiến chúng ta vĩnh viễn không giác ngộ. Vì thế chỗ tạo tác chỗ hành vi đều cho là thích hợp, nhưng trên thực tế đều bị đối đãi mà có tọa độ gông cùm xiềng xích, vĩnh viễn không được tự tại. Nhưng đạo lý tọa độ đây đều không phải nhà tù không thể phá, bản thân họ cũng là dựa vào đồ vật không an trụ, là một thứ giả tướng, là thứ hư vô mù mịt. Cho nên Phật Pháp báo chúng ta rằng, “Tọa độ” đây tức là chướng ngại do tư tưởng của tự thân phát khởi mà thiết lập. Nhưng Tọa độ vô hình đây cũng có thể đả phá bằng cách buông thả chướng ngại trên tư tưởng của tự thân! Quả như chúng ta thật có thể buông thả thì tự tại như thế nào? Đáp rằng: “Bất khả thuyết!”

Nguyệt San Bồ Đề Thọ, kỳ 8, Nguyên Tải thứ 21.
Dịch xong ngày 8 tháng 12 năm 2014.

DỪNG TÂM SAI LẦM

- Cổ Đức nói: “Đều không thể tham thiền là do dùng tâm sai lầm!”
- Hỏi rằng: “Dùng tâm sai lầm là gì?”
- Đáp rằng: “Tuồng cần phải khai ngộ là dùng tâm sai lầm,
“Tuồng cần phải chứng được nhất tâm bất loạn là dụng tâm sai lầm,
“Tuồng cần phải minh tâm kiến tánh là dùng tâm sai lầm,
“Tuồng cần phải thành Phật tác Tổ là dùng tâm sai lầm,
“Tuồng cần phải giảng Kinh thuyết Pháp là dùng tâm sai lầm,

“Đi đứng nằm ngồi cũng là dùng tâm sai lầm,
 “Ăn cháo ăn cơm là dùng tâm sai lầm,
 “Đi tiêu bỏ phân cũng là dùng tâm sai lầm,
 “Động tịnh đến đi đều là dùng tâm sai lầm,
 “Nghĩ thiện nghĩ ác toàn là dùng tâm sai lầm,
 “Lại có một dùng tâm sai lầm khác: chính là ông tướng cần phải
 lánh xa nó, từ lâu đã là thứ hoàn toàn dùng tâm sai lầm!”

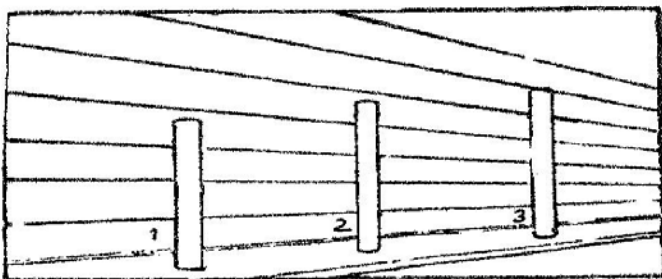
- Hỏi rằng: “Thế thì cuối cùng bằng cách nào mới không khởi dùng tâm sai lầm?”
- Đáp rằng: “Cách ông hỏi, cách tôi đáp cũng là cách dùng tâm sai lầm!”

Như thế lại nói, trên không đối đãi, dưới cũng không đối đãi, bên trái không đối đãi, bên hữu cũng không đối đãi; cho nên ép buộc được ông không đường để chạy. Tam thời không nên trực tiếp phúc đáp, giờ đây thử dùng “Mộng” để nói rõ vấn đề trên. Ông và tôi đang ở trong mộng: Tâm lý chúng ta mỗi khi tưởng cần phải khai ngộ thì trong tâm lúc đó hoàn toàn có ý nghĩ “Khai ngộ” tồn tại và ý nghĩ khai ngộ đây tiền lôi kéo ông và tôi không dứt bỏ được cái “Mộng”, mãi mãi chạy theo trong chốn cảnh mộng mơ từ hồi lâu đời đến nay. Vì thế mới nói: Tướng cần phải minh tâm kiến tánh, tướng cần phải thành Phật tác Tổ, tướng cần phải....., tất cả của tất cả đây đều là do ý niệm của ông và tôi mà khởi lên trong cảnh mộng. Cũng có thể nói, đã có ý niệm sai lầm này thì huyền cảnh đây lập tức xuất hiện ngay. Cái huyền cảnh đây liền tạo thành: thành Phật tác Tổ, minh tâm kiến tánh, giảng kinh thuyết pháp.....hết thảy những sự việc đó hoàn toàn ở trong mộng cả, cho nên nói đều là “Dùng tâm sai lầm.”

Nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sanh già bệnh chết, nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có địa cầu tự chuyển và chung nhau chuyển; nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sơn hà đại địa này; ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sai biệt đây dài kia ngắn! Giảng đến vấn đề đây, hoặc cả ông và tôi hợp lại thì tự mình một mặt cũng sẽ không tin tưởng, xin hỏi những thứ gì đều do nơi dùng tâm sai lầm của chính mình sanh khởi? Đó là điều khiến cho chúng ta vẫn còn phải tiếp tục quán sát kỹ càng theo trong thí dụ Đồ Hình (1) biểu thị để có thể lãnh hội được đích thực rõ ràng hơn:

Đồ Hình (1) biểu thị:

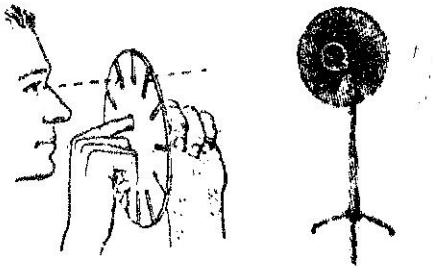
Đồ Hình (1)



Theo như Đồ Hình (1) biểu thị, ba trụ cột cây gỗ 1,2,3 vốn không có dài ngắn, làm thế nào ông và tôi có thể thấy ra được là trụ cột 2 đây so sánh với trụ cột 1 thì trụ cột nào tương đối dài hơn và trụ cột 3 đây so sánh với trụ cột 2 thì trụ cột nào lại dài hơn? Hơn nữa vấn đề Tĩnh và Động như Đồ Hình (2) biểu thị:

Đồ Hình (2) biểu thị:

Đồ Hình (2)



Theo Đồ Hình (2) biểu thị, một cái quạt máy rõ ràng là chuyển động không ngừng, nhưng mà ông và tôi đang từ trong đĩa quay cùng nhau quan sát, liền biết được quạt máy đều không có động. Là sao thế? Địa cầu mỗi ngày vận tốc mỗi giờ là 1000 dặm Anh dùng cho trục quay tự chuyển một lần; mỗi năm vận tốc mỗi giây đồng hồ là 20 dặm Anh dùng cho việc quay một vòng chung quanh mặt trời, mà chúng ta đứng trên địa cầu này một tí cũng không biết được nó đang chuyển động không ngừng. Nhà Khoa Học nói rằng: “Giả sử đem một vật thể nào đó đã có trong vũ trụ chọn lấy sao chép ra để nó tự dùng tốc độ riêng của chính nó trong mỗi giây đồng hồ trải qua 10 vạn 8000 dặm Anh tiến vào thái không, hoặc bảo nó đứng yên một chỗ không di động. Bất luận nó động hoặc tĩnh, không người nào có thể xác định được nó là động hay là tĩnh. Chỉ khi nào nó vận động tương đối một chút thì chúng ta mới có thể xác định được nó tĩnh hoặc động.” Nhân đây ông và tôi bình thường nhận thức đều cho là dài, là ngắn, là động hoặc là tĩnh, thật tại chỉ dựa trên chỗ không trụ của sự vật nương tựa riêng biệt. Ông và tôi lại có một thứ khuynh hướng nội tại, thường thường dựa trên cảm quan theo trình độ cảm giác liền cho là chân thật; đây phải chăng hoàn toàn tiếp nhận chỗ đánh lừa của cảm biết có giới hạn hay sao? Thứ “Đánh lừa” đây chính là kết quả gặt hái được của ông và tôi do dùng tâm sai lầm! Như thế lại nói, hoặc vẫn không thể hiểu biết được tất cả vạn tượng trên thế giới đều là do dùng tâm sai lầm tạo thành; đó là điều khiến ông và tôi phải nêu trở lại một thí dụ thật tế khác: như sự động tác của nhân vật trong điện ảnh, ông và tôi xem đến lúc vui thích và lúc chán chê; có thể là máy điện ảnh chuyển động phim phát hình tốc độ luôn luôn đều nhau, mức độ mỗi giây đồng hồ phát ra là hai mươi lăm bức hình. Mà nhân vật động tác có vui thích có chán chê, đây chính là chỗ phát khởi nơi vọng tâm của ông và tôi. Nếu như dùng một máy “Âm Thoa” điều chỉnh tốc độ để quán sát, liền thấy được hiện tượng tốc độ đều nhau của nó xuẩn hiện. Lúc này ông và tôi cũng sớm đã hiểu rõ nguyên lý động tác giả của nhân vật trên màn ảnh. Nhưng ở trên sự thật tâm lý của ông và tôi thì hoàn toàn nhận lấy chỗ lừa dối của nó; cũng chính là nói cảm tình của

ông và tôi thì hoàn toàn chuyển biến theo sự mừng, giận, buồn, vui của nhân vật trong tuồng kịch; hiện giờ chính tự mình không có một chút phương pháp nào nắm vững con đường chao động của tình cảm trụ lại. Ai ai cũng đều biết đây là kịch giả của điện ảnh trình diễn, mà ông và tôi xem nó khó có thể không bị ảnh hưởng, huống chi thế giới cho là chân thật làm sao có mặt trong sinh hoạt thường ngày? Hiện tại cần nói thế giới này là giả tướng, nó đều dựa vào “Dùng tâm sai lầm” của ông và tôi tạo thành, ai là người có thể tin được? Liên khiến một số người có khả năng lãnh hội được một chút liền nói, đúng là cảnh giới khi thúc đẩy chỗ bất đoạn hướng về ông và tôi, mà tinh thần của ông và tôi sớm đã bị cảnh giới bất tri đó thu hút đến chỗ nào rồi đấy! Làm sao có thể phát hiện được cái “Dùng tâm sai lầm” này?

Cái gì biết có “Dùng tâm sai lầm?” Cần phải hiểu nguyên nhân và cũng bởi do không sáng suốt được cái đạo lý phát khởi, tức là hồ đồ đây mà trong Phật Pháp gọi là “Vô Minh”. Do vô minh cho nên các thống khổ phát khởi bức bách và các thống khổ lại do nơi hành nghiệp từ trước thúc đẩy; hành nghiệp đây cũng chính là do “Dùng tâm sai lầm” trước kia tạo thành. Cho nên nói nhân sanh (hữu tình) càng bị nhốt vào trong chỗ xoay vần không dứt. Do thống khổ bức bách khiến ông và tôi dùng tâm sai lầm, do dùng tâm sai lầm liền dẫn đến hành vi xung động mù quáng; kết quả của hành vi xung động mù quáng là mang theo sự thống khổ và sự thống khổ đây lại kích thích ông và tôi dùng tâm sai lầm và đi đến thực tại là cảnh xoay vần đây mãi mãi không bao giờ đình chỉ. Thí dụ như: vấn đề ăn uống luôn luôn bức bách nơi trên sinh lý hoặc tâm lý của nam nữ, sự thống khổ của ăn uống bức bách đây thúc đẩy dùng tâm sai lầm, tức là đi tìm cầu giải quyết cái khổ đang bức bách này. Nhưng kết quả lại khiến mọi người kêu lên “khổ thấu trời”. Cho nên có một Thi sĩ sáng tác câu thi nói lên cái khổ thế này: “Tôi trước kia khi chưa sanh, ở nơi chỗ tối tăm không biết; ông trời cưỡng ép sanh tôi ra, sanh tôi ra để làm gì? Không có quần áo khiến tôi lạnh lẽo, không có cơm ăn khiến tôi đói khát; trả tôi lại ông trời, trả tôi lại khi chưa sanh!” Giả sử nhân loại nếu là do Thượng Đế vạn năng (Ông Trời) tạo ra, như thế Thượng Đế cũng hoàn toàn là do dùng tâm sai lầm; nguyên do ông làm gì tạo tôi ra không có quần áo khiến tôi bị lạnh lẽo? Ông làm gì tạo tôi ra không cơm ăn khiến tôi bị đói khát? Cho nên Thượng Đế cũng là do dùng tâm sai lầm tạo ra nhân loại! Phật Pháp mách cho chúng ta biết rằng: “Tự tạo tác thì trở lại tự thọ nhận”. Đó chính là nói, tự mình dùng tâm sai lầm dẫn đến hành vi lầm lạc, do sự lầm lạc của hành vi, kết quả mang lại sự thống khổ của đói lạnh. Giả sử trước kia không có dùng tâm sai lầm và lại không có hành vi lầm lạc thì kết quả của sự thống khổ làm sao có thể sanh ra được. Đây là sự lý rất bình thường mà ai ai cũng đều dễ biết.

Trong vấn đề này xin đem một cốt truyện để chứng minh lý do đích thật “Dùng tâm sai lầm”. Câu truyện gọi là “Tâm huyết”. Câu truyện như thế này: Đông Bộ của tỉnh Chiết Giang, có một “Nhà buôn” qua buôn bán, không biết ông tên họ gì. Ông đem theo một vợ và hai con gái, đến ở khách trọ tại địa phương “Nam Hào” của Tô Châu tỉnh Giang Tô. Chỗ ở là nhà lâu, mặt tiền hướng về đường sông qua lại.

Có một vị người ở Hồ Bắc, thật tại cũng không biết tên họ gì, giấy tờ người ghi gọi ông là “Sở Châu Sanh”. Sở Châu Sanh, đại khái là con nhà dòng dõi, sanh ra đẹp đẽ tài ba, hào phóng lanh lợi, mặt mày như bức tranh. Một câu thành ngữ là: “Công tử đẹp trai phong nhã độc nhất trên đời”, diện mạo xinh đẹp của công tử kia e sợ không đủ để hình dung. Sở Châu Sanh nhân

công việc đến Tô Châu bằng đường thủy, chỗ cập bến thuyền của công tử đứng ngay trước mặt nhà lầu nơi tạm cư của “Nhà buôn”.

Một sáng sớm kia, con gái lớn của Nhà buôn, trang điểm buổi sáng vừa xong, cuốn bức rèm mở cửa sổ, đổ nước ra bồn rửa mặt. Thành linh cô xem thấy một thiếu niên đẹp trai đang ngồi trong khoang thuyền, dựa cửa sổ nhìn ra, lúc đó toàn thân của cô giống như bị chạm điện, tức khắc cảm giác bị tê giật. Bồn chứa nước và nước trong bồn rửa mặt của cô đồng loạt rớt xuống đất làm vỡ tan. Ông Sở Châu Sanh nghe tiếng động trên lầu ngó lên thấy một thiếu nữ liền giật mình la hoảng, đương nhiên có cảm giác giống nhau của cô con gái, nhân vì việc đó là một thiếu nữ diện mạo đẹp như hoa, tròn như trăng rằm, cũng không phải là bậc tầm thường. Từ đó cô cuốn bức rèm, dựa cửa sổ, viết sách, thêu thùa, lặng lẽ như thế, tương đối cũng không biết rõ có bao nhiêu ngày.

Ông Sở Châu Sanh có bằng hữu họ Tưởng, gần đây cũng ở tại Tô Châu. Có một ngày, đặc biệt ông Tưởng lên thuyền thăm viếng ông Sở Châu Sanh. Ông Tưởng đến xem thấy tình hình này, đây là vấn đề to lớn chắc chắn “Quan hệ danh tiết” trên hết, khuyên ông Sở Châu Sanh mau dời thuyền cập bến chỗ khác. Ông Sở Châu Sanh tiếp nhận thiện ý của bằng hữu liền dời thuyền đến Tư Môn; vài ngày sau, ông liền trở về quê nhà.

Không bao lâu, binh mã của Hồng Tú Toàn quấy nhiễu đến địa phương Tô Châu và Nam Hào, thiêu đốt sát hại nhà cửa và nhân dân hai nơi này rất thê thảm. Lại bất hạnh là: người thiếu nữ và mẫu thân cùng em gái đều đồng loạt chôn thân nơi lò lửa.

Nạn dân sống sót sau tai hoạ, nhà tan cửa nát, không làm sao sống được khi vừa lúa tập trung nơi phía đông một đồng, nơi phía tây một đồng giữa đồng gạch ngói vụn, đồng thời khai thác vật dụng đánh giá tiền bạc, như trao đổi vàng bạc để đổi lấy một đấu thóc hay một lít gạo. Tại đó có một số người con buôn cư ngụ nhà lầu nằm chỗ mặt trước, đào khoét ra được một miếng giống như thịt mà không phải thịt, trên khắt dưới khoan đã thành một vật. Có một Đại Gia chuyên môn trao đổi hàng hoá đang trông thấy, theo dõi rốt cuộc không hiểu là thứ gì? Vừa lúc đó có vị quan binh, trên thân đang mang con dao, do đi qua đây nhìn thấy ở nơi đó mọi người xoay quanh xếp thành một đám đông bàn luận xôn xao, họ cũng chen chân vào trong đó, kết quả suy nghĩ thấy được câu chuyện: Có một nạn dân trong tay chuyển giúp người khác cái quái vật. Quan binh liền nắm tay của nạn dân rút ra một con dao, đem vật quái lạ này tháo ra. Nhìn một cách cẩn thận, kỳ lạ thay! Trong đó bề mặt của con dao hiện rõ cửa sổ chiếc thuyền hình vuông, giữa cửa sổ nghiêm nhiên có một hình thiếu nam; mà lại có một cành dương liễu, lay động phe phẩy ở trên mũi thuyền. Tuy nhiên nhìn tỉ mỉ một lúc thì thấy cũng rất tốt; Đại Gia kia thì không biết là vật gì, trái lại ra khỏi đám đông được một lúc rồi bắt đầu đi lặng lẽ.

Có sự việc xảy ra vừa đúng lúc là ngay khi ấy họ Tưởng bằng hữu của Sở Châu Sanh cũng từ trong đám đó đi qua, xem thấy một đại binh, trên tay đang cầm cái gì đó và còn quan sát nhiều lần rất kỹ; họ Tưởng cũng tụ tập lại gần chỗ đông người để xem, tức khắc hiểu rõ ngay, đây là quả tim của một thiếu nữ, nguyên do hình ảnh của thiếu niên rõ ràng là ông Sở Châu Sanh. Chỉ là họ Tưởng không tiện nói rõ, vì chính ông lấy con dao của đại binh nào đó, cắt ra

hai miếng mang chạy về nhà, đem một miếng khắc quả tim của một thiếu nữ, dùng cái hộp bằng cây trang điểm đẹp đẽ, sai người đưa giúp ông Sở Châu Sanh. Ông Sở Châu Sanh mở hộp ra nhìn thấy trong cái hộp không có vật gì, chỉ là một vết máu tanh màu đỏ sẫm mà thôi. (Chú thích).

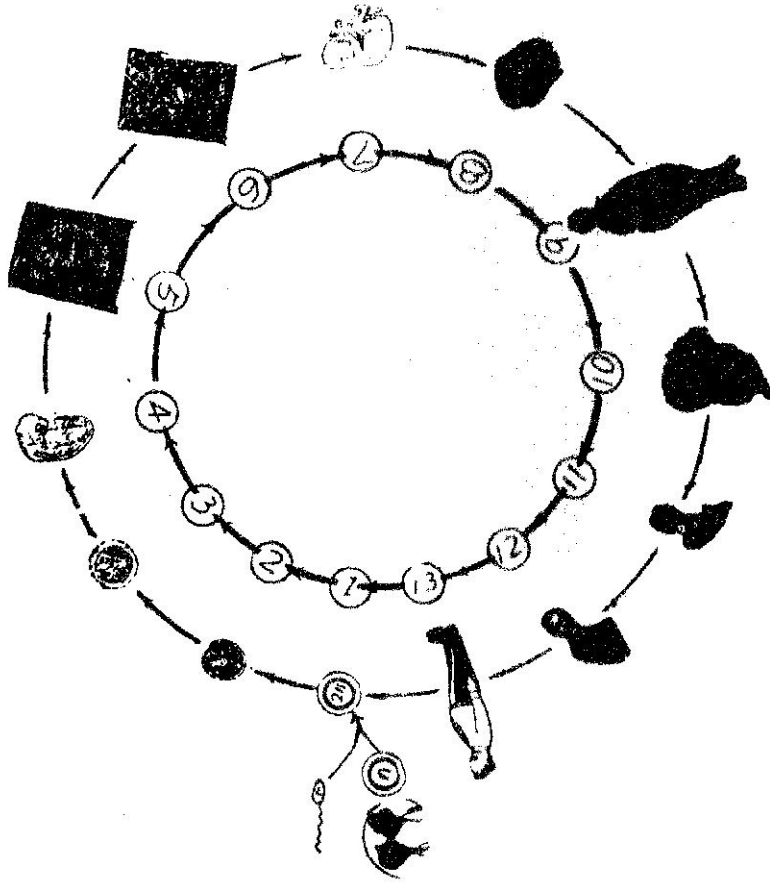
Truyện đây hoàn toàn không phải đặc biệt kỳ lạ mà chỉ là sự luyện ái thường tình của ngàn vạn nam nữ, cũng vì thế mới bị người có cơ hội phát hiện mà thôi. Có thể bằng chứng đích thực của kết quả sau khi bình thường dùng tâm sai lầm. Xin xem lại Tông Cảnh Lục: “Ba Chất Đa Gia, gọi đây là tâm tập khởi, Thức thứ tám tích tập chủng tử sanh khởi hiện hành”. Cũng chính là nói tâm đây có hai phương diện tác dụng:

Một phương diện tác dụng tập khởi. Cái gì là tập khởi? Tập là tập trung, là ý nghĩa tập hợp; cũng chính là bình thường đem chỗ tư tưởng, lời nói, việc làm, hành động, xem thấy, nghe tiếng, xúc chạm..... của chúng ta mỗi mỗi chỗ đều đem nó thu góp lại để phát khởi, chứa vào trong tâm điền lớn vô hạn đây.

Một phương diện chủng tử tác dụng hiện hành. Chủng tử tức là chủng tử bình thường của tư tưởng, của lời nói.....tiến vào nằm trong tâm điền. Thí dụ như chủng tử hạt đậu nằm trọn trong đất, liền sanh ra mầm đậu, rễ đậu, lá đậu, hoa đậu, trái đậu. Mầm, rễ, lá, hoa, trái đây đều là tác dụng “Hiện Hành” của chủng tử hạt đậu. Tâm đây thì cũng như thế, đem chủng tử của tư tưởng, của lời nói.... ở quá khứ chứa nhóm nơi trong tâm điền đây, cũng giống như cốt truyện “Máu Tim” đã kể trên; chủng tử một khi gặp được cơ duyên, liền sanh khởi hiện hành. Hiện hành tức là xuất hiện thế giới hiện thật này, vũ trụ cùng nhân sanh đều hiển hiện ra! Tập khởi của tâm cùng hiện hành hai thứ tác dụng, có thể đem máy điện ảnh của cận đại ra để chứng minh: máy điện ảnh có hai bộ phận là máy nhiếp ảnh và máy phóng ảnh. Tác dụng của máy nhiếp ảnh vừa tác dụng tập khởi tương tự như tâm, đã thế máy phóng ảnh lại cùng tâm tác dụng tương tự khi chủng tử hiện hành. Máy nhiếp ảnh của điện ảnh có thể thu lấy sơn hà đại địa cho đến nhân vật các sắc, có âm thanh, có hình sắc; mà tâm chúng ta hằng ngày đang nhiếp ảnh thì lúc nào cũng đang nhiếp ảnh, giờ phút nào cũng đang nhiếp ảnh, giây phút nào cũng đang nhiếp ảnh, từng giây từng phút không ngừng ở chỗ nhiếp ảnh. Từ xưa đến nay nhiếp ảnh có thiện, có ác, có tốt cũng có xấu, có thất tình như, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn..v..v..... Chủ yếu nhất là hoàn toàn không thoát khỏi nhiếp ảnh vào những cốt truyện trên một tình trường nam nữ ân ái. Cho nên trong tâm của mỗi người đều có tồn tại một bộ phim ảnh tình trường này, bất luận là người thanh niên hoặc thậm chí kể cả ông già một trăm tuổi cũng đã hoàn hảo, nghĩa là họ đã bảo tồn một đoạn phim xuân tình đấy. Cho nên tục ngữ có nói: “Người già tâm không già”, cũng chính là chỉ cho cái dục của nam nữ. Vì thế mỗi lần sau khi tử vong lập tức sẽ bị nghiệp lực của sắc đẹp đây lôi cuốn. Chỗ gọi là nghiệp lực lôi cuốn, giống như phim điện ảnh đã chụp lấy rất tốt, nhất định đang có cơ hội chiếu lên biểu diễn. Nhất định chiếu lên biểu diễn đây cũng có thể cho là chịu chi phối bởi tâm lý của quần chúng nhìn xem; sự chi phối đây cũng tức là sự lôi cuốn của nghiệp lực. Mà phim ảnh trong tâm của chúng ta cũng như thế, nghĩa là cũng chịu sự chi phối bởi tâm lý sai lầm của chính mình. Do lôi cuốn nên bị đi đầu thai trở lại theo như Đồ Hình (3) biểu thị:

Đồ Hình (3) biểu thị:

Đồ Hình (3)



Theo Đồ Hình (3) biểu thị, vì nghiệp lực lôi cuốn cho nên phải đi đầu thai trở lại, trước hết hình thành vào trong thai, ở trong thai, sanh ra, lớn lên để rồi chết đi. Sau khi chết thì phải đi đầu thai tiếp..... và cứ như thế mãi xoay vần không dứt. Thí dụ như điện ảnh chiếu lên ảnh thế giới này và đồng thời cũng thu lấy ảnh thế giới này. Đây chính là nói chiếu ảnh ra rồi lại thu ảnh vào, thu ảnh vào rồi lại chiếu ảnh ra, chỗ chiếu ra thu vào mãi cứ như thế không đình chỉ. Hiện tượng này trong Phật Pháp của chúng ta gọi là Luân Hồi. Nói đi nói lại đều là do nơi việc làm quái gở của dùng tâm sai lầm mà sanh khởi các thứ nhận thức lầm lạc. Bởi không biết vạn sự vạn vật trên thế giới này đều là do nhân duyên tập hợp lại thành hình, duyên tụ tập thì có mặt, duyên ly tán thì diệt vong, không có thật thể của bản lai. Do đạo lý không sáng suốt đây nên sanh khởi vọng chấp (dùng tâm sai lầm) các thứ. Vọng chấp đây liền mang đến phiền não các thứ, do phiền não các thứ phát động hành vi tội hoặc phước của thân miệng và ý. Hành vi đây cũng giống như cái bật điện của nhiếp ảnh không khác: Phim hoạt họa, phim châm biếm! Tình cảnh thu lấy bên trong và bên ngoài, nhân đó, sanh mạng của hữu tình (bao gồm sanh mạng con người) mãi mãi ở trong dòng sông dài sanh sanh tử tử chuyên làm công việc thu vào và chiếu ra không bao giờ dừng nghỉ. Có thể nói chỗ thu vào đích thực cũng là chỗ các màn ảnh liên tiếp chiếu ra, con người đang diễn kịch trên sân khấu trần đời và đang nô đùa mãi mãi

không hoàn tất; nghĩa là chúng ta lúc nào cũng ở nơi dùng tâm sai lầm, thời khắc nào cũng ở nơi dùng tâm sai lầm, nguyên vì không giây phút nào ngừng duyên nơi chỗ dùng tâm sai lầm.

Nơi đây xin phúc đáp trở lại vấn đề trước như: “Tuồng cần phải khai ngộ là dùng tâm sai lầm, tuồng cần phải chứng được nhất tâm bất loạn là dùng tâm sai lầm....., ăn cháo ăn cơm đều là dùng tâm sai lầm.....” Tại sao thế? Vấn đề này có thể mượn tình hình thấu ảnh và chiếu ảnh của máy điện ảnh để giải đáp: Ngay khi ông và tôi có cái “Tuồng cần phải” đây là vì đã có ý niệm của cái “Tuồng cần phải” đó liền tác dụng thấu nhận chứa đựng tồn tại nơi tâm. Khi đã có thấu nhận thì tâm cảm nhận sáng suốt nhanh nhẹn gần giống như phần mềm của phim, lập tức thấu lấy cảnh vật bên ngoài. Đã có cảnh vật thấu vào thì sẽ có thời cơ chiếu ra trình diễn. Những cảnh vật chiếu ra trình diễn đây chính là y chánh hai báo (Y chánh hai báo nghĩa là y báo và chánh báo; chánh báo là chỉ cho nhân sanh; y báo là chỉ cho thế giới hiện thật). Đã có chỗ cảm ứng hai báo này thì tiếp theo lại cần đến thấu lấy không ngừng. Nói như thế có nghĩa là bị trầm luân ở trong biển khổ, vẫn luân hồi trong lục đạo như cũ; cho nên người tham thiền không thể có “Dùng tâm sai lầm” chính là lý này.

Hơn nữa nói trở lại: Đúng như trên, người niệm Phật nguyện sanh về thế giới Cực Lạc Tây Phương cần phải như thế nào? Đây không phải là cũng “Dùng tâm sai lầm” sao? Vấn đề đây cũng có thể dùng hai bộ phận tác dụng thấu ảnh và chiếu ảnh của máy điện ảnh đã trình bày trên để giải đáp: Người niệm Phật, làm những việc như xây dựng Phật Đường nguy nga đàng hoàng, trang nghiêm Phật tượng, cho đến đem bảy thứ cúng dường như nước, hương, hoa, đèn, đồ hương, trái cây, âm nhạc..v.v.... và lễ Phật thì như thế nào? Người không rõ đạo lý sẽ nói chúng ta đang lay thần tượng. Nhưng đọc qua chỗ tâm thấu ảnh và chiếu ảnh trình diễn giải thích qua ở trên thì cũng chính đã minh bạch được dụng ý tâm thành kính của người niệm Phật! Cho nên người niệm Phật thường thường cần niệm Phật, giờ phút cúng Phật lễ Phật, cũng chính là óng kính thường thường thấu lấy niệm Phật và lễ Phật. Giả sử như có cách quăng khiến những tạp sự của người khác đang thâm nhập; tâm như thế liền lập tức thấu lấy những tạp sự và những tạp niệm đó ngay. Sau này khi chiếu ra trình diễn thì cũng như thế, những thứ tạp sự và tạp niệm lập tức sanh ra vô cùng hỗn tạp không thanh tịnh! Cho nên người niệm Phật cần phải niệm nhất tâm bất loạn, thấu vào đều là thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau này chiếu ra trình diễn cũng hoàn toàn là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Như thế mỗi lần đã vãng sanh Tịnh Độ thì thấu vào rồi lại chiếu ra, chiếu ra rồi lại thấu vào; thấu đi thấu lại và chiếu đi chiếu lại đều là thế giới Tây Phương Cực Lạc; cho nên vĩnh viễn sanh vào cõi Phật nào đó cũng là lý này. Người học Mật Tông đương quán tưởng tự mình cùng tất cả chúng sanh đều là Phật và Bồ Tát; đã thường thường thấu vào cõi Phật thanh tịnh thì đương nhiên kết quả chỗ chiếu lên trình diễn đều là chư Phật, chư Bồ Tát làm bạn lữ, tự mình nhờ đó có thể sanh Phật quốc tịnh độ, chính là lý tức ở đây vậy. Cho nên Kinh Bát Nhã nói rằng: “Nơi tất cả pháp, tâm thì khéo dẫn đường. Nếu có thể biết được tâm, tất nhiên biết các pháp, các thứ pháp thế gian đều do tâm.”

Chú Ý:

(Các bài như: Nhân Duyên Không Tánh, Quán Như Mộng, Quán Tương Đối Của Sắc Không, Sắc Tức Là Không Không Tức Là Sắc, Lược Thuật Không Sanh Không Diệt, Quán Tương Đối Không Sanh Không Diệt, Không Thường Cũng Không Đoạn, Thế Gian Của Giả Tướng, Bất Khả Thuyết, Dùng Tâm Sai Lầm cùng một Tác Giả Lý Nhất Quang đều trích trong quyển Phật Pháp Dữ Khoa Học Đích Tỷ Giảo Xiển Thích, do nhà xuất bản Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn hành, địa chỉ: Lầu 11, hiệu 55, Đoạn 1 Nam Lộ, Hàng Châu, Thị Trấn Dài Bắc. Điện Thoại: (011) 3951198. Để làm phong phú cho nền văn học Phật Giáo Việt Nam, Thăng Hoan xin trích dịch những tư tưởng hay của tác giả trong những bài kể trên làm tài liệu nghiên cứu. Thăng Hoan dịch theo lối thoát văn và thêm bớt đôi chữ cũng như giải thích thêm trong dấu ngoặc [...] nhằm làm sáng tỏ vấn đề mà không mất ý tưởng tác giả, xin tác giả tha thứ cho.)

DỪNG TÂM SAI LẦM

- Cổ Đức nói: “Đều không thể tham thiền là do dùng tâm sai lầm!”

- Hỏi rằng: “Dùng tâm sai lầm là gì?”

- Đáp rằng: “Tưởng cần phải khai ngộ là dùng tâm sai lầm,

“Tưởng cần phải chứng được nhất tâm bất loạn là dụng tâm sai lầm,

“Tưởng cần phải minh tâm kiến tánh là dùng tâm sai lầm,

“Tưởng cần phải thành Phật tác Tổ là dùng tâm sai lầm,

“Tưởng cần phải giảng Kinh thuyết Pháp là dùng tâm sai lầm,

“Đi đứng nằm ngồi cũng là dùng tâm sai lầm,

“Ăn cháo ăn cơm là dùng tâm sai lầm,

“Đi tiêu bỏ phân cũng là dùng tâm sai lầm,

“Động tịnh đến đi đều là dùng tâm sai lầm,

“Nghĩ thiện nghĩ ác toàn là dùng tâm sai lầm,

“Lại có một dùng tâm sai lầm khác: chính là ông tưởng cần phải lánh xa nó, từ lâu đã là thứ hoàn toàn dùng tâm sai lầm!”

- Hỏi rằng: “Thế thì cuối cùng bằng cách nào mới không khởi dùng tâm sai lầm?”

- Đáp rằng: “Cách ông hỏi, cách tôi đáp cũng là cách dùng tâm sai lầm!”

Như thế lại nói, trên không đối đãi, dưới cũng không đối đãi, bên trái không

đối đãi, bên hữu cũng không đối đãi; cho nên ép buộc được ông không đường để chạy. Tạm thời không nên trực tiếp phúc đáp, giờ đây thử dùng “Mộng” để nói rõ vấn đề trên. Ông và tôi đang ở trong mộng: Tâm lý chúng ta mỗi khi tưởng cần phải khai ngộ thì trong tâm lúc đó hoàn toàn có ý nghĩ “Khai ngộ” tồn tại và ý nghĩ khai ngộ đây tiền lời kéo ông và tôi không dứt bỏ được cái “Mộng”, mãi mãi chạy theo trong chốn cảnh mộng mơ từ hồi lâu đời đến nay. Vì thế mới nói: Tưởng cần phải minh tâm kiến tánh, tưởng cần phải thành Phật tác Tổ, tưởng cần phải....., tất cả của tất cả đây đều là do ý niệm của ông và tôi mà khởi lên trong cảnh mộng. Cũng có thể nói, đã có ý niệm sai lầm này thì huyền cảnh đây lập tức xuất hiện ngay. Cái huyền cảnh đây liền tạo thành: thành Phật tác Tổ, minh tâm kiến tánh, giảng kinh thuyết pháp.....hết thảy những sự việc đó hoàn toàn ở trong mộng cả, cho nên nói đều là “Dùng tâm sai lầm.”

Nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sanh già bệnh chết, nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có địa cầu tự chuyển và chung nhau chuyển; nguyên do ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sơn hà đại địa này; ngay cả ông và tôi đều dùng tâm sai lầm nên mới có sai biệt đây dài kia ngắn! Giảng đến vấn đề đây, hoặc cả ông và tôi hợp lại thì tự mình một mặt cũng sẽ không tin tưởng, xin hỏi những thứ gì đều do nơi dùng tâm sai lầm của chính mình sanh khởi? Đó là điều khiến cho chúng ta vẫn còn phải tiếp tục quán sát kỹ càng theo trong thí dụ Đồ Hình (1) biểu thị để có thể lãnh hội được đích thực rõ ràng hơn:

Đồ Hình (1) biểu thị:

Theo như Đồ Hình (1) biểu thị, ba trụ cột cây gỗ 1,2,3 vốn không có dài ngắn, làm thế nào ông và tôi có thể thấy ra được là trụ cột 2 đây so sánh với trụ cột 1 thì trụ cột nào tương đối dài hơn và trụ cột 3 đây so sánh với trụ cột 2 thì trụ cột nào lại dài hơn? Hơn nữa vấn đề Tĩnh và Động như Đồ Hình (2) biểu thị:

Đồ Hình (2) biểu thị:

Theo Đồ Hình (2) biểu thị, một cái quạt máy rõ ràng là chuyển động không ngừng, nhưng mà ông và tôi đang từ trong đĩa quay cùng nhau quan sát, liền biết được quạt máy đều không có động. Là sao thế? Địa cầu mỗi ngày vận tốc mỗi giờ là 1000 dặm Anh dùng cho trục quay tự chuyển một lần; mỗi năm vận tốc mỗi giây đồng hồ là 20 dặm Anh dùng cho việc quay một vòng chung quanh mặt trời, mà chúng ta đứng trên địa cầu này một tí cũng không biết được nó đang chuyển động không ngừng. Nhà Khoa Học nói rằng: “Giả sử đem một vật thể nào đó đã có trong vũ trụ chọn lấy sao chép ra để nó tự dùng tốc độ riêng của chính nó trong mỗi giây đồng hồ trải qua 10 vạn 8000 dặm Anh tiến vào thái không, hoặc bảo nó đứng yên một chỗ không di động. Bất luận nó động hoặc tịnh, không người nào có thể xác định được nó là động hay là tịnh. Chỉ khi nào nó vận động tương đối một chút thì chúng ta mới có thể xác định được nó tịnh hoặc động.” Nhân đây ông và tôi bình thường nhận thức đều cho là dài, là ngắn, là động hoặc là tịnh, thật tại chỉ dựa trên chỗ không trụ của sự vật nương tựa riêng biệt. Ông và tôi lại có một thứ khuynh hướng nội tại, thường thường dựa trên cảm quan theo trình độ cảm giác liền cho là chân thật; đây phải chăng hoàn toàn tiếp nhận chỗ đánh lừa của cảm biết có giới hạn hay sao? Thứ “Đánh lừa” đây chính là kết quả gặt hái được của ông và tôi do dùng tâm sai lầm! Như thế lại nói, hoặc vẫn không thể hiểu biết được tất cả vạn tượng trên thế giới đều là do dùng tâm sai lầm tạo thành; đó là điều khiến ông và tôi phải nêu trở lại một thí dụ thật tế khác: như sự động tác của nhân vật trong điện ảnh, ông và tôi xem đến lúc vui thích và lúc chán chê; có thể là máy điện ảnh chuyển động phim phát hình tốc độ luôn luôn đều nhau, mức độ mỗi giây đồng hồ phát ra là hai mươi lăm bức hình. Mà nhân vật động tác có vui thích có chán chê, đấy chính là chỗ phát khởi nơi vọng tâm của ông và tôi. Nếu như dùng một máy “Âm Thoa” điều

chỉnh tốc độ để quán sát, liền thấy được hiện tượng tốc độ đều nhau của nó xuẩn hiện. Lúc này ông và tôi cũng sớm đã hiểu rõ nguyên lý động tác giả của nhân vật trên màn ảnh. Nhưng ở trên sự thật tâm lý của ông và tôi thì hoàn toàn nhận lấy chỗ lừa dối của nó; cũng chính là nói cảm tình của ông và tôi thì hoàn toàn chuyển biến theo sự mừng, giận, buồn, vui của nhân vật trong tuồng kịch; hiện giờ chính tự mình không có một chút phương pháp nào nắm vững con đường chao động của tình cảm trụ lại. Ai ai cũng đều biết đây là kịch giả của điện ảnh trình diễn, mà ông và tôi xem nó khó có thể không bị ảnh hưởng, hướng chi thế giới cho là chân thật làm sao có mặt trong sinh hoạt thường ngày? Hiện tại cần nói thế giới này là giả tượng, nó đều dựa vào “Dùng tâm sai lầm” của ông và tôi tạo thành, ai là người có thể tin được? Liền khiến một số người có khả năng lãnh hội được một chút liền nói, đúng là cảnh giới khi thúc đẩy chỗ bất đoạn hướng về ông và tôi, mà tinh thần của ông và tôi sớm đã bị cảnh giới bất tri đó thu hút đến chỗ nào rồi đấy! Làm sao có thể phát hiện được cái “Dùng tâm sai lầm” này?

Cái gì biết có “Dùng tâm sai lầm?” Cần phải hiểu nguyên nhân và cũng bởi do không sáng suốt được cái đạo lý phát khởi, tức là hồ đồ đấy mà trong Phật Pháp gọi là “Vô Minh”. Do vô minh cho nên các thống khổ phát khởi bức bách và các thống khổ lại do nơi hành nghiệp từ trước thúc đẩy; hành nghiệp đây cũng chính là do “Dùng tâm sai lầm” trước kia tạo thành. Cho nên nói nhân sanh (hữu tình) càng bị nhốt vào trong chỗ xoay vần không dứt. Do thống khổ bức bách khiến ông và tôi dùng tâm sai lầm, do dùng tâm sai lầm liền dẫn đến hành vi xung động mù quáng; kết quả của hành vi xung động mù quáng là mang theo sự thống khổ và sự thống khổ đây lại kích thích ông và tôi dùng tâm sai lầm và đi đến thực tại là cảnh xoay vần đây mãi mãi không bao giờ đình chỉ. Thí dụ như: vấn đề ăn uống luôn luôn bức bách nơi trên sinh lý hoặc tâm lý của nam nữ, sự thống khổ của ăn uống bức bách đây thúc đẩy dùng tâm sai lầm, tức là đi tìm cầu giải quyết cái khổ đang bức bách này. Nhưng kết quả lại khiến mọi người kêu lên “khổ thấu trời”. Cho nên có một Thi sĩ sáng tác câu thi nói lên cái khổ thế này: “Tôi trước kia khi chưa sanh, ở nơi chỗ tối tăm không biết; ông trời cưỡng ép sanh tôi ra, sanh tôi ra để làm gì? Không có quần áo khiến tôi lạnh lẽo, không có cơm ăn khiến tôi đói khát; trả tôi lại ông trời, trả tôi lại khi chưa sanh!” Giả sử nhân loại nếu là do Thượng Đế vạn năng (Ông Trời) tạo ra, như thế Thượng Đế cũng hoàn toàn là do dùng tâm sai lầm; nguyên do ông làm gì tạo tôi ra không có quần áo khiến tôi bị lạnh lẽo? Ông làm gì tạo tôi ra không cơm ăn khiến tôi bị đói khát? Cho nên Thượng Đế cũng là do dùng tâm sai lầm tạo ra nhân loại! Phật Pháp mách cho chúng ta biết rằng: “Tự tạo tác thì trở lại tự thọ nhận”. Đó chính là nói, tự mình dùng tâm sai lầm dẫn đến hành vi làm lạc, do sự làm lạc của hành vi, kết quả mang lại sự thống khổ của đói lạnh. Giả sử trước kia không có dùng tâm sai lầm và lại không có hành vi làm lạc thì kết quả của sự thống khổ làm sao có thể sanh ra được. Đây là sự lý rất bình thường mà ai ai cũng đều dễ biết.

Trong vấn đề này xin đem một cốt truyện để chứng minh lý do đích thật “Dùng tâm sai lầm”. Câu truyện gọi là “Tâm huyết”. Câu truyện như thế này: Đông Bộ của tỉnh Chiết

Giang, có một “Nhà buôn” qua buôn bán, không biết ông tên họ gì. Ông đem theo một vợ và hai con gái, đến ở khách trọ tại địa phương “Nam Hào” của Tô Châu tỉnh Giang Tô. Chỗ ở là nhà lầu, mặt tiền hướng về đường sông qua lại.

Có một vị người ở Hồ Bắc, thật tại cũng không biết tên họ gì, giấy tờ người ghi gọi ông là “Sở Châu Sanh”. Sở Châu Sanh, đại khái là con nhà dòng dõi, sanh ra đẹp đẽ tài ba, hào phóng lanh lợi, mặt mày như bức tranh. Một câu thành ngữ là: “Công tử đẹp trai phong nhã độc nhất trên đời”, diện mạo xinh đẹp của công tử kia e sợ không đủ để hình dung. Sở Châu Sanh nhân công việc đến Tô Châu bằng đường thủy, chỗ cập bến thuyền của công tử đúng ngay trước mặt nhà lầu nơi tạm cư của “Nhà buôn”.

Một sáng sớm kia, con gái lớn của Nhà buôn, trang điểm buổi sáng vừa xong, cuốn bức rèm mở cửa sổ, đổ nước ra bồn rửa mặt. Thình lình cô xem thấy một thiếu niên đẹp trai đang ngồi trong khoang thuyền, dựa cửa sổ nhìn ra, lúc đó toàn thân của cô giống như bị chạm điện, tức khắc cảm giác bị tê giật. Bồn chứa nước và nước trong bồn rửa mặt của cô đồng loạt rớt xuống đất làm vỡ tan. Ông Sở Châu Sanh nghe tiếng động trên lầu ngó lên thấy một thiếu nữ liền giật mình la hoảng, đương nhiên có cảm giác giống nhau của cô con gái, nhân vì việc đó là một thiếu nữ diện mạo đẹp như hoa, tròn như trăng rằm, cũng không phải là bậc tầm thường. Từ đó cô cuốn bức rèm, dựa cửa sổ, viết sách, thêu thùa, lặng lẽ như thế, tương đối cũng không biết rõ có bao nhiêu ngày.

Ông Sở Châu Sanh có bằng hữu họ Tường, gần đây cũng ở tại Tô Châu. Có một ngày, đặc biệt ông Tường lên thuyền thăm viếng ông Sở Châu Sanh. Ông Tường đến xem thấy tình hình này, đây là vấn đề to lớn chắc chắn “Quan hệ danh tiết” trên hết, khuyên ông Sở Châu Sanh mau dời thuyền cập bến chỗ khác. Ông Sở Châu Sanh tiếp nhận thiện ý của bằng hữu liền dời thuyền đến Tư Môn; vài ngày sau, ông liền trở về quê nhà.

Không bao lâu, binh mã của Hồng Tú Toàn quấy nhiễu đến địa phương Tô Châu và Nam Hào, thiêu đốt sát hại nhà cửa và nhân dân hai nơi này rất thâm. Lại bất hạnh là: người thiếu nữ và mẫu thân cùng em gái đều đồng loạt chôn thân nơi lò lửa.

Nạn dân sống sót sau tai họa, nhà tan cửa nát, không làm sao sống được khi vừa lúa tập trung nơi phía đông một đống, nơi phía tây một đống giữa đống gạch ngói vụn, đồng thời khai thác vật dụng đánh giá tiền bạc, như trao đổi vàng bạc để đổi lấy một đấu thóc hay một lít gạo. Tại đó có một số người con buôn cư ngụ nhà lầu nằm chỗ mặt trước, đào khoét ra được một miếng giống như thịt mà không phải thịt, trên khắt dưới khoan đã thành một vật. Có một Đại Gia chuyên môn trao đổi hàng hoá đang trông thấy, theo dõi rốt cuộc không hiểu là thứ gì? Vừa lúc đó có vị quan binh, trên thân đang mang con dao, do đi qua đấy nhìn thấy ở nơi đó mọi người xoay quanh xếp thành một đám đông bàn luận xôn xao, họ cũng chen chân vào trong đó, kết quả suy nghĩ thấy được câu chuyện: Có một nạn dân trong tay chuyển giúp người khác cái quái vật. Quan

binh liền nắm tay của nạn dân rút ra một con dao, đem vật quái lạ này tháo ra. Nhìn một cách cẩn thận, kỳ lạ thay! Trong đó bề mặt của con dao hiện rõ cửa sổ chiếc thuyền hình vuông, giữa cửa sổ nghiêng nhiên có một hình thiếu nam; mà lại có một cành dương liễu, lay động phe phẩy ở trên mũi thuyền. Tuy nhiên nhìn tỉ mỉ một lúc thì thấy cũng rất tốt; Đại Gia kia thì không biết là vật gì, trái lại ra khỏi đám đông được một lúc rồi bắt đầu đi lạng lẽ.

Có sự việc xảy ra vừa đúng lúc là ngay khi ấy họ Tưởng bằng hữu của Sở Châu Sanh cũng từ trong đám đó đi qua, xem thấy một đại binh, trên tay đang cầm cái gì đó và còn quan sát nhiều lần rất kỹ; họ Tưởng cũng tụ tập lại gần chỗ đông người để xem, tức khắc hiểu rõ ngay, đây là quả tim của một thiếu nữ, nguyên do hình ảnh của thiếu niên rõ ràng là ông Sở Châu Sanh. Chỉ là họ Tưởng không tiện nói rõ, vì chính ông lấy con dao của đại binh nào đó, cắt ra hai miếng mang chạy về nhà, đem một miếng khắc quả tim của một thiếu nữ, dùng cái hộp bằng cây trang điểm đẹp đẽ, sai người đưa giúp ông Sở Châu Sanh. Ông Sở Châu Sanh mở hộp ra nhìn thấy trong cái hộp không có vật gì, chỉ là một vết máu tanh màu đỏ sẫm mà thôi. (Chú thích).

Truyện đây hoàn toàn không phải đặc biệt kỳ lạ mà chỉ là sự luyện ái thường tình của ngàn vạn nam nữ, cũng vì thế mới bị người có cơ hội phát hiện mà thôi. Có thể bằng chứng đích thực của kết quả sau khi bình thường dùng tâm sai lầm. Xin xem lại Tông Cảnh Lục: “Ba Chất Đa Gia, gọi đây là tâm tập khởi, Thức thứ tám tích tập chủng tử sanh khởi hiện hành”. Cũng chính là nói tâm đây có hai phương diện tác dụng:

Một phương diện tác dụng tập khởi. Cái gì là tập khởi? Tập là tập trung, là ý nghĩa tập hợp; cũng chính là bình thường đem chỗ tư tưởng, lời nói, việc làm, hành động, xem thấy, nghe tiếng, xúc chạm..... của chúng ta mỗi mỗi chỗ đều đem nó thu góp lại để phát khởi, chứa vào trong tâm điền lớn vô hạn đây.

Một phương diện chủng tử tác dụng hiện hành. Chủng tử tức là chủng tử bình thường của tư tưởng, của lời nói.....tiến vào nằm trong tâm điền. Thí dụ như chủng tử hạt đậu nằm trọn trong đất, liền sanh ra mầm đậu, rễ đậu, lá đậu, hoa đậu, trái đậu. Mầm, rễ, lá, hoa, trái đây đều là tác dụng “Hiện Hành” của chủng tử hạt đậu. Tâm đây thì cũng như thế, đem chủng tử của tư tưởng, của lời nói.... ở quá khứ chứa nhóm nơi trong tâm điền đây, cũng giống như cốt truyện “Máu Tim” đã kể trên; chủng tử một khi gặp được cơ duyên, liền sanh khởi hiện hành. Hiện hành tức là xuất hiện thế giới hiện tại này, vũ trụ cùng nhân sanh đều hiển hiện ra! Tập khởi của tâm cùng hiện hành hai thứ tác dụng, có thể đem máy điện ảnh của cận đại ra để chứng minh: máy điện ảnh có hai bộ phận là máy nhiếp ảnh và máy phóng ảnh. Tác dụng của máy nhiếp ảnh vừa tác dụng tập khởi tương tự như tâm, đã thế máy phóng ảnh lại cùng tâm tác dụng tương tự khi chủng tử hiện hành. Máy nhiếp ảnh của điện ảnh có thể thu lấy sơn hà đại địa cho đến nhân vật các sắc, có âm thanh, có hình sắc; mà tâm chúng ta hằng ngày đang nhiếp

ảnh thì lúc nào cũng đang nhiếp ảnh, giờ phút nào cũng đang nhiếp ảnh, giây phút nào cũng đang nhiếp ảnh, từng giây từng phút không ngừng ở chỗ nhiếp ảnh. Từ xưa đến nay nhiếp ảnh có thiện, có ác, có tốt cũng có xấu, có thất tình như, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn...v.v..... Chủ yếu nhất là hoàn toàn không thoát khỏi nhiếp ảnh vào những cốt truyện trên một tình trường nam nữ ân ái. Cho nên trong tâm của mỗi người đều có tồn tại một bộ phim ảnh tình trường này, bất luận là người thanh niên hoặc thậm chí kể cả ông già một trăm tuổi cũng đã hoàn hảo, nghĩa là họ đã bảo tồn một đoạn phim xuân tình đấy. Cho nên tục ngữ có nói: “Người già tâm không già”, cũng chính là chỉ cho cái dục của nam nữ. Vì thế mỗi lần sau khi tử vong lập tức sẽ bị nghiệp lực của sắc đẹp đây lôi cuốn. Chỗ gọi là nghiệp lực lôi cuốn, giống như phim điện ảnh đã chụp lấy rất tốt, nhất định đang có cơ hội chiếu lên biểu diễn. Nhất định chiếu lên biểu diễn đây cũng có thể cho là chịu chi phối bởi tâm lý của quần chúng nhìn xem; sự chi phối đây cũng tức là sự lôi cuốn của nghiệp lực. Mà phim ảnh trong tâm của chúng ta cũng như thế, nghĩa là cũng chịu sự chi phối bởi tâm lý sai lầm của chính mình. Do lôi cuốn nên bị đi đầu thai trở lại theo như Đồ Hình (3) biểu thị:

Đồ Hình (3) biểu thị:

Theo Đồ Hình (3) biểu thị, vì nghiệp lực lôi cuốn cho nên phải đi đầu thai trở lại, trước hết hình thành vào trong thai, ở trong thai, sanh ra, lớn lên để rồi chết đi. Sau khi chết thì phải đi đầu thai tiếp..... và cứ như thế mãi xoay vần không dứt. Thí dụ như điện ảnh chiếu lên ảnh thế giới này và đồng thời cũng thu lấy ảnh thế giới này. Đây chính là nói chiếu ảnh ra rồi lại thu ảnh vào, thu ảnh vào rồi lại chiếu ảnh ra, chỗ chiếu ra thu vào mãi cứ như thế không đình chỉ. Hiện tượng này trong Phật Pháp của chúng ta gọi là Luân Hồi. Nói đi nói lại đều là do nơi việc làm quá dở của dùng tâm sai lầm mà sanh khởi các thứ nhận thức lầm lạc. Bởi không biết vạn sự vạn vật trên thế giới này đều là do nhân duyên tập hợp lại thành hình, duyên tụ tập thì có mặt, duyên ly tán thì diệt vong, không có thật thể của bản lai. Do đạo lý không sáng suốt đây nên sanh khởi vọng chấp (dùng tâm sai lầm) các thứ. Vọng chấp đây liền mang đến phiền não các thứ, do phiền não các thứ phát động hành vi tội hoặc phước của thân miệng và ý. Hành vi đây cũng giống như cái bật điện của nhiếp ảnh không khác: Phim hoạt họa, phim châm biếm! Tình cảnh thu lấy bên trong và bên ngoài, nhân đó, sanh mạng của hữu tình (bao gồm sanh mạng con người) mãi mãi ở trong dòng sông dài sanh sanh tử tử chuyên làm công việc thu vào và chiếu ra không bao giờ dừng nghỉ. Có thể nói chỗ thu vào đích thực cũng là chỗ các màn ảnh liên tiếp chiếu ra, con người đang diễn kịch trên sân khấu trần đời và đang nô đùa mãi mãi không hoàn tất; nghĩa là chúng ta lúc nào cũng ở nơi dùng tâm sai lầm, thời khắc nào cũng ở nơi dùng tâm sai lầm, nguyên vì không giây phút nào ngừng duyên nơi chỗ dùng tâm sai lầm.

Nơi đây xin phúc đáp trở lại vấn đề trước như: “Tưởng cần phải khai ngộ là dùng tâm sai lầm, tưởng cần phải chứng được nhất tâm bất loạn là dùng tâm sai lầm....., ăn cháo ăn cơm đều là dùng tâm sai lầm.....” Tại sao thế? Vấn đề này có thể mượn tình

hình thấu ảnh và chiếu ảnh của máy điện ảnh để giải đáp: Ngay khi ông và tôi có cái “Tường cần phải” đây là vì đã có ý niệm của cái “Tường cần phải” đó liền tác dụng thấu nhận chứa đựng tồn tại nơi tâm. Khi đã có thấu nhận thì tâm cảm nhận sáng suốt nhanh nhẹn gần giống như phần mềm của phim, lập tức thấu lấy cảnh vật bên ngoài. Đã có cảnh vật thấu vào thì sẽ có thời cơ chiếu ra trình diễn. Những cảnh vật chiếu ra trình diễn đây chính là y chánh hai báo (Y chánh hai báo nghĩa là y báo và chánh báo; chánh báo là chỉ cho nhân sanh; y báo là chỉ cho thế giới hiện thật). Đã có chỗ cảm ứng hai báo này thì tiếp theo lại cần đến thấu lấy không ngừng. Nói như thế có nghĩa là bị trầm luân ở trong biển khổ, vẫn luân hồi trong lục đạo như cũ; cho nên người tham thiền không thể có “Dùng tâm sai lầm” chính là lý này.

Hơn nữa nói trở lại: Đúng như trên, người niệm Phật nguyện sanh về thế giới Cực Lạc Tây Phương cần phải như thế nào? Đấy không phải là cũng “Dùng tâm sai lầm” sao? Vấn đề đây cũng có thể dùng hai bộ phận tác dụng thấu ảnh và chiếu ảnh của máy điện ảnh đã trình bày trên để giải đáp: Người niệm Phật, làm những việc như xây dựng Phật Đường nguy nga đàng hoàng, trang nghiêm Phật tượng, cho đến đem bảy thứ cúng dường như nước, hương, hoa, đèn, đồ hương, trái cây, âm nhạc..v.v.... và lễ Phật thì như thế nào? Người không rõ đạo lý sẽ nói chúng ta đang lạy thần tượng. Nhưng đọc qua chỗ tâm thấu ảnh và chiếu ảnh trình diễn giải thích qua ở trên thì cũng chính đã minh bạch được dụng ý tâm thành kính của người niệm Phật! Cho nên người niệm Phật thường thường cần niệm Phật, giờ phút cúng Phật lễ Phật, cũng chính là ống kính thường thường thấu lấy niệm Phật và lễ Phật. Giả sử như có cách quăng khiến những tạp sự của người khác đang thâm nhập; tâm như thế liền lập tức thấu lấy những tạp sự và những tạp niệm đó ngay. Sau này khi chiếu ra trình diễn thì cũng như thế, những thứ tạp sự và tạp niệm lập tức sanh ra vô cùng hỗn tạp không thanh tịnh! Cho nên người niệm Phật cần phải niệm nhất tâm bất loạn, thấu vào đều là thế giới Tây Phương Cực Lạc, sau này chiếu ra trình diễn cũng hoàn toàn là thế giới Tây Phương Cực Lạc. Như thế mỗi lần đã vãng sanh Tịnh Độ thì thấu vào rồi lại chiếu ra, chiếu ra rồi lại thấu vào; thấu đi thấu lại và chiếu đi chiếu lại đều là thế giới Tây Phương Cực Lạc; cho nên vĩnh viễn sanh vào cõi Phật nào đó cũng là lý này. Người học Mật Tông đương quán tưởng tự mình cùng tất cả chúng sanh đều là Phật và Bồ Tát; đã thường thường thấu vào cõi Phật thanh tịnh thì đương nhiên kết quả chỗ chiếu lên trình diễn đều là chư Phật, chư Bồ Tát làm bạn lữ, tự mình nhờ đó có thể sanh Phật quốc tịnh độ, chính là lý tức ở đây vậy. Cho nên Kinh Bát Nhã nói rằng: “Nơi tất cả pháp, tâm thì khéo dẫn đường. Nếu có thể biết được tâm, tất nhiên biết các pháp, các thứ pháp thế gian đều do tâm.”

Chú Ý:

(Các bài như: Nhân Duyên Không Tánh, Quán Như Mộng, Quán Tương Đối Của Sắc Không, Sắc Tức Là Không Không Tức Là Sắc, Lược Thuật Không Sanh Không Diệt, Quán Tương Đối Không Sanh Không Diệt, Không Thường Cũng Không Đoạn, Thế Gian Của Giả Tướng, Bất Khả Thuyết, Dùng Tâm Sai Lầm cùng một Tác Giả Lý Nhất Quang đều trích trong quyển Phật Pháp Dữ Khoa Học Đích Tỷ Giáo Xiển Thích, do nhà xuất bản Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn hành, địa chỉ: Lầu 11, hiệu 55, Đoạn 1 Nam Lộ, Hàng Châu, Thị Trấn Dài Bắc. Điện Thoại: (011) 3951198. Để làm phong phú cho nền văn học Phật Giáo Việt Nam, Thắng Hoan xin trích dịch những tư tưởng hay của tác giả trong những bài kể trên làm tài liệu nghiên cứu. Thắng Hoan dịch theo lối thoát văn và thêm bớt đôi chữ cũng như giải thích thêm trong dấu ngoặc [...] nhằm làm sáng tỏ vấn đề mà không mất ý tưởng tác giả, xin tác giả tha thứ cho.)

KHÔNG THƯỜNG CŨNG KHÔNG ĐOẠN

(Bất Thường Diệt Bất Đoạn)

Tác giả Cư sĩ Lý Nhật Quang
Việt dịch Thích Thắng Hoan

I.- THẬT NGHĨA CỦA KHÔNG THƯỜNG CŨNG KHÔNG ĐOẠN:

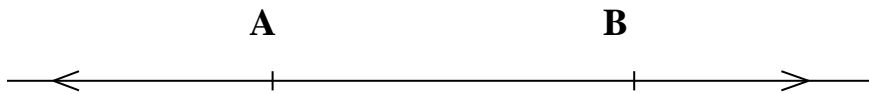
Cái gì là “Không thường cũng không đoạn”? Ý nghĩa “Không Thường” chính là tất cả sự vật không phải cố định vĩnh cửu bất biến, mà là thời khắc nào cũng bị biến đổi mãi mãi. Ý nghĩa “Không Đoạn” là chỉ trong chỗ biến đổi này chưa từng có dừng lại, cũng chính là chưa có phút giây nào “Gián Đoạn”. Giả sử như sự vật trong thế giới này đích thực có thật tại thì không cần phải phát sanh ra hiện tượng “Không”. Hôm qua có mà hôm nay không thì đây chính thuộc về “Đoạn”. Còn nếu như có vĩnh cửu thì đó chính thuộc về “Thường”. Thử hỏi thế giới hiện thật đây là “Đoạn” như thế nào và “Thường” như thế nào? Đúng ra sự vật trên thế giới đều là “Không, không phải thường cũng không phải đoạn”. Tại sao thấy được? Bồ Tát Thanh Mục ở trong “Trung Luận” trình bày: “..... Đáp rằng: không thường. Tại sao thế? Vì thế gian hiện thấy, con mắt thế gian thấy vạn vật không thường, giống như mầm lúa khi bị biến hoại, cho nên gọi là không thường. Hỏi rằng: Nếu không thường thì phải đoạn? Đáp rằng: không đoạn. Tại sao thế? Vì thế gian hiện thấy, con mắt thế gian thấy vạn vật không đoạn, giống như lúa có mầm, cho nên gọi là không đoạn.....” Câu “Thế gian hiện thấy” ở trong Trung Luận đề cập là chỉ cho con mắt của thế gian thấy vạn vật không thường và không đoạn. Đây đặc biệt là nhấn mạnh về sự quán sát nơi vạn pháp. Muốn quán sát hữu hiệu thì phải nương theo đề mục dưới đây để thảo luận. Đề mục dưới đây là “Tứ độ không thời liên tục khu biệt”. (Tứ là bốn thứ, Độ là gốc độ, Không là không gian, Thời là thời gian, Liên Tục là vận động, Khu biệt là riêng biệt. Nghĩa là bốn thứ riêng biệt là: gốc độ, không gian, thời gian và vận động). Bốn thứ quán chiếu của đề mục này cũng đều dựa trên sự tương để nhận thức; nguyên vì vật chất chính là chỗ thảo luận không gian, thời gian, vận động của vật lý cận đại. Gốc độ di động của vật chất là nguyên nhân sản sanh ra thời gian (không thường), phạm vi di động của vật chất chính là không gian (không đoạn). Chỗ không đoạn của vật chất vận động cũng là điều kiện sản sanh “bốn độ không thời liên tục khu biệt”, từ đó nhận biết không gian và thời gian đều không có tự tánh và chúng có mặt đều do vật chất quan hệ lẫn nhau hiện ra hình tướng, cả đến vật chất xét ra cũng không thể có bản tánh, cho nên gọi chung là “Tánh Không”. Riêng vật chất thì rất dễ khảo sát và muốn tìm kiếm nguyên lý “Không thường cũng không đoạn”, đề mục chính ở đây là phải căn cứ nơi vật chất qua sự quan hệ của “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” để quán sát.

II.- THUỐC ĐO VÔ CÙNG VÀ THUỐC ĐO THỜI GIAN:

Vì hiểu rõ sự ngộ nhận vấn đề “Thường” và “Đoạn”, cho nên chúng ta cần phải tiếp tục thảo luận kỹ càng hơn. Nơi “Số Học” nói rằng: Một đường thẳng hai đầu hướng về hai phía có thể kéo dài ra vô hạn và cũng được gọi là đường thẳng vô thủy vô chung. Trên quan điểm vô thủy vô

chung này chúng ta có thể đem ra đối chiếu trong sự diễn biến của sự vật vật để giải đáp vô thi và vô chung. (Vì đã hiểu rõ thật tánh vô thi vô chung của đường thẳng này, chúng ta trước hết tạo ra một bộ phận của đường thẳng ở nơi hai đầu, mỗi đầu một mũi tên biểu hiện vô thi vô chung. Như đồ hình 1 biểu thị)

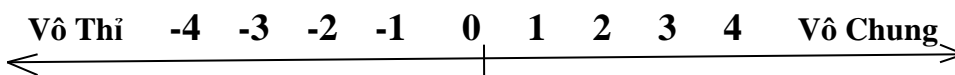
Đồ Hình 1:



Lại hỏi tiếp, lý do “không đoạn” của đường thẳng là ở chỗ nào? Trang Tử trả lời rằng: “Roi ngựa một thước, mỗi ngày cặm phân nửa của nó, muôn đời không hết”. Đây chính là nói: đem đường thẳng chia xẻ, chia xẻ đến nhỏ vô cùng, liền thành một điểm cực nhỏ, Phật Học gọi một điểm cực nhỏ là “cực vi”. Khoảng cách của mỗi điểm thì không có giới hạn; giả sử mỗi điểm đều có đầu mối, nghĩa là từ đầu mối này đến đầu mối kia nếu có giới hạn thì chính điểm nào hoàn toàn không phải điểm? Đã là không phải có điểm giới hạn thì chúng ta có thể tiếp tục chia xẻ đường thẳng ra xa hơn nữa. Để xác định khoảng cách của mỗi điểm không có giới hạn chính là tánh liên tục. Cho nên đường thẳng được gọi là tánh liên tục và tánh liên tục đây chính đã biểu hiện rõ ý nghĩa “không đoạn” của đường thẳng.

Đường thẳng có thể biểu thị “không thường” như thế nào? Bản thân đường thẳng đã là pháp biểu hiện lý “không thường”. Nguyên vì bản chất của “Một đường thẳng là do các điểm tập hợp không cùng tạo thành, đối với trên đường thẳng một điểm thích hợp thì có một thật số cùng đối ứng”. Đơn giản mà nói: ở một điểm trên một đường thẳng có thể ghi vào một thật số và cứ như thế ghi mãi đến vô thi vô chung. Những thật số đem ghi vào trên một đường thẳng thì cũng giống như đồ hình 2 biểu thị :

ĐỒ Hình 2:



Đường thẳng như thế gọi là Tớ Số Tuyến, cũng chính là “Thước đo vô cùng”. Có hiểu rõ “Thước đo vô cùng” đây thì mới có thể cùng thời gian hợp lại bắt đầu bàn luận. Trên sự quan hệ

của “thước đo vô cùng” với “thời gian” chúng ta mới tìm ra được đạo lý “không thường”. “Thời gian”, đây là một danh xưng không ngoài sự quan hệ liên tục ba đời của quá khứ, hiện tại và vị lai. Quá khứ là vô thí, vị lai là vô chung, hiện tại cũng là quá khứ của sát na. Nếu đem “Hiện Tại” ra quán sát, chúng ta nhận thấy như Đồ Hình 3 biểu thị:

Đồ Hình 3 biểu thị:



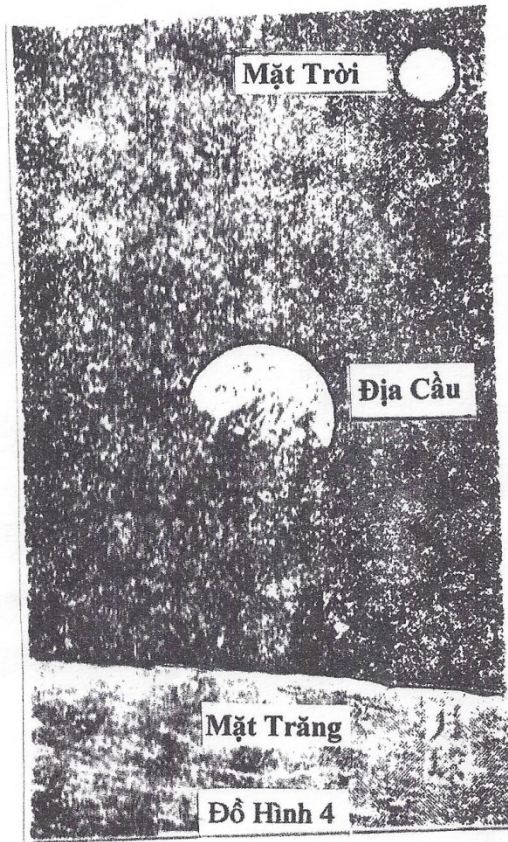
Đoạn đường A và B cho là “Hiện Tại”, như thế “Quá Khứ” và “Vị Lai” ở hai đầu mũi tên là biểu thị Vô Thí và Vô Chung. Từ đó “Thước đo vô cùng trên thời gian” được thành lập. Thước đo vô cùng trên thời gian chỉ dùng để hiểu rõ tiện lợi trên thực dụng; nhưng ở đây nếu đem đường thẳng cải biến làm thước đo hình tròn thì đưa đến một nhận thức khác; nguyên vì hình tròn không tìm ra được chỗ mở đầu và cũng không tìm ra được địa điểm kết thúc. Thước đo vô cùng của hình tròn chính là nguyên lý tiêu biểu cho đồng hồ tính giờ thường ngày. Còn “Thời gian” ở nơi từng sát na không ngừng chính là chỗ nương tựa để chuyển biến và cũng chính là nói lên tánh chất “không thường” khiến cho chúng ta không có phương pháp để nắm được thời gian. Đương lúc chúng ta phát giác được rằng thời gian trước một giây đồng hồ là thời gian thuộc về “quá khứ”. Thời gian sau một giây đồng hồ là thời gian thuộc về “vị lai”. Thời gian ngay trong một giây đồng hồ là thời gian của “sát na hiện tại”. Nhìn sâu thêm nữa thời gian ngay trong một sát na của “hiện tại” thì cũng thuộc về “quá khứ”. Đây chính là nói lên “không thường”, là vĩnh viễn không thể tìm được nguyên lý thật tại của “thời gian”. Chúng ta chỉ có thể ghi chép được “thời gian” ở trên thước đo không linh động để trợ giúp tìm kiếm dấu vết “không thường cũng không đoạn” của vạn sự vạn vật.

III.- “KHÔNG THƯỜNG CŨNG KHÔNG ĐOẠN” CỦA THỜI GIAN:

Thời gian là do ghi lại sự biến đổi của ngoại vật được xác định bởi giây, phút, khắc (15 phút), giờ, ngày, tháng, năm..v.v.....Chúng ta khi xé đi mỗi tờ lịch cho đó là thời gian mỗi ngày và tờ hồ xem chừng như có gián đoạn. Thật tế chúng ta lại không có nắm được chỗ vững chắc của thời gian để ghi lại. Giả sử chúng ta bắt đầu đem mỗi năm, mỗi tháng, mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi giây nối liền nhau làm tọa độ thời gian vô cùng trên thước đo: thì trong thời gian của mỗi năm lại có thời gian của mỗi tháng liên tục làm việc biến đổi đó; trong thời gian của mỗi tháng lại có thời gian của mỗi ngày liên tục làm việc biến đổi đó; tiếp tục suy xét thêm nữa thì sự liên tục của mỗi ngày là giờ; sự liên tục của mỗi giờ là phút; sự liên tục của mỗi phút là giây. Theo

khoa học mỗi phút có một phần triệu giây, một phần nghìn tỷ giây liên tục làm việc biến đổi. Nhân đây đối với thời gian khái niệm liên tục, chúng ta lại tinh tế thêm nữa cũng có thể phân chia đến thật nhỏ vô hạn định. Điều đó đủ chứng minh rõ thời gian là tánh liên tục, tức là chỉ không đoạn của thời gian. Dù cho chúng ta tinh tế quán sát thêm nữa thì cũng như thế; sở dĩ ban ngày và ban đêm không có chỗ gián đoạn là do địa cầu tự xoay chuyển mà thôi. Như đồ hình 4 biểu thị:

Đồ Hình 4 biểu thị:



Theo Đồ Hình 4 biểu thị địa cầu một mặt đang đối diện với mặt trời là ban ngày, còn một mặt phía sau lưng của địa cầu là ban đêm. Nơi trong Đồ Hình đây rất rõ ràng địa cầu chỉ báo hiệu phân chia ra ngày và đêm đều không gián đoạn. Từ bóng tối chuyển thành ánh sáng, hoặc từ ánh sáng chuyển vào bóng tối, đều là do nơi địa cầu tự luân chuyển cải biến liên tục không gián đoạn mà ánh sáng và bóng tối không phải mặc nhiên mà đến; ánh sáng và bóng tối của địa

cầu quyết định không có vết tích cắt chia ranh giới rõ ràng. Cho nên chứng thật thời gian là “không thường cũng không đoạn”. Chỗ gọi thời gian tuyệt đối chính đem thời gian xem thành một dòng tuông chảy, do từ quá khứ vô cùng chảy đến vị lai vô tận. Đây chính là thuyết minh thời gian “không thường cũng không đoạn”.

IV.- VŨ TRỤ QUAN:

Cơ sở vũ trụ quan hiện đại là cái gì? Chính là nguyên nhân phân chia vũ trụ ra thành phương pháp “Tứ Độ Không Thời Liên tục khu biệt” (Tứ độ là bốn góc độ [mỗi một góc độ có 90 độ], Không là không gian, Thời là thời gian, Liên tục khu biệt là liên tục phân chia, nghĩa là bốn góc độ của không gian, của thời gian và của Liên tục khu biệt). Cái gì là Liên tục khu biệt? Đó là một thứ dụng cụ của liên tục ----- Thí dụ như mỗi một thước đo là mỗi một góc độ của không gian và liên tục đo bao nhiêu thước là bấy nhiêu góc độ của không gian, đó cũng chính là chỗ thuật lại khoảng cách vô cùng trên bao nhiêu đốt của thước đo; nguyên vì ở nơi bất cứ khoảng cách hai đầu của không gian thước đo có thể tùy ý phân chia thành khoảng cách nhỏ của số mục và phân chia cho đến vô hạn, đây chính là vi tế đặc biệt rất nổi bật của “Liên tục khu biệt”. Cũng như xe lửa trên một đường sắt dài, chạy đến giờ nào chỗ nào chỉ cần bày tỏ bằng cách dùng chỗ tiêu điểm riêng biệt khiến có thể biết được ngay; chỗ tiêu điểm riêng biệt đây đã nói được một góc độ của không gian, của thời gian liên tục khu biệt. Nhưng chiếc hạm trên biển cả thì lại hoàn toàn không giống, không chỉ nói ra kinh độ, mà lại còn cần hiểu rõ luôn cả giao điểm của hai vĩ độ và kinh độ và nhờ đó mới có thể xác định được tàu chiến chạy đến chỗ địa điểm; chỗ tiêu điểm của kinh độ và giao điểm của vĩ độ đây cũng chính là phân chia hai góc độ không gian liên tục khu biệt của chiếc hạm. Cho đến phi cơ bay trên không thì mỗi chiếc đều có ba góc độ không gian để trắc nghiệm biết được vị trí của phi cơ bay trên không, không những chỉ cần hiểu rõ hai chỗ tiêu điểm vĩ độ và kinh độ, mà còn cần hiểu rõ luôn cả độ cao rời khỏi mặt đất của phi cơ. Đây cũng đã nói sự liên tục khu biệt của phi cơ chính là “không gian” mà chúng ta đã biết. Không gian của thế giới thì bao gồm ba góc độ không gian liên tục. Cần báo cáo đợt phi cơ bay, khi trình bày vị trí của phi cơ thì tất nhiên nói lên vĩ độ X, kinh độ Y, cao độ Z, đồng thời liền nói thời gian T. Giả sử không đồng ý bàn đến thời gian thì cần phải đợi nói rõ ra. Thời gian T chính là góc độ thứ tư. Sự thật phi cơ bay là một liên kết xuyên suốt; khởi hành bay, bay lên cao, đà bay tới và hạ xuống đất là sự thể không thể không phân chia; chúng ta không thể đem khởi hành bay và bay lên cao tách riêng ra để xem. Trên thực tế khởi hành bay, bay lên cao, đà bay tới và hạ xuống đất có thể đem chúng nó tưởng tượng ra một đường cong của một đường liên tuyến trong “Tứ độ không thời liên tục khu biệt”. Chúng ta quán sát “bốn góc độ” nói trên cũng chính là quán sát vũ trụ hiện đại. Trong đó chúng ta có thể căn cứ vào ý nghĩa của “Tứ độ không thời liên tục” để so sánh “không thường cũng không đoạn” thành một định nghĩa mới: chỗ gọi “không đoạn”, tức là sự kiện theo thời gian trong không gian chỗ liên tục lại biến ra vị trí không gian khác, đó gọi là “không đoạn”. Chỗ gọi “không thường”, tức là không gian của sự kiện theo thời gian mà tiêu diệt, không gian trước và không gian sau quyết định không đồng nhất, đó gọi là “không thường”.

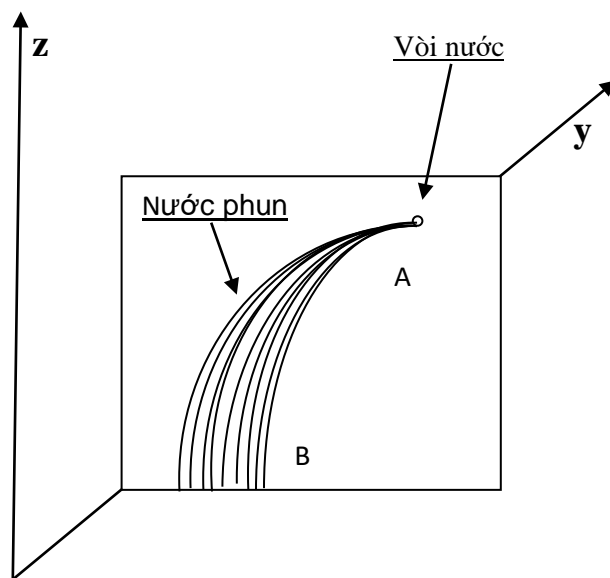
V.- ĐEM “TỨ ĐỘ KHÔNG THỜI LIÊN TỤC KHU BIỆT”

THỬ XEM QUA CHÂN KHÔNG DIỆU HỮU:

Nơi một quyển trong Thư Tịch Khoa Học có một đoạn chỉ dẫn: “Hệ thống ngoài vũ trụ chính là do tốc độ cao đến mỗi giây 3 vạn 5 ngàn Dặm Anh (500 thước Anh) không thể nghĩ bàn, hệ thống bên trong thiên hà (sông ngân) rời khỏi chúng ta hướng về phía chỗ xuất xứ thì không thể biết được. Hoặc giả có thể nói được thì lại không chính xác: chúng nó ở vào khoảng năm ức năm trước là chính đã bắt đầu bay xa rời khỏi chúng ta; chúng nó “hiện tại” ở chỗ nào? Chúng nó “hiện tại” còn tồn tại hay không? Những điều đó ai cũng không thể biết rõ. Giả như đem vũ trụ tưởng tượng của chúng ta phân chia làm ba góc độ không gian chủ quan và một góc độ thời gian nơi đó, như thế những hệ thống bên ngoài thiên hà này ngoại trừ trên phim ảnh chụp lại, hiện ra những dấu vết tia sáng thời cổ đại nhỏ bé yếu ớt mập mờ ngoài xa, đều không có tồn tại khách quan. Chỉ có trong hệ thống tham khảo thích đáng (tức là trong Tứ độ không thời liên tục khu biệt), chúng nó mới đạt được tồn tại thật tế”. Từ nguyên lý đây chúng ta lại có thể sử dụng “không đoạn cũng không thường” so sánh trong sự tìm đến tình trạng thật tế của nó: những giải thích của Thư Tịch Khoa Học chỉ căn cứ trên phim ảnh chụp lại những dấu vết tia sáng nhỏ bé yếu ớt mập mờ; những tia sáng yếu ớt mập mờ xuất hiện đó gọi là “không đoạn” và hiện tượng không đoạn đây gọi là “Có”. Những giải thích này đều không có tồn tại khách quan, nguyên vì những tia sáng “không đoạn” nói trên chính bản thân của nó đã thay đổi không gian và tùy theo thời gian mà tiêu diệt, cho nên gọi là “không thường” và hiện tượng không thường đây gọi là “Không”. Chỉ có tham khảo thích đáng trong hệ thống “Tứ độ không thời liên tục khu biệt), những thứ tồn tại “Giả Có” kia thật tế vừa thấu hoạch được đều đã chứng tỏ chính ở trong “không đoạn cũng không thường” đã hiện hiện ra một thứ “Chân không diệu hữu”.

VI.- KHÔNG ĐOẠN CŨNG KHÔNG THƯỜNG QUA HIỆN TƯỢNG NƯỚC PHUN:

Đồ Hình 5 biểu thị:

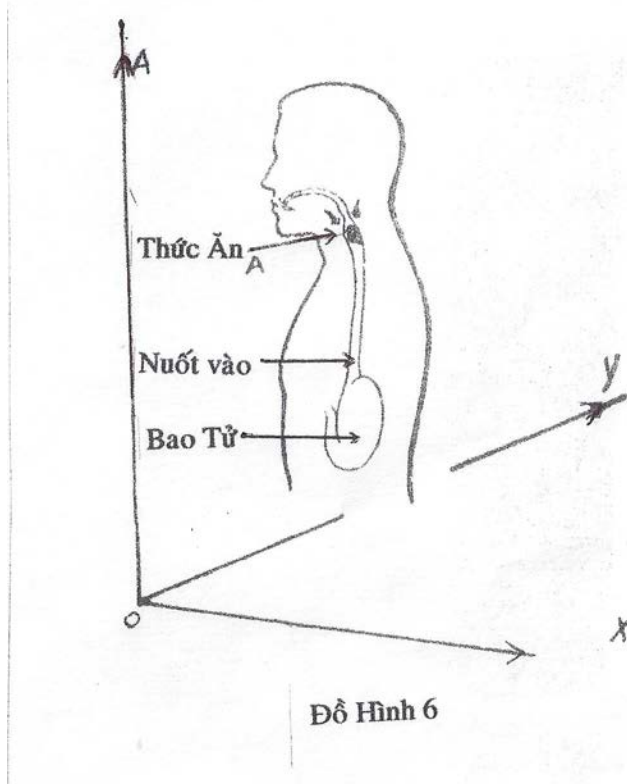


Theo Đồ Hình 5 biểu thị, trạng thái nước phun nếu như căn cứ nơi “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” mà quan sát thì: đang lúc chúng ta đem phân tử điểm A của nước trong nước phun, mà điểm A đó trong sát na theo thời gian hoàn toàn đã ở điểm B. Khi tìm trở lại điểm B, điểm B cũng rất nhanh chóng rơi xuống nơi trong hồ. Lập tức liền giúp chúng tìm được điểm nước, chỗ tìm được điểm nước bản lai diện mục không phải là nơi cột nước phun. Điểm nước từ A đến B, từ B đến hồ là một liên tục xuyên suốt không ngừng, nên được gọi là “không đoạn”. Điểm nước từ A đến B và từ B đến hồ là ở chỗ không đoạn biến đổi vị trí không gian, nên được gọi là “không thường”. Đây cũng chính là nói không gian, thời gian, liên tục biến đổi, vĩnh viễn tìm kiếm không đến được điểm không gian, thời gian của nguyên hữu và đó cũng tức là “Không”. Từ A đến B là nước của một điểm nối liền một điểm và cứ như thế nối liền liên tục không dứt chỗ chuyển biến không gian cùng thời gian, mà sự chuyển biến đó hoàn toàn không biết số lượng, nhờ những điểm nước chuyển biến liên tục bất đoạn cho nên tạo thành hình thái nước phun; đây cũng tức là “Có”. Sở dĩ nói Tức Không Tức Có, chính là ở trong “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” quán sát tìm ra “không đoạn cũng không thường”! Mỗi mỗi điểm nước liên tục phun ra là “không thường”, do những điểm nước liên tục kết thành cột nước là “không đoạn”.

VII.- CHIẾU ĐIỆN CÁI “NGÃ”

Chúng ta nếu như đem cái “Ngã” này để ở trong “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” đi chiếu điện mà thảo luận thì giống như Đồ Hình 6 biểu thị:

Đồ Hình 6 biểu thị:



Theo Đồ Hình 6, chúng ta sử dụng ý niệm đi theo dấu vết cái “Ngã” trong con người; bình thường, ý thức của chúng ta nhận định chung cho cái “Ngã” là “Nhục thể”. Nếu cho nhục thân là “Ngã”, đầu tiên chúng ta hãy cần truy cứu bắt thit trước một giây là cái gì? Nghĩa là cần hỏi những vật gì có trước một giây của bắt thit? Ở đây chính là cần phải truy cứu thức ăn đi vào trong máu ra sao? Xin xem lại Đồ Hình 6 biểu thị: Ngay khi khởi đầu, thức ăn ở điểm A; thức ăn tất nhiên trước hết trải qua vận động nhai kỹ của hai hàm răng, tiếp đến là vận động nuốt vào, sau đó là vận động tán nhuyễn của bao tử, lại nữa là vận động của gan, của mật và của lá lách..v.v....; khiến thức ăn biến thành chất lỏng, trong một hốt (bằng một phần triệu lạng) số chất lỏng đây thấm qua bức tường ruột đi đến trong mạch máu. Khiến mỗi bộ phận máu trong nhục thân mang thức ăn và dưỡng khí đến để thiêu đốt, liền tạo thành nhiệt năng cần thiết cho chúng ta sinh hoạt. Các thứ bắt thit nhân đó tiếp tục vận động điều khiển chúng ta năng chạy, năng nhảy, năng cười..v.v..... Từ đây xem ra: giả sử bảo rằng, bắt thit là đại biểu cho cái “Ngã”, nhưng bắt thit được xây dựng trên hai quá trình:

1. Quá trình thứ nhất: Bắt Thit chính là do quá trình Oxy hoá thức ăn liên tục xuyên suốt không gián đoạn tạo thành. Từ hiện tượng đây nếu bảo rằng, thức ăn cũng có thể là đại biểu cho cái “Ngã”; nhưng trên thực tế thức ăn đương nhiên không phải là “Ngã”!

2. Quá trình thứ hai: Bản thân bắt thit thì cũng cần có sự biến hoá liên tục không ngừng để thành hình; nguyên vì bản thân bắt thit đã có một số tế bào liên tục xuyên suốt phân rã vận động kết thành. Cho nên khẳng định bắt thit không thể đại biểu cho cái “Ngã”.

Còn nếu như căn cứ những tế bào đây cho là “Ngã”, mà những tế bào đó là từ mỗi mỗi những tế bào cũ phân rã thành hình và những tế bào mới thành hình này lại tiếp tục bị phân rã nữa để biến thành vật phế thải bài tiết bỏ đi. Chúng ta đương nhiên cũng không thể chấp nhận những tế bào mới thành hình đó cho là đại biểu của cái “Ngã”! Cùng một đạo lý, đồng một trạng thái của nước phun đã được trình bày ở trước, hiện tượng tế bào mới thành hình so sánh không khác phân tử nước, nghĩa là trong sát na cũng bị tàn tạ ngay. Thật tế mà nói, cái “Ngã” đúng là vĩnh viễn không thể có được, tức là hoàn toàn “Không”. Trong sự thay đổi của tế bào phân rã ở nơi không thường cũng không đoạn này, chỉ có một cái “Giả Ngã” liên tục xuất hiện mà thôi.

VIII.- CHÂN TƯỚNG CỦA VŨ TRỤ:

Chân tướng của vũ trụ là như thế nào? Người hiện đại giải thích: vũ trụ là cái vô biên không bờ mé; cũng chính là chỉ cho “Tứ độ không thời liên tục khu biệt”; cũng chính là đến từ vô thí (không có chỗ khởi đầu) và đi về hướng vô chung (không có chỗ kết thúc). Ý đây là nói, thế giới vạn vật của chúng ta nhìn thấy đều là sanh diệt tương tục tuôn chảy không ngừng. Căn cứ nơi “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” truy tìm hướng lên trên là vô thí và truy tìm hướng xuống dưới là vô chung. Trung gian của vạn vật thì cũng sanh diệt tương tục biến động không ngừng và từ trước đến nay luôn luôn gián đoạn từng giây phút. Trung gian nếu như có giây phút đình chỉ không sanh diệt tương tục biến động thì ngày nay quyết định hoàn toàn không thể thấy được hiện “Vật”. Qua sự sanh diệt tương tục biến động không ngừng của vạn vật cho nên chúng ta liền cho vạn vật là thật “Có”. Nhưng những hiện vật thấy được đó chỉ là hiển hiện trong sát na (như điện ảnh, vòng lửa), vì thế mới bảo là “Không”. Nguyên do quá khứ thì “Vật đã biến”, nghĩa là sự vật quá khứ đã từng biến hoá, không tồn tại. Vị lai thì “Vật sẽ biến”, nghĩa là sự vật sẽ bị biến hoá, tức là sự vật chưa thành lập, mà sự vật đã chưa thành lập thì đương nhiên cũng không tồn tại. Còn hiện tại thì thuộc về “Vật sát na”, nghĩa là trong sát na biến thành quá khứ rất nhanh. Sự vật trong thời gian sát na đó cũng chỉ là trong chỗ nháy mắt liên tục xuất hiện, vĩnh viễn không dừng lại, cũng như ánh sáng của đá lửa. Sự vật hiển hiện nơi chỗ “không thường cũng không đoạn”, được gọi là “Có”. Còn hiện tượng “không thường cũng không đoạn” ở nơi những thứ trôi chảy không ngừng lại giúp chúng ta có thể thấy rõ chân tướng của nhân sanh. Chân tướng đây tức là chỉ cho tướng liên tục không đoạn của vô thí vô chung; tất cả sự vật của thế giới đều trôi chảy xoay vần liên tục mãi không đoạn. Nhân đây tâm lượng của chúng ta cũng có thể nương theo đó phóng đại đến vô lượng vô biên; tâm lượng phóng đại mà không có chấp trước thì cùng vũ trụ hoà hợp với nhau. Những điều đã trình bày qua ở trên cũng chính là chỗ hiểu ngầm xuất hiện ở trong “Không thường cũng không đoạn”.

IX.- GIẢI THÍCH THẾ GIAN:

Thế gian là gì? Thế gian có phải là “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” của không thường cũng không đoạn? Hai chữ “Không” trong hai câu trên đây có chỗ không giống nhau! Xin thuật lại tổng quát như sau:

Các nhà khoa học nói rằng: Không gian chẳng qua là một thứ trật tự của thật thể sắp xếp, Thời gian cũng chẳng qua là một thứ trật tự chiều thuận của sự kiện phát sanh. Nói ngược lại: Không gian là một thứ trật tự của thật thể sắp xếp, đây chính là ý nghĩa của “Không đoạn”. Thời gian là một thứ trật tự chiều thuận của sự kiện phát sanh, đây chính là ý nghĩa của “Không thường”. Không gian tức là không đoạn, thời gian tức là không thường. Các nhà khoa học nói rằng: Không gian chỉ là khoảng cách của sự vật sắp xếp và quan hệ, không gian nếu không có sự vật thì cái gì cũng không có. Thời gian nếu như không có sự kiện để tiêu biểu thì cũng không có chỗ gọi là một nháy mắt, một tiếng đồng hồ, hoặc quan niệm thời gian một ngày. Đó cũng chính là nói: Sự vật nếu không tồn tại thì “không thường cũng không đoạn” không cần phải gia công thảo luận!

Ý nghĩa thế gian theo Phật Pháp giải thích, đơn giản mà nói, cũng là thời gian cùng quan hệ với không gian. Chữ Thế chính là chỉ cho thời gian; Phật Pháp thường nói “Tam Thế” (ba đời), tức là hiện tại thế (đời hiện tại), quá khứ thế (đời quá khứ), vị lai thế (đời vị lai); Tam Thế đây thì cũng chỉ cho thời gian. Chữ Gian chính là chỉ cho không gian; Phật Pháp cũng thường nói “Thập Phương” (mười phương): trên, dưới, đông, tây, nam, bắc, đông nam, đông bắc, tây nam, tây bắc, đều gọi là không gian của thập phương. Cho nên hai chữ “Thế Gian” thì ý nghĩa bao gồm cả sự quan hệ của thời gian và không gian và cũng tức là chỉ cho “Tứ độ không thời liên tục khu biệt”. Chẳng những thế hai chữ “Thế Gian” trong Phật Pháp thường gọi cần phải khảo sát sâu sắc thêm một lớp nữa, như “Thế Gian” là nghĩa biến đổi lưu chuyển vô thường. Sự biến đổi lưu chuyển của “Thế Gian” chạy dài mãi không dứt nên gọi là không đoạn; còn vô thường là nghĩa không thường. Phải biết rằng hai chữ “Thế Gian” mà chúng ta thường sử dụng chính là danh từ của Phật Pháp. Từ điểm này xem ra: chỗ gọi “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” là căn cứ nơi sự lưu chuyển biến đổi của sự vật mà thành lập; sự lưu chuyển biến đổi đây chính là định luật mà không phải tự mình có khả năng chuyển biến. Tất cả sự vật bị biến đều thuộc về hiện tượng khách quan bị biến và cũng có thể gọi là vũ trụ quan của “Tứ độ không thời liên tục khu biệt”. “Thế Gian” mà Phật Giáo gọi không những chỉ có sự vật của khách quan bị biến mà còn bao gồm cả cái Ngã của tất cả hữu tình chủ biến. Nguyên vì cái Ngã của hữu tình đều có ở trong thế pháp, cho nên “Thế gian” mới được xuất hiện. Hữu tình nếu như không có mặt thì sự vật cũng không hiện hữu mà không gian thời gian cũng không thành lập và “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” cũng không đề cập đến! Người nào căn cứ nơi “Tứ độ không thời liên tục khu biệt” mà quán sát “Không thường cũng không đoạn” của sự vật thì người đó “Đã tri thức, đã đắc đạo”! Đây cũng chính là Phật nói “Quán thiên địa, niệm phi thường; quán thế giới, niệm phi thường; quán linh giác, tức Bồ Đề. Tri thức như thế, đắc đạo như thế”.

X.- KẾT LUẬN:

Chúng ta sau khi đã hiểu rõ lý “không thường cũng không đoạn” thì không bị đoạ vào trong pháp thế gian này mà giải thoát được sự trói buộc của thế gian. “Truyện Tâm Pháp Yếu” từng bảo chúng ta rằng: “Người học đạo nếu muốn được thành Phật, tất cả Phật pháp chung lại không cần phải dụng công để học, chỉ học vô cầu vô trước. Vô cầu tức tâm không sanh, vô trước tức tâm không diệt; không sanh không diệt tức là Phật”. Lý do giống nhau ở đây là:

Chúng ta khi hiểu rõ lý “Không thường” thì mới được “Vô cầu”; chúng ta khi hiểu rõ lý “Không đoạn” thì mới được “Vô trước”. Cho nên khẳng định rằng, người nào biết được đạo lý “Không thường cũng không đoạn” thì người đó mới có thể thành Phật.

(“Nguyệt San Bồ Đề Thọ”, Kỳ Hợp Đỉnh Bản 243, thứ 242, năm Nguyên Tải Dân Quốc thứ 62)

Dịch xong ngày 10 tháng 11 năm 2014

LƯỢC THUẬT

KHÔNG SANH KHÔNG DIỆT

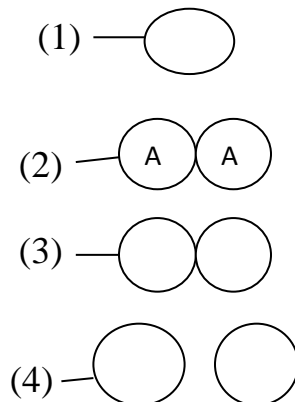
(Bất Sanh Bất Diệt)

Tác giả: Cư sĩ Lý Nhất Quang
Viết dịch: Thích Thắng Hoan

Trước khi thảo luận vấn đề Không Sanh Không Diệt, đầu tiên nương theo “Pháp Hữu Vi” chúng ta bàn đến vấn đề Có Sanh Có Diệt để so sánh thì dễ bắt tay vào. Con người chúng ta trong một thời kỳ sanh mạng kể từ khi sanh ra cho đến khi chết, nếu dùng trí tuệ của nhãn quang trầm tư quán sát kỹ thì mới biết rõ ràng có con đường sanh diệt biến hoá liên tục từng sát na, không có một thời khắc nào đình chỉ lưu lại không biến chuyển. Nếu như có khoảng một sát na dừng lại, thì ở trên lý luận từ rày về sau dù bất cứ lý do gì đều không thể khiến nó tiếp tục tái diễn chuyển biến trở lại.

Thứ đạo lý này, nếu sử dụng tế bào mới của Sanh Vật Học hiện đại đã trình bày trao đổi để suy luận thì cũng có thể đạt đến kết luận của sự trầm tư quán sát. Tế bào là do tế bào cũ phân rẽ sản sanh tế bào mới (như Đồ Hình (1),(2),(3),(4) biểu thị).

ĐỒ HÌNH (1) (2) (3) (4) BIỂU THỊ:



Đồ Hình (1): Tế bào cũ sau khi phân rã liên tiêu diệt gọi là “Diệt”.

Đồ Hình (4): Sau khi phân rã, hai tế bào mới phát sanh gọi là “Sanh”.

Hiện nay các nhà Sanh Vật Học cũng chỉ thảo luận đến đây là chấm dứt. Nhưng vấn đề “Sát na sanh diệt” đây chúng ta không phải chỉ quán sát trong tướng tượng mà tất nhiên cần phải nối tiếp quán sát sâu vào then nữa. Trước hết xem Đồ Hình (1) biến làm tế bào (2), bộ phận tế bào cũ biến hoá lõm xuống (Như Đồ Hình (2) có A ở trong biểu thị); Nguyên nhân biến hoá như thế nào để phát khởi tế bào mới? Đây là sự biến hoá rất nhỏ phát khởi khắp nơi trong bản thân tế bào cũ để sanh ra hiện tượng lõm xuống. Sự biến hoá khắp nơi trong bản thân của tế bào cũ cũng gọi là “Sanh Diệt”! Nếu như bảo tái diễn truy cứu chiều sâu một lớp nữa thì nhất định có vi tế của vi tế sanh diệt biến hoá liên tục phát khởi khắp nơi trong bản thân tế bào cũ! Thứ hiện tượng đây tiếp diễn nghiên cứu thảo luận đến chỗ tột cùng thì vi tế của vi tế sanh diệt biến hoá liên tục vĩnh viễn không có bờ bên chấm dứt. Chỉ tốt nhất ở trên lý tưởng, chúng ta tạo một kết thúc rằng: ở trong thời gian sát na có hiện tượng cực vi phát khởi sanh diệt liên tục khắp nơi. Từ đó chúng ta hiện tại đã nắm được vấn đề “Sát Na Sanh Diệt” chuyển biến trên vật chất cực vi. Trước tiên chúng ta thảo luận hai vấn đề “Sát Na” và “Cực Vi”, nếu như phủ định sự thành lập thảo luận hai vấn đề này thì vấn đề “Sanh Diệt” lại quyết định cũng có thể phủ định luôn cả sự kiến lập của nó. Còn nếu thảo luận hai vấn đề “Sát Na” và “Cực Vi” thì trong đây chúng ta lại có vấn đề “Khó Phá” rất thú vị trong việc giải đáp hai điều trên. Nay xin trích trong “Trung Quán Luận Tụng Thích Ký” của Pháp sư Ấn Thận giảng, trang 20 giải thích rằng:

“Khó phá, không phải là một nan đề dù cho sự việc đã hoàn tất, cái khó đối với anh ở chỗ là người khác, người khác cũng có thể dùng sự việc đó để phản vấn anh, anh tự mình nói như thế nào thì người khác cũng có thể rập khuôn theo để vấn nạn anh. Tình hình đây ở trong các phái Đại Thừa và Tiểu Thừa đã không phải thường chứng minh sao. Tỷ như học giả Duy Thức đả phá ngoại sắc (Chú thích 1) không có cực vi thật tại, chính là nói: cực vi thật tại của anh chấp đã có phân chia sáu phương hướng (Chú thích 2); đã có sáu phương hướng được phân chia sao lại cho là hoàn toàn không có phân chia? Nếu sáu phương hướng có thể phân chia thì làm sao cho là cực vi sắc được? Còn nếu như không có sáu phương hướng phân chia thì làm sao cho là cực vi sắc được? Nó đã phá được quan niệm cực vi của ngoại sắc chính là đã kiến lập được “Chỉ có sát na, sát na biến hiện của nội tâm mà thôi”. Nhưng chúng ta cũng dùng phương pháp lý luận đồng dạng trên để quan tâm can

thiếp đến nội tâm của người khác, như trong một niệm (một sát na) của anh (Chú thích 3) tâm anh có phân biệt trước sau hay không? Nếu như nói có phân biệt thì cái nào không phải là sát na; nếu nói không có phân biệt, thì tâm sát na sanh diệt không có phân biệt đây thuộc về đồng thời hay khác thời? Nếu đồng thời thì nó lại mâu thuẫn không thông; nếu khác thời, trước sanh sau diệt thì sao lại bảo là không có phân biệt sát na?”

Có thể thấy thời gian “Sát na” và “Cực vi” của vật chất trên lý luận thì không thể thành lập. Chúng ta lại suy luận một lần nữa, nguyên vì “Cực vi” và “Sát na” đã không thể thành lập, cho nên sự sanh diệt của tế bào thiếp theo cũng không thể thành lập; dĩ nhiên sự sanh diệt của tế bào đã không thể thành lập thì sự sanh tử của nhân sanh như đây cũng không thể thành lập, cho nên gọi là “Không Sanh Không Diệt”.

Những thứ lập luận trên chỉ là sử dụng suy luận gián tiếp, trong đó chúng ta có thể dùng lý luận chỗ đồng dạng, lợi dụng những thứ này áp dụng song quan luận trực tiếp để đả phá vấn đề “Sanh Diệt”. Như thế vấn đề “Sanh” của anh nói chính là trong đó đã phủ nhận vấn đề “Không”, như hôm nay vừa mới “Có” sao gọi là “Sanh”? Hơn nữa hôm qua đã “Có” hôm nay lại “Có” cũng sao gọi là “Sanh”? Còn nếu như hôm qua “Không” hôm nay lại “Có” thì khả năng như thế nào? Khác nào mùa xuân không có giống lúa thì làm sao mùa thu có thâu hoạch được? Cái “Có” hôm nay là từ chỗ nào đến? Còn nếu bảo rằng cái “Có” của hôm qua hôm nay lại “Có” gọi là “Sanh” thì không đúng. Như bột mì (Có hôm qua) làm thành bánh mì (Có hôm nay) thì không thể bảo là sanh được! Giống lúa ở mùa xuân, thâu hoạch ở mùa thu cũng là đạo lý giống nhau. Sở dĩ nói “Có” của hôm qua, hôm nay lại “Có” thì cái “Có” đó mới thực sự được gọi là Không Sanh. Hỏi rằng: đã Không Sanh thì Diệt phải như thế nào? Đáp rằng: cũng đã Không Diệt, tại sao thế? Giả sử nếu hạt lúa ngàn năm trước đã diệt thì làm sao có hạt lúa ngày nay? Vì thế mới nói là Không Diệt. Đã cho là Không Diệt mới nhận chân được đạo lý “Không Sanh Không Diệt”.

Nguyên do nhằm phá trừ mê chấp “Sanh Tử” của nhân gian để phát sanh tín tâm cứu cánh, ngoại trừ Phật Pháp ra, không có đạo lý nào triệt để có khả năng này! Cho nên học Phật mới có thể phá trừ đăm mê “Sanh Tử” của nhân gian, ngộ đặng cảnh giới vô sanh.

Sau cùng dùng Chứng Đạo Ca của Đại sư Vĩnh Gia để kết thúc. Chứng Đạo Ca như là: “Bao nhiêu lần sanh, bao nhiêu lần tử, sanh tử ung dung không ngừng yên. Từ khi đốn ngộ lý vô sanh, nơi các vinh nhục nào có buồn vui?”.

CHÚ THÍCH:

- *- Chú Thích 1: vật chất
- *- Chú Thích 2: Sáu phương là chỉ cho đông, nam, tây, bắc, trên, dưới; sáu phương là ý chỉ sự phân chia của không gian.
- *- Chú thích 3: một niệm tâm là chỉ cho thời gian một sát na.

(Hai Hồ Âm Nguyệt San, ngày 01 tháng 6 năm Nguyên Tải Dân Quốc thứ 58).

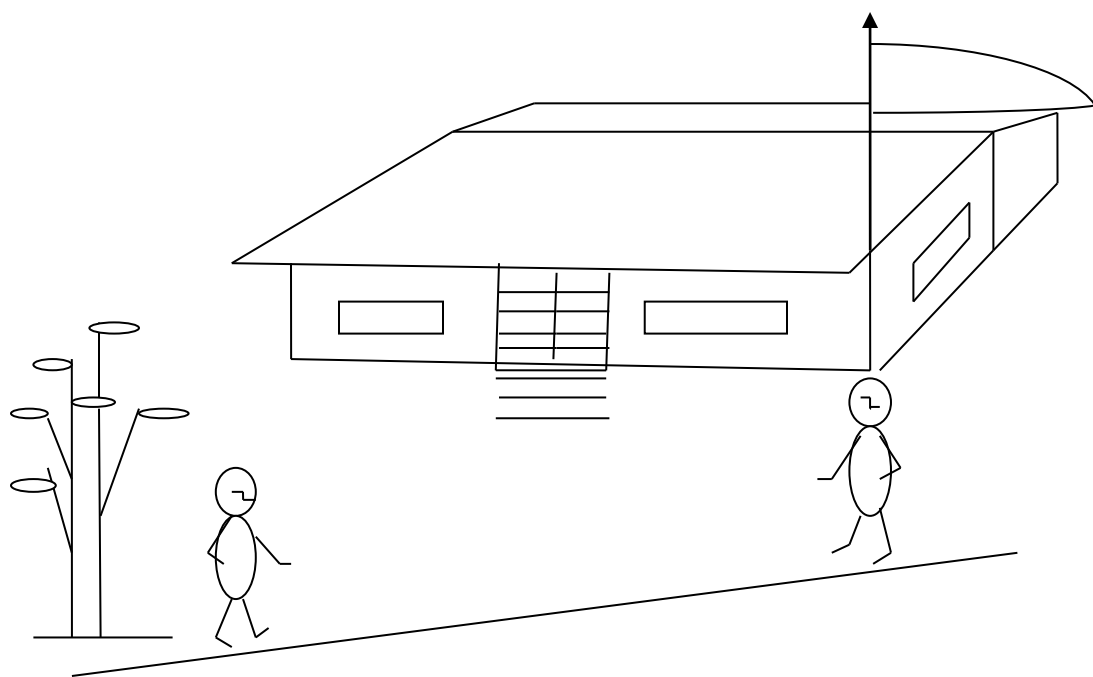
QUÁN TƯƠNG ĐỐI

KHÔNG SANH KHÔNG DIỆT: (Bất Sanh Bất Diệt)

Tác giả: Cư sĩ Lý Nhất Quang
Việt dịch: Thích Thắng Hoan

Trung Luận nói rằng: “Không sanh cũng không diệt,..... có thể nói là nhân duyên, khéo diệt các hý luận.” Người đời thường nói: “Từ xưa đến nay ai lại không chết?” Bất luận là đế vương, quý tộc, bình dân, cho đến phàm phu, buôn bán, tôi tớ, đều hoàn toàn không thoát khỏi cửa “Tử”. Cho nên có người nói rằng: “Trước mặt chỉ có cửa “Tử” là mọi người đều bình đẳng”. Đã có tử tất nhiên phải có sanh; đây là một việc rất rõ ràng. Vấn đề “Sanh” “Lão” “Bịnh” “Tử” của nhân sanh, cùng vấn đề “Thành” “Trưởng” “Hoại” “Không” của vật chất và luôn luôn niệm niệm đến vấn đề sự biến chuyển “Sanh” “Trụ” “Dị” “Diệt” vân vân của tinh thần, một khắc (15 phút) cũng chưa đình chỉ lưu lại. Như thế làm sao lại nói: “Không sanh cũng không diệt”? Chúng ta bình thường bảo rằng: “Đây sanh kia diệt” là do nhân duyên tụ hợp nhau lại mà sanh và nhân duyên phân tán thì diệt, đó đều là “Hí Luận”. “Hí Luận” là thế nào? “Hí Luận” tức là tương đương với ý tứ “Mấy may không ý nghĩa”. Cũng tức là người đời thường nói “Sanh” “Diệt” đều là mấy may không ý nghĩa. Tại sao thế? Trước hết dùng thí dụ của “Tương Đối Luận” để thuyết minh: Thông thường người đời hay nói “Bên Trái” hoặc “Bên Phải” cũng là không có ý nghĩa. Sao lại biết được? Xin xem Đồ Hình (1):

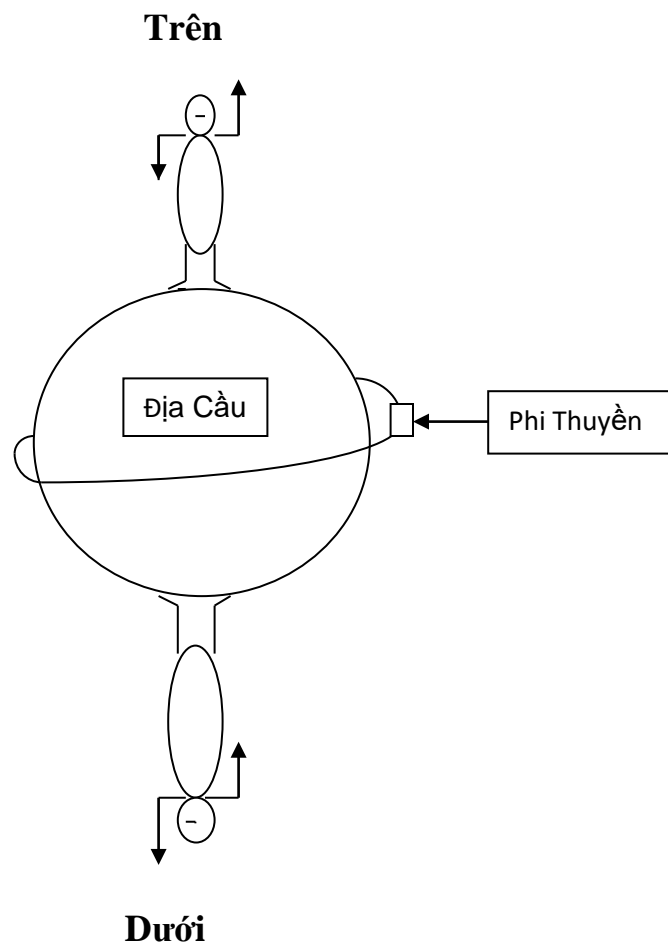
Đồ Hình (1):



Nếu anh nói nhà cửa đây ở bên phải của con đường. Đó cũng là mảy may không có ý nghĩa; Là thế nào? Anh đang lúc từ nơi quốc kỳ chạy thẳng hướng về gốc cây, thế thì nhà cửa ở bên phải của anh; nếu anh đang lúc từ nơi gốc cây chạy thẳng hướng về quốc kỳ thì nhà cửa ở bên trái của anh. Chỗ hiển nhiên cần bàn đến là “Bên Trái” hoặc “Bên Phải” của con đường, nghĩa là anh ở đây tương đối cần phải suy xét chỗ gọi “Bên Trái” hoặc “Bên Phải” của một phương hướng nào đó được bàn đến. Như thế sự trình bày “Bên Trái” hoặc “Bên Phải” thì mới có ý nghĩa. Giả sử có người hỏi vấn đề như trên rằng: “Nhà cửa đây ở một bên con đường nào----- bên trái hay bên phải?” Chỉ có trả lời rằng: “không bên trái cũng không bên phải!”

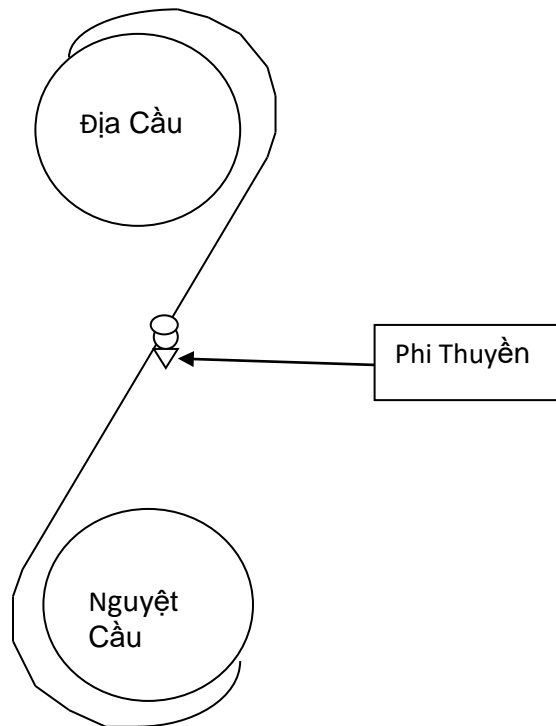
Giống nhau như trên, người đời thường chỉ chỗ “Trên” hoặc chỗ “Dưới” cũng là không có ý nghĩa: Khi nhân loại chưa phát hiện địa cầu hình tròn, tất cả đều cho mặt của địa cầu là bằng phẳng, bất cứ một điểm nào trên mặt địa cầu đều là mặt phẳng cả, đều là “Đường Thẳng Đứng” như nhau. Chỗ chỉ cho “Trên” hoặc cho “Dưới” ở đây đều là thuộc về tánh tuyệt đối. Nhưng mà ngay sau khi nhân loại biết rõ hình thể địa cầu là hình tròn, trên địa cầu không giống địa điểm, vả lại cũng không có mặt phẳng “Đường Thẳng Đứng”. Chỗ chỉ cho “Trên” hoặc cho “Dưới” của địa cầu lại cũng hoàn toàn không có ý nghĩa! Hãy xem Đồ Hình (2):

Đồ Hình (2)



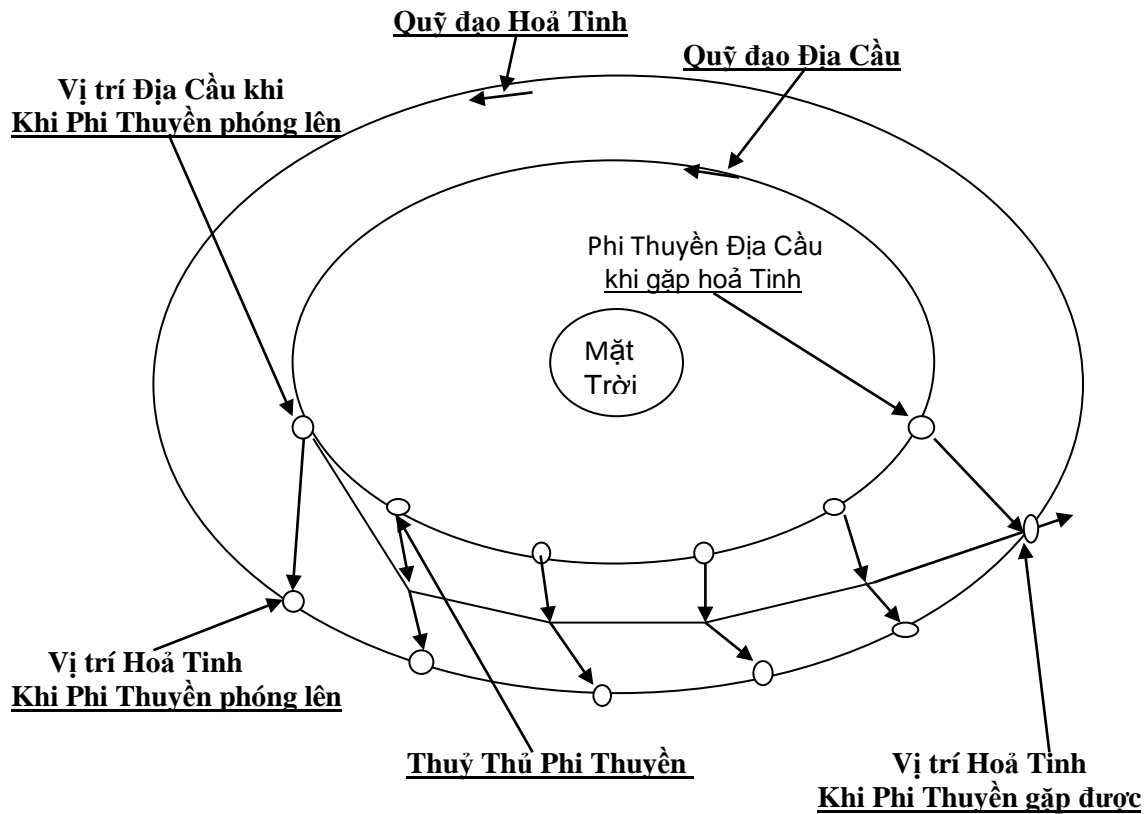
Nếu dùng Đồ Hình (2) toàn bộ địa cầu làm tiêu chuẩn, câu trả lời của chúng ta tốt nhất chỉ nói rằng: “Không trên cũng không dưới!” Lý đây sẽ dùng sự thật rất gần để trình bày: Sau khi Phi Thuyền Không Gian đổ bộ lên nguyệt cầu (mặt trăng) thì tình hình của địa cầu ngược lại, căn cứ theo lập trường của Đồ Hình (3) mà quán sát;

Đồ Hình (3):



Theo Đồ Hình (3) sẽ khiến chúng ta nghi vấn: “Xét cho cùng nguyệt cầu thì ở “Trên” mặt hay ở “Dưới” mặt của địa cầu?” Con người trong Phi Thuyền Không Gian nếu đứng nửa chừng thì không cách nào phân biệt được “Trên” và “Dưới” của địa cầu, tức là không có thể phân chia được địa cầu phía nào “Trên” phía nào “Dưới”. Tình hình đó giống nhau nơi Đồ Hình (4)

Đồ Hình (4):



Theo Đồ Hình (4), “Thủy Thủ” là dấu hiệu trong Phi Thuyền Không Gian để quan sát Hoả Tinh, lúc đó Mặt Trời, Địa Cầu và các Hành Tinh khác cũng không thể phân biệt được cái nào “Trên” cái nào “Dưới”. Khi chúng ta đứng trên địa cầu, “Mặt Trời, Nguyệt Cầu, các Hành Tinh đều là ở trên đầu chúng ta”, đây là thiên

kinh địa nghĩa. Quan niệm đây vững chắc không thể phá được. Một khi bay vào không gian, quan niệm vững chắc không thể phá được đây liền bị phá ngay.

Chúng ta khi biết rõ thí dụ trong “Tương Đối Luận” thì từ đây về sau đối với quan điểm “Không Sanh cũng Không Diệt” lại có một khái niệm và sau đó có thể lý giải sâu thêm một bước. Giả sử hiểu biết vấn đề “Sanh” và “Diệt” của chúng ta một khi có thể mở rộng thêm thì lập tức bị loại bỏ cũng giống như loại bỏ quan niệm vấn đề “Trên” và “Dưới” sau khi con người trong phi thuyền không gian bay ra khỏi địa cầu.

Trên thực tế, chúng ta theo tập quán thường ngày hay nói đến vấn đề “Sanh” và “Diệt”, cũng không khác nào thường hay đề cập đến “Thời Gian” và “Không Gian” nào đó làm tánh tương đối để nương tựa vững chắc, mặc dù chúng ta đã phát giác ra được vấn đề “Sanh” và “Diệt” này mảy may không có ý nghĩa! Chúng ta đề cập đến vấn đề “Sanh” và “Diệt”, nếu so sánh thí dụ trong “Tương Đối Luận” thì gặp nhiều phức tạp, mà lại còn cố tình làm chỗ nương tựa tồn tại cho tình ý. Thế nên một khi Phật Pháp nói đến vấn đề “Không sanh cũng không diệt” thì sẽ khiến cho một số người trở nên kinh ngạc! Nguyên vì so sánh Thê (tọa độ) của vấn đề sanh diệt thì thật tại không dễ gì phá nổi và cũng không phải cặp mắt người thường có thể thấy rõ được. Đó là lý do vấn đề “Không sanh cũng không diệt” đây cần phải sử dụng đến một thứ tỷ giáo phức tạp của thí dụ trong Tương Đối Luận để thuyết minh; chính trong quyển sách căn bản Tương Đối Luận Nhập Môn nói rằng: Trong Luận Văn “Luận Nhân Loại Đích Lý Giải Lực” của trứ danh Triết Học Gia Lạc Khắc diễn tả về Đạo như sau: “Một con cờ phụ đặt ở trong bàn cờ chúng ta lúc đầu mở rộng trên vị trí, chúng ta nói con cờ đều ở trên nguyên vị không có di động. Có thể bàn cờ ở nơi lúc nói đã từ một phòng dọn đến một phòng khác..... nếu như bàn cờ mở rộng ở trong khoang thuyền không có di động. Tuy nhiên một chiếc thuyền đang chạy, chúng ta lại nói bàn cờ lúc đầu vẫn ở bản xứ. Giả sử chiếc thuyền và lục địa lân cận bên cạnh bảo trì không biến động, chúng ta lại nói chiếc thuyền đây đứng ở nguyên chỗ chưa di động, mặc dù địa cầu cũng có thể đã hoàn toàn di chuyển qua một vòng. Do đó nếu như đối với vật thể có khoảng cách so sánh tương đối xa thì lại nói, con cờ, bàn cờ và chiếc thuyền hoàn toàn đều đã thay đổi vị trí.” Từ một đoạn văn đây, chúng ta cũng có thể đem vấn đề “Sanh” và “Diệt” tạo nên rất nhiều đại số chung của phương hướng và vận động, sau đó lại quy nạp thành một thứ di động của tánh phương hướng riêng: thí dụ như sự di động “Sanh” và “Diệt” của con Bướm Bướm ----- sanh mạng đầu tiên chỉ là một cái trứng, sau đó biến thành Ấu Trùng, tự Ấu Trùng nhả tơ để thành con nhộng, con nhộng sẽ bị bẻ ra liền thành con bướm bướm! Như thế sanh mạng liền tượng hình một kẻ lữ hành nơi trên lộ trình khác, trải qua thắng cảnh hoàn toàn không giống nhau, đi qua từ cửa ải này đến cửa ải khác liền hoá thành kiểu vận động

phương hướng đơn độc. Nhân đây chúng ta đem sự “Sanh” “Diệt” của con Bươm Bướm có thể phân thành các thứ nhận xét không giống nhau: nói rằng con Bươm Bướm đã trải qua bốn lần kiểu “Sanh” “Tử”, nguyên vì trứng của nó chết liền sanh ra Ấu Trùng, Ấu Trùng chết liền sanh ra con Nhộng, sau khi con Nhộng chết lại sanh ra con Bươm Bướm, đây không phải rõ ràng là có bốn lần kiểu “Sanh” “Tử” hay sao? Chỉ cần dùng toàn bộ sanh mạng con Bươm Bướm nhận xét thì con Bươm Bướm mãi mãi chưa bị diệt. Nguyên nhân so sánh Thử (tọa độ) thì không giống nhau, đối với chỗ ý nghĩa nhất định “Sanh” và “Tử” cũng hoàn toàn khác nhau.

Vấn đề “Sanh” và “Tử” của nhân sanh thì cũng như thế. Nhân sanh có ba thời kỳ sanh diệt: một là sát na sanh diệt, hai là nhất kỳ sanh diệt và ba là cứu cánh sanh diệt. Cái gì sát na sanh diệt? Sát na sanh diệt cũng như tế bào luôn luôn tách rời sanh ra tế bào mới, mỗi phút tế bào tàn tạ già cũ, không có sát na gián đoạn lưu lại về sau. Nếu như có một sát na gián đoạn lưu lại không biến thì sau đó ở nơi lý luận lại không có lý do nối tiếp biến hoá về sau, gọi là sát na hoàn toàn sanh diệt. Nhưng ở đây chỗ biến động của từng sát na này đến sát na kia khiến thân thể con người ở nơi chỗ đổi thay không ngừng. Ở trong sinh hoạt thường ngày, luôn luôn trong chỗ không biết, do từ ấu thơ mà trở thành tráng niên, do từ tráng niên mà trở thành già cả, do từ già cả mà trở thành chết mất được gọi là Nhất Kỳ Sanh Diệt. Sát na sanh diệt đây ở nơi thời gian bảy tuổi nắm lấy hết thảy tế bào toàn thân chuyển hoá đổi thay, cho nên nó bảy năm trước cùng với nó của năm nay sớm đã thay đổi hoàn toàn một con người. Chính hiện tượng chuyển hoá đổi thay của con Bươm Bướm, thoát khỏi một con lại hứng lấy một con. Xác thịt của con người cũng giống như nhà cũ chọn vào nhà mới một thứ. Giả sử chúng ta đem thời gian của tánh tương đối bám trụ vào trên một điểm nào được chỉ định, chọn bảy tuổi của con người làm nhất kỳ, cũng có thể bảo rằng bảy tuổi trước kia của họ sớm đã hoàn toàn “chết” mất! Năm nay họ mới “Sanh” ra lần nữa; căn cứ theo đây mà nói có cái gì không thể? Nếu đem thời gian suy rộng ra có thể một số người sử dụng một đời nhân sanh làm một tọa độ chung, nào đương nhiên không thể bảo rằng chỗ thân thể thay đổi của thời gian bảy tuổi, lại chọn làm chỗ chết mất của một con người, như thế lại hoàn toàn không có ý nghĩa! Lý do giống nhau, nào cứu cánh của sự sanh diệt chính là sanh mạng một đời của nhân sanh hoàn toàn kết thúc, tiếp theo lại thọ sanh một sanh mạng mới, hết sanh rồi tại tử, hết tử rồi lại sanh, sanh sanh tử tử liên tục không gián đoạn. Cũng như làn sóng của biển cả, từng đợt nhấp nhô nối tiếp nhau. Nếu như dùng một làn sóng trước và một làn sóng sau để nhận xét, gọi là hiện tượng một làn sóng “Sanh” và một làn sóng “Diệt”. Còn như dùng toàn bộ biển cả mà nói đều tồn tại chưa có “Sanh” và chưa có “Diệt”. Sanh mạng của con người lưu chuyển cũng giống như thế. Giả sử đứng trên lãnh vực bào thai mà nói, bào thai tượng hình gọi là “Sanh”, bào thai xuất ra gọi là “Diệt”; nếu dùng toàn bộ

sanh mạng lưu chuyển mà quán sát thì vĩnh viễn không gián đoạn và có thể nói là không “Sanh” “Diệt”; gọi là cứu cánh sanh diệt, cũng tức là “Không sanh cũng không diệt”.

“Tương Đối Luận” báo cho chúng ta biết rằng: “Không cần tìm kiếm tọa độ tuyệt đối không biến động ở trong vũ trụ. Vũ trụ là không gian không ngừng nghỉ: Tinh Cầu, Tinh Vân, Thiên Hà cho đến chỗ có hệ thống dẫn lực địa chấn to lớn không ngừng nghỉ rất xa trong không gian. Nhưng sự vận hành của chúng nó chỉ có thể chính chúng nó quan hệ tương đối lại gia thêm để thuyết minh, nguyên vì trong hư không đã không phương hướng và cũng không giới hạn”. Lại nói rằng: “Ly khai hoàn toàn hệ thống đối chiếu, chính là không có thời hạn cố định, ly khai hoàn toàn hệ thống đối chiếu, đích xác là không có “Đồng Thời” và cũng không có “Hiện Tại”.” Ở trong khái niệm của hai vấn đề thời gian và không gian đây, chúng ta đối với trong Phật Pháp quan niệm “Không sanh cũng không diệt” thì cũng có thể phỏng theo khái niệm đã thẩm nhuần chỗ gọi Thời Không của “Tương Đối Luận. Do bởi chúng ta đã quán sát đến sát na sanh diệt, mở rộng đến nhất kỳ sanh diệt của nhân sanh, lại do sanh diệt của nhất kỳ suy rộng đến cứu cánh sanh diệt, cũng chính là đem thời gian kéo dài đến lâu xa không hạn định và đem không gian mở rộng đến bao la không giới hạn. Đã không thời hạn cố định, cũng không giới hạn phương hướng, lúc này lại nói đến “Sanh” “Diệt”, cũng tìm không được Thể đối chiếu; đã không tọa độ cố định, làm sao có thể cho là có sanh có diệt được? Đã nói rằng “Sanh” “Diệt” cùng với thí dụ bên “Trái” bên “Phải” của “Tương Đối Luận” giống nhau không có ý nghĩa, nguyên vì mục tiêu của một chữ “Không” ở trong Phật Pháp lại biểu hiện minh bạch ý nghĩa không sanh lại cũng không diệt, cho nên mới gọi là “Không sanh cũng không diệt!”

Trong Phật Pháp thường nói: “Pháp hữu vi thì có sanh có diệt; pháp vô vi thì không sanh không diệt.” Chúng ta có thể dùng chỗ giống nhau đây quán sát đến Tương Đối Luận Nhập Môn, trong đó nói rằng: “Lý luận của Ái Nhân Tư Thân cùng học thuyết của Ngưu Đôn cả hai đều phủ nhận; họ bảo không có chỗ nào bàn đến “Chuyển động tuyệt đối”. Một vật thể ở trong Không phát sanh quan niệm chuyển động tuyệt đối là mảy may không có ý nghĩa.” Cũng có thể nói: “Pháp Hữu Vi” chỉ là ở nơi tánh tương đối dùng thêm để giải rõ vấn đề “Sanh” “Diệt” mà phổ thông thường quan niệm, đây chỉ hoàn toàn bám trụ nơi một tọa độ trên khái niệm cho là bất động, vấn đề trên xem như đối đãi nhau. Nhưng thực tế vĩnh viễn tìm không đến được tọa độ có một cố định chân thật. Ngay khi ông đem anh A định làm tọa độ thì chính bản thân anh A lại dùng anh B làm tọa độ và anh B lại dùng anh C làm tọa độ khác, những tọa độ đây vĩnh viễn không dừng nơi cảnh. Cho nên Pháp Vô Vi thì lại thuộc về tánh tuyệt đối. Đã vậy một vật thể ở trong Không phát sanh quan niệm vận động tuyệt đối là mảy may không có ý nghĩa, như thế “Sanh

diệt” chính là một thứ hiện tượng rất nhiều trong vận động mà thôi. Nguyên nhân “Sanh” và “Diệt” ở trong quan niệm tuyệt đối cũng là may mắn không có nghĩa như nhau! Cho nên “Ở trong pháp vô vi cũng giống nhau là tìm hoàn toàn không thấy được có vấn đề sanh và diệt!”

Con mắt chúng ta khi thấy sản sanh bình hoa là do khối đất chế tạo, trước hết dùng tọa độ khối đất làm cố định mới hiển hiện ra bình hoa. Trên thực tế, khối đất là do vi trần cô đọng lại hợp thành, nguyên nhân khối đất đều không phải tọa độ cố định, mà vi trần cũng không phải là cố định. Nguyên do vạn hữu trong vũ trụ đều nương nhân giá duyên mà sanh sản, duyên tụ thì sanh mà duyên tán thì diệt. Khi sanh là tổ hợp của nhân duyên, thật ra không có vấn đề “Sanh”; khi ở nơi diệt chỉ là nhân duyên phân tán, do đó cũng chưa phải gọi là diệt. Cho nên mới bảo rằng: “Không sanh cũng không diệt!”.

Từ nơi quán sát đây: vạn sự vạn vật trong vũ trụ không có một việc nào không phải là tương đối. Đã là tương đối thì nhất định phải tương phản. Ở nơi không gian thì nói có đông tây, nam bắc, thượng hạ, tả hữu, lớn nhỏ, dài ngắn, vuông tròn. Ở nơi thời gian thì nói có xưa nay, đi lại, ngày đêm, lạnh nóng. Ở nơi tinh thần thì nói có khổ vui, mừng giận, thương ghét, phải trái, thiện ác, chánh tà, niệm niệm thuyên biến sanh diệt. Chúng ta vĩnh viễn ở trong thế giới tương đối này, nhất cử nhất động đều hoàn toàn thọ nhận luật tương đối đây mà thành hiện tượng mâu thuẫn chỗ gọi là phải trái, một phút cũng không thoát ly khỏi. Nhân đây liền sanh thành thứ quan niệm làm lẫn, từ đó trình bày không dứt cảnh tượng nào là ưu bi khổ não của “Sanh Lão Bệnh Tử”. Nhưng ngay khi khổ não đến hãm hại, mọi người đều không muốn nhận chịu, cho nên liền tìm cách giải quyết tránh khỏi. Chỉ có người học Phật vốn đã tu dưỡng thì mới có thể đem hết thấy những thứ quan niệm “Sanh” và “Diệt” tương đối mâu thuẫn đây lia bỏ tất cả. Chỉ cần nương cậy vào tâm thanh tịnh “Không Sanh Không Diệt” sẵn có, kiềm chế hoàn toàn tri kiến mâu thuẫn tương đối đây, đi theo quốc lộ thanh tịnh thể hiện ra.

(Nguyệt San Bồ Đề Thọ, kỳ thứ 22 năm Nguyên Tái Dân Quốc 58)

NHÂN DUYÊN KHÔNG TÁNH

Tác giả: Cư sĩ LÝ NHẤT QUANG

Dịch giả: THÍCH THẮNG HOAN

(Trích trong quyển Phật Pháp Dữ Khoa Học Đích Tử Giảo Xiển Thích)

“Nhân Duyên” là gì? Là không có thể tánh.

Sự sanh khởi, tồn tại, cho đến diệt vong của tất cả pháp đều là do các điều kiện quan hệ hoà hợp hoặc phân tán: điều kiện chủ yếu thân cận gọi là Nhân; điều kiện thứ yếu quan hệ xa gọi là Duyên. Khi nhân duyên hoà hợp thì các thứ pháp sanh, khi nhân duyên phân ly thì các thứ pháp diệt.

“Không Tánh” là gì?

Sự sanh khởi hoặc sự hoại diệt của mỗi pháp không phải là tự trưởng thành đơn độc, lại cũng không phải là tự sanh tồn cô lập; cần phải tri cứu vấn đề này, bất cứ pháp nào cũng đều không có tự tánh, nghĩa là tự tánh của nó không thể tìm được nên gọi là không tánh. Tỷ dụ một cái bình chẳng hạn, cái bình đây do các nhân duyên như nước, bùn đất, nhân công..v..v.... hoà hợp tạo thành, nếu như hỏi rằng tự tánh của cái bình ở chỗ nào thì không thể tìm được. Nguyên vì cái bình là do nước, bùn đất..v..v.... hợp thành, nhưng nước và bùn đất không phải là tự tánh của cái bình. Cái bình như thế quyết định không tự tánh tự thành, thường trụ và độc lập, nên gọi là không, không có tự tánh. Vấn đề này ai ai cũng đều dễ biết. Phật Pháp sử dĩ trình bày tất cả pháp do nhân duyên sanh với mục đích là đả phá quan niệm sai lầm của “tà nhân, vô nhân, thường kiến, đoạn kiến” ..v..v...., đồng thời lại thuyết minh không tánh của tất cả pháp. Vì đã không thể dùng ngôn ngữ để diễn tả nên cần phải dùng tỷ dụ để trình bày vấn đề: như giá trị tuyệt

đối của số học, cái này thì không phải chính không phải phụ, chỉ là căn cứ nơi nhân tố mà có chính và phụ, mới hiển bày được lý “Tuyệt đối” của nó. “Không tánh” cũng giống như thế, nguyên vì có hai chấp “Ngã và Pháp”, nên mới hiển hiện ra đạo lý “Không Tánh”.

Chúng ta sau khi đã biết vấn đề trên qua tỷ dụ và hơn nữa khi đứng trên hai chấp ngã và chấp pháp để xem thì: chính tôi thường ngày từ sáng đến chiều, tất cả lời nói, hành động, ăn uống, sinh hoạt, không lúc nào không chỗ nào mà không bàn tính có cái “Tôi” để khác biệt với người. Như chúng ta thường nói: y phục của tôi, gia đình của tôi, tài sản của tôi..... đều là ở nơi bộ phận của cái ngã, nên gọi là “Chấp Ngã”. “Pháp” là tất cả cảnh giới của thế gian, là sáu căn nơi có thể duyên hoặc không thể duyên của chúng ta, tức là y phục, gia đình, tài sản.....; là sự vật của chúng ta giữ gìn, nên gọi là “Chấp Pháp”. Căn cứ theo những sự việc thiển cận xảy ra mà nói, cả hai chấp ngã và chấp pháp có thể dùng hai chữ bao quát là “Danh” và “Lợi”; Danh là chấp trì vô hình, lại phân biệt kia và tôi, liền sanh ra ý tưởng có chủ tể, thường trụ và độc lập. Lợi là những sự vật thật tại của con người tôi thọ dụng. Thế nên danh lợi có khi là chấp ngã và có khi là chấp pháp. Cho đến thế giới sơ dĩ có sự tranh chấp với nhau cũng chẳng qua là vì danh lợi mà thôi. Xưa kia có một vị Hoàng Đế hỏi Tể Tướng rằng: “Trong kinh thành, mỗi ngày ra vào đại ải có bao nhiêu người?” Tể Tướng tâu rằng: “Chỉ có hai loại người, một là danh và một là lợi”. Vấn đề đây chúng ta thấy rõ trong sự sinh hoạt hàng ngày, ai nấy đều hoàn toàn không thể ly khai và cũng không thể tránh khỏi; trên đến bậc hiền đức, dưới đến hạng ngu phu, không thời khắc nào mà chẳng tranh chấp danh lợi.

Lại một tỷ dụ khác: Trường họ có một lớp dạy về Nghi Lễ, sau khi tốt nghiệp, Hiệu Trưởng cùng học sinh thảo luận, ông hỏi một học sinh

trong lớp: “Trò sau khi ra trường, đến trong xã hội, cư xử với mọi người như thế nào?” Học sinh khoái chí trả lời: “Con chuẩn bị một trăm cái mũ cao nhất”. Hiệu Trưởng ngạc nhiên hỏi: “Trò làm sao có thể dùng hết được?” Học sinh a dua trả lời: “ Thưa Hiệu Trưởng, trong xã hội có bao nhiêu người thanh cao như Hiệu Trưởng của chúng con?” Hiệu Trưởng làm thinh. Khi học sinh này ra khỏi nhà của Hiệu Trưởng liền tự lẩm bẩm một mình nói rằng: “Một trăm cái mũ cao nhất, chỉ còn lại có chín mươi chín cái mũ mà thôi”. Đây chính là chấp cái Danh của “Ngã” và cũng là chấp cái “Pháp” của Ngã. Một khi chấp trước đối với cảnh liền bị mê và lại không có năng lực tự giác. Bất luận kẻ học thức như thế nào, phú quý như thế nào, đạo đức cao thượng như thế nào, chỉ cần đối diện với cảnh hiện tiền, liền bị nó xoay chuyển và bị trầm luân mà không thể nổi lên được. Chỉ có nương tựa nơi Phật Pháp để tu trì, mới có thể một ngày giải thoát. Do đó chúng ta cần phải triệt để hiểu rõ hai bệnh chấp ngã và chấp pháp, đồng thời quán chiếu chiều sâu để đạt thành hai nguyên lý ngã không và pháp không:

1)- NGÃ KHÔNG:

Thông thường quan niệm chấp nhận có thân tôi chính là “Ngã Chấp”, chúng ta luôn luôn cho thân thể của mình là tôi; trên thật tế mà nói, thân thể của chúng ta chỉ là do các nguyên tố tác dụng hợp thành, có chỗ gọi là Tứ Đại (Địa Đại, Thủy Đại, Phong Đại, Hỏa Đại) giả hợp mà thành. Địa Đại là thể đặc, là chỉ cho da thịt, xương cốt..v..v.... Thủy Đại là chất lỏng, là chỉ cho máu huyết..v..v.... Phong Đại là thể hơi, là chỉ cho hô hấp..v..v.... Hỏa Đại là nhiệt lực, là chỉ cho thể ấm. Cho nên thân thể con người giống như một người tuyết dưới ánh sáng mặt trời, hòa tan mỗi giờ (như thể lực suy yếu), hóa hơi mỗi phút (như khí lực tiêu hao), một khắc cũng không thể dừng lại. Sở dĩ nói hình vóc con người ảo hóa không thật chính là do tứ đại giả hợp làm thành thân thể. Có người cho rằng thân thể của chúng ta dĩ nhiên đã là giả, là không;

nhưng hệ thống tâm linh của chúng ta cần phải là chân thật! Nguyên vì nó chính là chủ thể, là tư tưởng, cảm tình, ý chí, nguyện vọng cho đến cá tánh..v..v.... của chúng ta. Đúng ra những vấn đề hệ thống tâm lý nêu trên cũng đều là do nguyên nhân một thứ hoặc hai thứ kích thích mà phát khởi, quyết không phải là tự thành và cũng là các pháp do nhân duyên sanh. Như tư tưởng chẳng hạn, các ông làm gì biết có tư tưởng ngày nay? Thế thì xin hỏi, vấn đề gia đình, học đường, cho đến hoàn cảnh và giáo dục của xã hội nơi quá khứ của các ông, đó là những điều kiện khiến cho sự hình thành tư tưởng của các ông ngày nay phải không? Giả sử rút bỏ đi những bối cảnh giáo dục này, các ông có thể xuất hiện một thứ tư tưởng khác không? Hơn nữa vấn đề cảm tình, vì nó mà con người khiến phải ngược xuôi bôn ba tìm kiếm suốt đời nhưng rốt cuộc vẫn không thỏa mãn; quả thật mà nói những thứ tình cảm đây khác nào: “Gió thổi mây trắng bỗng nhiên trở thành chó xanh, thiên biến vạn hóa kỳ lạ không có thật”. Như giữa hai người cảm tình, đáng lẽ đối xử với nhau rất tốt giống như tay chân, bỗng nhiên vì lời nói hoặc hành động không vừa lòng nhau, hai người lập tức trở thành sức mẻ hằn đi. Như vậy tâm của họ cuối cùng ở chỗ nào? Ai nấy cũng đều không có phương pháp quyết định cả. Từ đó hệ thống tâm lý cũng gọi là “Không”. Do nơi thân và tâm cả hai đều không ở trên cho nên mới có danh xưng là “Ngã Không”.

2)- PHÁP KHÔNG:

Ngã chấp đã rõ, lại phát sanh ra một thứ vọng niệm chấp ngoài tâm có: hữu vi, vô vi cho là thật pháp. Như tôi thấy đóa hoa, đóa hoa mà tôi thấy tức là pháp. Trên thực tế, đóa hoa là pháp do nhân duyên sanh, là không không phải thật có. Đóa hoa mà tôi có thể thấy được, theo Duy Thức Học nói phải có đầy đủ mười thứ nhân duyên: căn duyên, cảnh duyên, không duyên, minh duyên, tác ý duyên, phân biệt y duyên, nhiễm tịnh y duyên, căn bản y duyên, chủng tử y duyên, đẳng vô gián

duyên. Phần dưới lại là trình bày rõ ý nghĩa mười duyên này:

1- Căn Duyên: đương dùng mắt thịt để thấy hoa, khi mắt thịt bị hư hoại thì không thể thấy hoa, mắt thịt tức là Căn Nguyên.

2- Cảnh Duyên: như tôi thấy hoa, có bản thân của đóa hoa tồn tại mới có thể nhìn thấy, đóa hoa đây tức là Cảnh Duyên.

3- Không Duyên: khoảng cách của đóa hoa có nhất định, rất gần và rất xa không thể nhìn thấy, khoảng cách không gian đây thích hợp chính là Không Duyên.

4- Minh Duyên: đóa hoa nếu như ở chỗ đen tối thì không thể nhìn thấy, phải có đầy đủ ánh sáng thì mới có thể nhìn thấy, ánh sáng đầy đủ đây chính là Minh Duyên.

5- Tác Ý Duyên: khi chú ý đến hoa thì mới có thể thấy, khi không chú ý đến hoa thì không có thể thấy được. Chú ý đây chính là Tác Ý Duyên.

6- Phân Biệt Ý Duyên: đóa hoa rất diễm lệ, rất xinh đẹp, màu đỏ tươi, màu đỏ thắm đều là do tâm phân biệt mà khởi lên, mọi người thấy hoa, mọi người ý niệm về hoa không giống nhau, đó gọi là Phân Biệt Ý Duyên.

7- Nhiễm Tịnh Ý Duyên: biết sự tốt đẹp của đóa hoa liền khởi tâm tham lam yêu ghét là Nhiễm Tịnh Ý Duyên.

8- Căn Bản Ý Duyên: đóa hoa sở dĩ có thể hiện bày là do bản chất của Thức thứ tám phát khởi, nên gọi là Căn Bản Ý Duyên.

9- Chủng Tử Y Duyên: đóa hoa thì có hạt giống của nó, thứ hạt giống này cũng không phải thứ hạt giống của thế tục quan niệm, thứ hạt giống này là do trong “Thức thứ tám” phát khởi “Hiện Hành” để hiện bày, nên gọi là Chủng Tử Y Duyên.

10- Đẳng Vô Gian Duyên: niệm trước diệt thì niệm sau phát sanh, đó là chỉ cho Thức Duyên liên tục không gián đoạn; cũng chính là Y Duyên hướng dẫn trước diệt sau sanh, nên gọi là Đẳng Vô Gian Duyên.

Chẳng những mười duyên này nhất định thiếu một không thể được, dù rằng mười duyên hơi có sai lệch, chỗ thấy đóa hoa lại cũng hoàn toàn không giống nhau! Nơi trong mắt tâm của người thường thấy hoa, nói chung chẳng qua chỉ dùng con mắt thịt để xem hoa mà thôi, nhưng họ không biết rõ trong đó có nhiều duyên như thế! Nhiều duyên đây tạo ra mộng cũng không thể tưởng đến được. Nay chỉ cần sử dụng hai thứ duyên căn và cảnh để bàn! Vấn đề này cũng không phải chỗ người thông thường có thể nhận thức rõ ràng, trên thực tế vẫn còn rất phức tạp. Trong đây trước hết dùng một phương pháp thực nghiệm để chứng minh hai duyên căn và cảnh, chỗ hình thành ngàn sai muôn khác trong thế gian, đều không phải chân tướng của sự vật hiện tiền; như hình vẽ (1) biểu hiện, một bánh xe có sơn màu đen trắng xen kẽ gắ vào một trong hai đầu động cơ và tiếp theo xem động cơ chuyển động. Khi động cơ chuyển động, ngay lúc đó hai màu đen trắng không thể nào thấy được; nếu như dùng một đôi âm thoa (dụng cụ âm thanh) trên hai âm thoa gắ hai miếng sắt, giữa hai miếng sắt có một kẽ hở, đồng thời hai âm thoa chấn động, nếu khi số chấn động của âm thoa cùng với động cơ đồng bộ quay nhanh, ngay lúc đó mắt thịt như kẻ hở nhìn vào sẽ thấy hai màu đen trắng lại hiện rõ phi thường, hiện rõ giống nhau như khi động cơ chưa chuyển động. Đây chính là chứng minh tình trạng sai

khác của hai duyên căn và cảnh, chỗ thấy được của hai duyên căn và cảnh lại có ngàn sai muôn khác mà tất cả thấy được đều không phải tướng chân thật. Tiện đây có thể so sánh rằng: sự chấn động của âm thoa là đại diện cho sự nhấp đập nơi các tế bào con mắt của căn duyên, còn sự quay chuyển của động cơ chính là biểu tượng sự cải biến không ngừng ở nơi đóa hoa của cảnh duyên. Tại sao thế? Trước hết nói đến con mắt biến hóa giống như âm thoa, dẫn một sự thật để chứng minh: “Bác Sĩ Đại Học Hải Sĩ Mỹ Quốc Chi Gia Ca phát hiện: một người xem họa đồ đến khi họ không còn thích xem nữa thì con ngươi của họ thu hẹp lại; còn con ngươi khi thích xem họa đồ thì con ngươi của họ lại mở to ra. Hơn nữa con ngươi của nhân loại khi mở to và thu hẹp như thế nào một cá nhân không thể hoặc không muốn dùng ngôn ngữ để bày tỏ cảm tình biểu lộ ra ngoài.” Do đó có thể biết, tâm lý tinh thần ảnh hưởng đến con ngươi mở to hoặc thu hẹp; sự mở to hoặc thu hẹp của con ngươi là biểu tượng số chấn của âm thoa, cố nhiên ảnh hưởng đến chỗ thấy sự vật của con ngươi bị biến động không ngừng. Thứ đến nói về đóa hoa, hình dáng của nó giống như động cơ xoay chuyển không dừng nghỉ. Theo nhà khoa học giải thích: “Tất cả đều là ba động, chúng ta sống ở trong thế giới ba động này.” Trên thực tế đóa hoa là do điện tử ba động hợp lại kết thành nguyên tử ba động, rồi nguyên tử ba động tái hợp lần nữa để kết thành phân tử ba động và phân tử ba động chính là chỗ sát na sát na cải biến; ở trong thời gian trước và sau, đóa hoa vẫn hoàn toàn không phải là chân diện mục có từ nguyên thể. Chỉ dùng hai duyên căn và cảnh này trình bày cũng đã chứng thật được giá trị của pháp không, như: thường ngày người say rượu thì thấy đất động, người bị bệnh có thể thấy ma quỷ, cho đến Y Học chiếu quang tuyến X để xem thân người và lúc đó ai cũng đều thấy được giá trị của nó mà ở trên đã lý giải. Nhân đây mỗi một sự vật muốn tìm kiếm bản lai chân diện mục của nó cũng không thể đạt được; đã không có thể đạt được bản tánh chân thật của nó cho nên nói là “Không Tánh”. Đóa hoa là

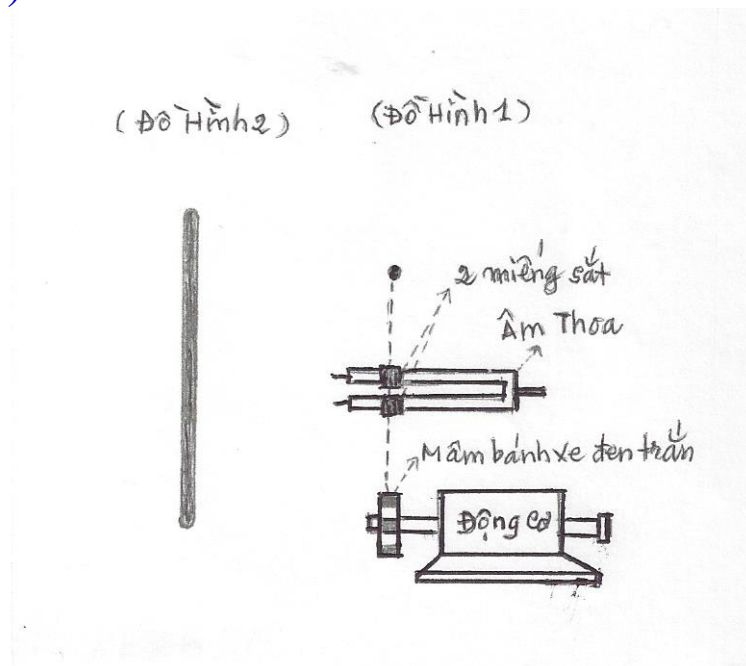
một pháp trong tất cả pháp, một pháp đã là không thì tất nhiên tất cả pháp cũng đều “Không”, nên gọi là “Pháp Không”.

Phần trước đã tách riêng hai chấp ngã và pháp để thuyết minh tánh không. Nhưng hai thứ chấp này thì rất ăn khớp với nhau; đương lúc nói đến ngã liền bàn đến pháp, khi bàn đến pháp thì lại nói đến ngã. Cho nên hai thứ chấp này nếu phân tách thì không thể rời nhau, còn nếu như hợp nhau lại thì cũng không thể hòa. Nói chung trên sự thật, hiểu được khoảng cách của hai chấp, khoảng cách này lại có một đoạn rất dài; nên nghĩ rằng nếu hợp nhau lại thật là không phải dễ. Hợp nhau lại để làm gì? Nguyên do khi tôi thấy đóa hoa, cái ngã (ngã chấp) của năng thấy quan hệ là do tâm phát khởi; đóa hoa (pháp chấp) của chỗ thấy là cảnh giới ở ngoài tâm, một trong một ngoài không phải là có một đoạn khoảng cách sao? Giả như hôm nay bàn đến cần tiêu trừ đoạn khoảng cách này, tất nhiên phải phân biệt ý nghĩa bao gồm các chữ sau đây.

- “**Kiến**” là ánh sáng của ngoại giới kích thích con mắt, trải qua bộ máy não, từ tánh giác mà phát sanh một thứ tác dụng cảm giác nhìn thấy.
- “**Niệm**” là do trí nhớ đối với cảnh nhớ mãi không quên và giữ gìn cảnh không mất gọi là niệm.
- “**Quán**” là quán sát vọng niệm lên xuống gọi là quán.
- “**Giác**” là một thứ bản năng chân thật của con người đã có, nó không đến không đi, không sanh không diệt.

Chúng ta phân biệt biết rõ bốn chữ này thì có thể dụng công ra tay; ánh sáng trên con mắt bị đóng lại thì đóa hoa đây tức khắc tợ hồ như ở trong tợ hồ như ở ngoài, hoảng hoảng hốt hốt, mò mẫm không nhất định. Giả sử bình thường lời nói có chỗ quyết định như: do “tôi nhìn thấy đóa hoa” trở thành là “tôi quán hoa”; trong nháy mắt đóa hoa

ngoại cảnh lại bị diệt trừ, chỉ còn có quán đóa hoa của ý niệm ban đầu phát khởi trong tâm của tôi, nghĩa là chỉ còn lại hai vấn đề “Quán” và “Niệm” mà thôi. Từ đó không gian khoảng cách của hai chấp ngã (tôi quán) và pháp (đóa hoa ý niệm) đây tức khắc cũng hoàn toàn bị tiêu mất, nguyên vì cả hai đều là do tâm niệm mà phát khởi. Nhưng căn cứ nơi thời gian để nói, hai vấn đề chấp ngã (tôi quán) và chấp pháp (đóa hoa ý niệm) vẫn y như cũ nghĩa là (tôi quán) có trước và (đóa hoa ý niệm) có sau. Cái gì là nguyên nhân? Trước hết xin xem sự phân tích dưới đây: Nếu như đem vấn đề “Quán” đang tác dụng mà nói, nó phát khởi từ nơi bản tánh, nó cũng chính là “Giác” và “Giác” cũng là bản tánh, cũng là cái gì mà trước kia cả đông lẫn tây đều chưa sanh khởi, nó hoàn toàn thanh tịnh, lại có thể dùng một thứ đường thẳng để hình dung nó như hình vẽ (2)

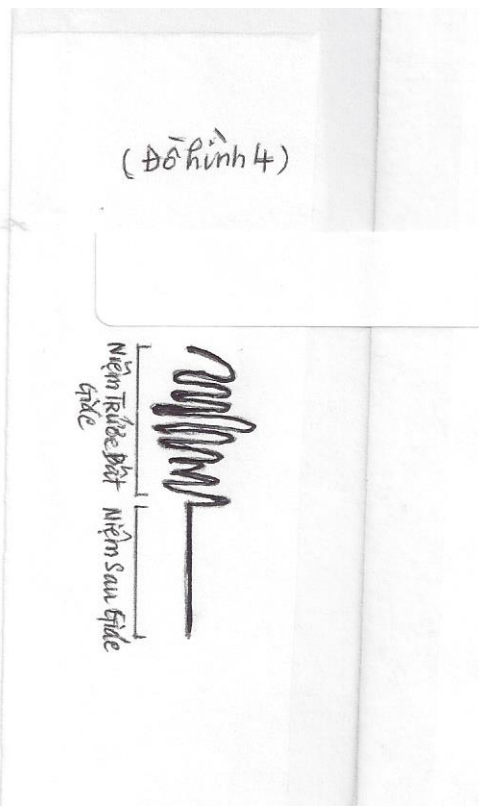


biểu hiện, đúng như những lời của đức Phật đã dạy: “Chân tâm là đạo tràng”. Tâm nếu như đã khởi động niệm thì chân tâm chắc chắn không an trụ, tâm lúc đó trở nên xiêu vẹo, biến thành làn sóng hình tướng không ngay ngắn giống như hình vẽ (3). Thứ ác niệm này một khi phát khởi, nếu như người có hơi chút tu trì thì lập tức giác ngộ được ngay. Đúng như lời của Đại Thừa Khởi Tín Luận nói: “Vì giác ngộ biết được niệm trước khởi ác, có thể đình chỉ niệm sau khiến nó không cho phát

khởi. Trường hợp đó mặc dù gọi là giác nhưng thật ra chính là bất giác.” Đây là quan niệm của phàm phu chúng ta, đương lúc niệm trước phát khởi ác, niệm sau lại khiến nó không cho khởi, như thế một cái (niệm) tiếp theo một cái (niệm) thì không thể cho là “Giác”. Giả như đem hai hình vẽ phía trước hợp nhau lại liền thấy hiện tượng bất giác xuất hiện, như hình vẽ (4) biểu hiện, nghĩa là trước thuộc bất giác sau thuộc giác cái bất giác. Một trước một sau đây chính là nhân tố tồn tại của thời gian. Nếu như bảo rằng cho thời gian một trước một sau cũng tiêu trừ luôn là chỉ thấy được ở nơi công phu tu trì của chúng ta. Có khả năng nơi niệm trước khởi ác, niệm sau đình chỉ không cho tái khởi, như thế một cái theo chân một cái ở nơi người thường thì cho là đúng, nhưng ở nơi Phật Pháp mà nói, đó là bất giác. Theo Phật Pháp phải như thế nào mới cho là giác? Muốn được gọi là giác, tất nhiên đòi hỏi thêm một lớp hạ thủ công phu càng sâu hơn nữa. Nên biết rằng khi hạ thủ công phu, đầu tiên cần phải hiểu rõ phương pháp phân định đối với niệm khởi và niệm diệt trong Phật Pháp: “Một niệm có chín mươi sát na, một sát na có chín trăm của bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt.” Ý nghĩa của bốn tướng được giải thích theo đây: như thân thể của sanh mạng con người gồm có bốn tướng là sanh, già, bệnh, chết; còn vật chất lại có bốn giai đoạn là thành, trụ, hoại, không; cho nên tinh thần cũng có biến đổi theo bốn tướng sanh, trụ, dị, diệt nói trên. Đây là người thường không dễ gì biết rõ. Căn cứ nơi sau khi phân định được niệm khởi niệm diệt này, dùng hình vẽ (3) để biểu tượng làn sóng



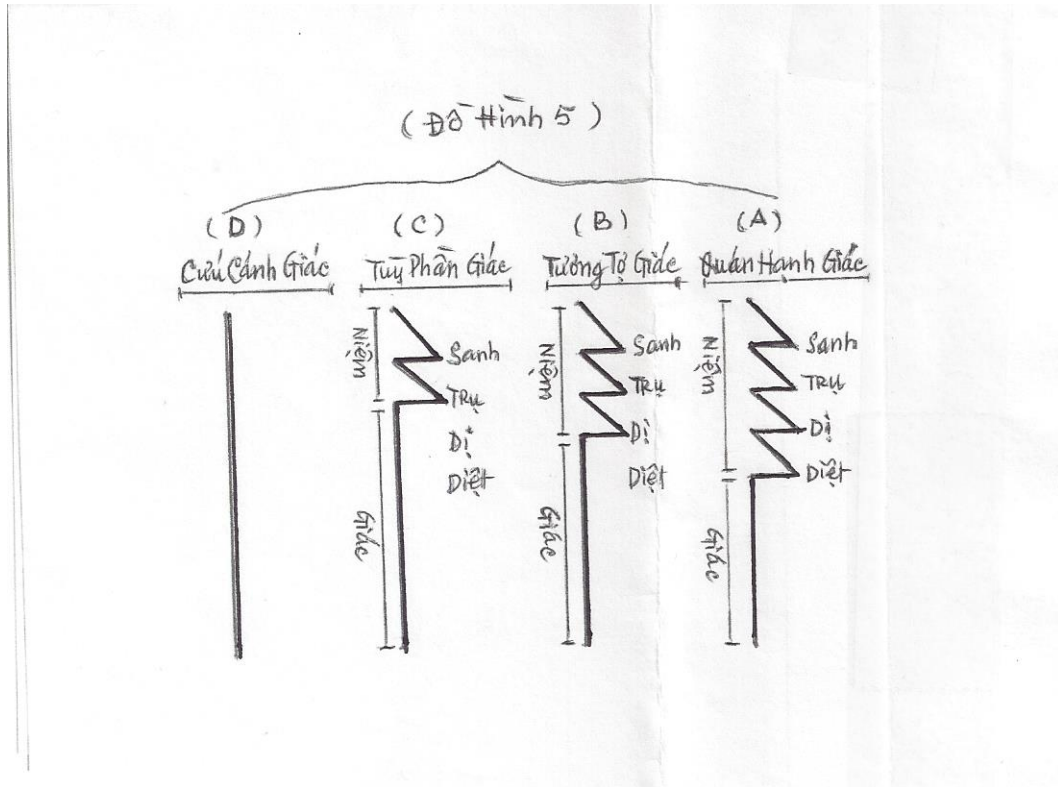
niệm ác không ngay ngắn đang xuất hiện suy tưởng “sinh, trụ, dị, diệt”. Nơi hình vẽ bốn tướng của niệm, dùng một làn sóng răng cưa đơn thuần để thay thế bốn tướng cơ bản thay đổi của niệm ác. Như phân nửa phía trên phần (A) của hình vẽ (5) biểu hiện.



Nhơn đây chúng ta có thể khái niệm tổng quát: Thời gian của niệm từ khi sanh cho đến khi diệt so sánh giống như thời gian nguồn tia điện tử bắn đến màn ảnh của máy truyền hình. Chúng ta hoàn toàn biết rõ thời gian sanh diệt của niệm ban đầu là nhanh như thế, ngay khi khởi một niệm ác lập tức quán chiếu nó, nhưng nó đã đến quá sớm dù cho quán chiếu cũng không kịp. Nếu có thể được là từ nơi chỗ hiện tượng không gián đoạn này, chúng ta càng nỗ lực dụng công hơn nữa, nẻo trước không phải là quán thường lạc mà suốt ngày phải thường ở trong quán chiếu khiến cho được thành tựu “Quán Hạnh Giác”. Như phần (A) của hình vẽ (5) biểu hiện. Quán Hạnh Tức Phật Tụng giải thích rằng: “ Mỗi niệm mỗi niệm quán chiếu lý vô thường, mỗi tâm niệm mỗi tâm niệm dứt hẳn huyễn trần; quán khắp các pháp tánh không giả cũng không chân”. Đây cũng chính là nói đem tâm niệm quán chiếu đạt được cơ sở thanh tịnh thì các huyễn trần riêng biệt hoàn toàn tiêu diệt, các pháp Không và Giả đây cũng không chân thật, tất cả đều là do chỗ tâm niệm hiện ra. Lúc bấy giờ công phu của chúng ta có thể nói đã đi sâu được một lớp, ngay khi đó cũng có thể tri giác được tướng “Dị” (khác) của

niệm, khi ấy đã xả bỏ hẳn sự phân biệt phân thô mà không có tướng chấp trước nữa nên gọi là “Tương Tợ Giác”. Như phần (B) của hình vẽ (5) biểu hiện. Lúc này “Giác” cùng với “Niệm” thời gian cách nhau và cũng rút ngắn lại không ít. Giả sử chúng ta dùng thời gian hiện đại để hình dung hai thời gian cách biệt nhau đó, không khác nào thời gian của pha lê có quang tuyến xuyên xuyên qua. Công phu đến chỗ này tường vách đều nhìn thấy rõ như thường; như trong quyển “Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ” đã trình bày, tường vách tuy ngăn cách có thể nhìn thấy được các thứ động tác của con người. Lý này cũng có thể sử dụng tình hình âm thoa và động cơ mà xuy luận để biết được nó. Chẳng qua Phật Pháp đều không chú trọng thứ thần thông này, chủ yếu là giải thoát sự thống khổ về mê chấp của nhân sanh. Nhờ ở trong công phu của tu trì, tuy không đoán được chỗ đi đến, nhưng công phu cũng có thể giúp tri giác được tướng “Trụ” của niệm. Đây là nhờ ly khai hẳn vọng tướng phân biệt và tùy theo chỗ chứng đắc sâu cạn không giống nhau của mỗi người, cho nên được gọi là “Tùy Phần Giác”. Như phần (C) của hình vẽ (5) biểu hiện, lúc này “Giác” cùng với “Niệm” hai thời gian đó cách biệt nhau, cũng như thời gian của quang tuyến xuyên suốt chỗ nhu cầu của hạt nhân nguyên tử. Lúc bấy giờ cảnh giới cũng không phải là chỗ phàm phu chúng ta có thể tưởng tượng với tới. Bất quá ở đây đầu sào trăm thước lại gia công nỗ lực thì mới có thể suy cứu đến được “Cái ngã của năng không” cùng với “Cái pháp của sở không”; cũng tức là “Giác” cùng với “Niệm” hòa hợp lại vào một. Như Khởi Tín Luận giải thích rằng: “Như Bồ Tát Địa Tận, đầy đủ phương tiện, một niệm tương ứng, giác tâm bắt đầu khởi, tâm không có tướng ban đầu. Do xa lìa được niệm vi tế, thấy đặng tâm tánh, tâm liền thường trụ, gọi là Cứu Cánh Giác.” Khi đã đến cảnh giới này thường được viên mãn. Cho nên hai chấp ngã và pháp ở nơi không gian nó đã chẳng còn tồn tại, ở nơi thời gian nó cũng không phân chia trước sau. Niệm cùng với giác chính là một khoản trực tuyến, như phần (D) của hình vẽ (5)

biểu hiện. Đồng thời vắng lặng mà thường chiếu, chiếu mà thường vắng lặng, không trước không sau, không bờ mé, không chỗ tựa. Niệm tức là giác, giác tức là niệm; ngã tức là pháp, pháp tức là ngã; nhân duyên tức là không tánh, nhân duyên chẳng lìa không tánh, cho nên gọi là “Nhân Duyên Không Tánh.”



(Bảng chánh đăng trong Nguyệt San Giác Thế thứ 437 và 438 năm Dân Quốc 58)

QUÁN NHƯ MỘNG

Tác giả: Cư sĩ LÝ NHẤT QUANG

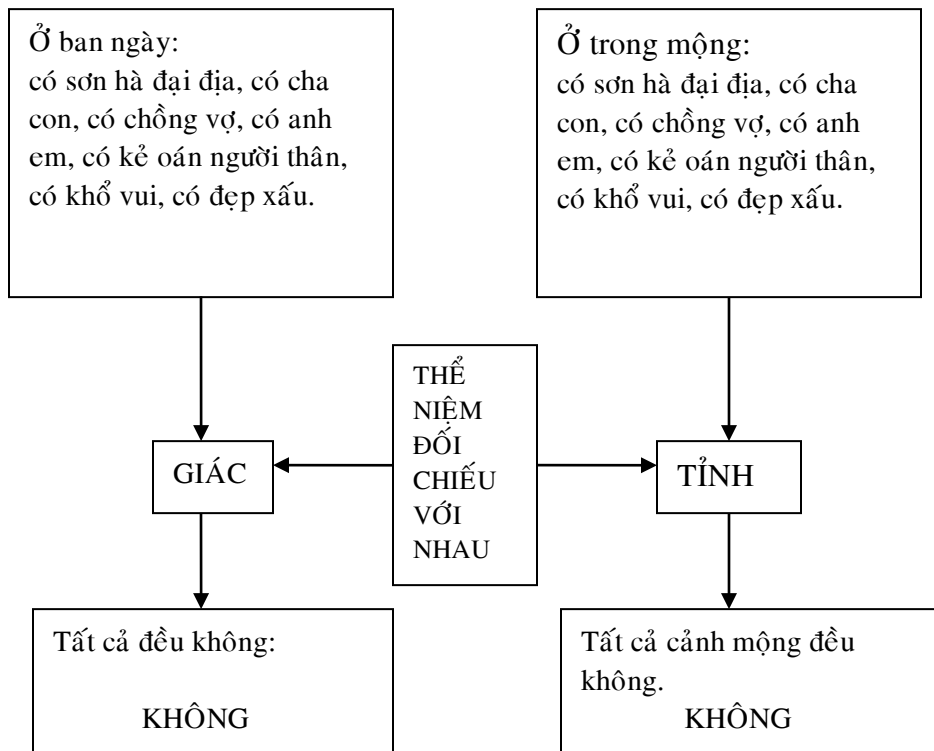
Dịch giả: THÍCH THẮNG HOAN

(Trích trong Phật Pháp Dữ Khoa Học Đích Tỷ Giảo Xiển Thích)

“Nhân sanh như mộng”, đây là điều suy nghĩ của người phàm phu thường than thở như thế! Cho đến người sống ở đời xem các pháp cũng giống như thế. Thật ra họ không biết làm cách nào từ trong mộng huyền có thể tỉnh trở lại được. Tại sao họ không biết? Nguyên vì họ không có lòng tin tông giáo và không có dày công tu dưỡng, lại chưa từng học Phật, lẽ đương nhiên không biết ý nghĩa của chữ “Phật”. Còn chúng ta bình thường cũng chỉ có thể căn cứ trên mặt chữ nghĩa để tìm ra một giải đáp: “Phật nghĩa là giác ngộ, giác ngộ lý chân thật của các pháp và phân biệt một cách rõ ràng.” Giải thích như thế nói chung cũng vẫn không thể minh bạch được một cách cứu cánh của nó. Thế thì do nguyên nhân gì? Nguyên nhân chính là anh chưa thành Phật, tôi cũng chưa thành Phật và mọi người đều chưa thành Phật. Chúng ta đều không có kinh nghiệm (tức hiện lượng) của sự thành Phật. Chúng ta đã hành động không ra ngoài hiện lượng và dùng hiện lượng để thuyết minh hình như cũng khó mà nhập môn, chỉ căn cứ nơi tỷ lượng để lý giải ý nghĩa của chữ Phật đấy thôi. Trong các tình trạng chung, mọi người dường như chỉ sử dụng mộng mơ làm tỷ lượng để so sánh cho thích hợp. Điều đặc biệt mọi người trong mộng mơ lại có một hạng kinh nghiệm, xin quán sát bản đồ sau đây sẽ thấy tình trạng một đối một với nhau giữa trong mộng và ban ngày: (Xem bản đồ thứ nhất).

BAN NGÀY

TRONG MỘNG



Ở trong mộng, có sơn hà đại địa, có cha con, có chồng vợ, có anh em, có kẻ oán người thân, có khổ vui, có đẹp xấu và khi đã tỉnh mộng, cảnh mộng thấy đều không. Còn ở ban ngày, chỗ giống nhau với cảnh mộng là: cũng có sơn hà đại địa, có cha con, có chồng vợ, có anh em, có kẻ oán người thân, có khổ vui, có đẹp xấu và khi đã giác ngộ, tất cả cũng đều không. Ngay lúc giác ngộ tất cả đều không, cho đến mọi người cũng vẫn là không và họ không bao giờ sanh trở lại. Vấn đề đây nhất định ai cũng nghi vấn, ngay cả chính mình cũng giống nhau là khó tin tưởng. Tại sao thế? Liên trả lời rằng: tại anh chưa giác ngộ, tôi cũng chưa giác ngộ, đối với vấn đề giác ngộ thì lại bỏ ngõ, mọi người đều không có kinh nghiệm về vấn đề giác ngộ đều này. Cho nên chúng ta chỉ có cách đem toàn bộ của tất cả ban ngày trở lại quán sát trong mộng thì nhận thấy tất cả mọi vật ban ngày cũng giống như cảnh mộng và khi tỉnh mộng cũng tức là giác ngộ. Nhờ đem thế giới hiện thật đây mà lãnh hội được cảnh mộng và ngay khi tỉnh mộng tất cả đạo lý đều không; nhờ lãnh hội được cảnh mộng mới có thể giác ngộ được tất cả mọi thứ cảnh giới thấy nghe thấy đều do nơi Thức biến hiện.

Cũng từ nơi đây tiến thêm một bước, giải thích sâu thêm một chút. Nơi luận Đại Thừa Khởi Tín giải thích: “Tất cả các pháp đều nương nơi vọng niệm mà có sai biệt; nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả pháp.” Ý đây nói rằng, tất cả hình hình sắc sắc thường ngày của chúng ta đều do chúng ta vọng niệm sanh khởi, giả sử đem vọng niệm trừ khử đi thì tất cả cảnh giới của các pháp cũng không có, gọi là Không, cũng tức là đạt đến cảnh giới của Phật. Như thế xin lập lại lần nữa, chỉ cần đem vọng niệm tẩy trừ cho tiêu mất thì tất cả đều không. Nhưng trên thực tế, chúng ta luôn luôn hiểu rằng khó dùng đức tin nhận xét để trừ khử vọng niệm trở thành chân thật được; nó cũng không có quan hệ với kinh nghiệm (hiện lượng). Ở đây chỉ có thể từ nơi tỷ lượng trong mộng mà quan sát, đương nhiên chỗ tốt nhất là chúng ta khi ngủ trên giường bỗng nhiên giác mộng phát khởi, liền xuất hiện các thứ cảnh giới; những cảnh giới đây sanh khởi như thế nào? Chúng nó đích thực là do vọng tưởng sanh khởi. Giả sử vọng tưởng đem trừ khử đi thì cảnh mộng kia tức khắc tiêu mất không còn dấu vết. Cho đến mộng kia cũng không còn. Những cảnh giới ở ban ngày cũng giống đạo lý này, những vọng tưởng ở ban ngày nếu trừ khử đi thì tất cả đều giống nhau là không.

Nói đến đạo lý trên, theo Phật học thường dùng những gì trong mộng để tỷ lượng? Nguyên nhân mộng là hư huyền mà ai cũng đều biết; tất cả sự sự vật vật trong thế gian cũng là hư huyền không thật. Cuối cùng chúng nó như thế nào cũng đều là mộng. Đối với vấn đề này, chúng ta chỉ vì ở trong mê mất đi bản tánh của mình, cho nên rất khó hiểu biết được. Giờ đây, trước hết đem ý nghĩa hai chữ thế gian hơi giống để trình bày:

Ý nghĩa của Thế Gian chính là biến đổi lưu chuyển vô thường, là hư vọng giả dối không thật, có thể chế phục được nó, có thể phá hoại đoạn diệt được nó; các pháp bị đọa vào trong cõi này gọi là thế gian. Vô thường nghĩa là tất cả sự vật trong thế gian, do ở trong thời gian và ở trong không gian biến đổi lưu chuyển không ngừng. Còn không thật nghĩa là tất cả vật chất phân tích đến cùng cực, rốt cuộc không đạt được thật thể đơn thuần của chúng. Như vì vô thường cho nên có thể chế ngự, như vì không thật cho nên có thể đoạn diệt. Nhưng có chỗ cho rằng tất cả pháp thế gian là giả tướng do tâm biến hiện. Giả tướng phân làm hai loại:

- Một là “Giả tướng liên tục”: nghĩa là dụ như điện ảnh và một đốm hỏa châu chuyển biến thành hình vòng, vấn đề này biết rất rõ là do giả tướng liên tục hình thành.
- Hai là “Giả tướng hòa hợp”: nghĩa là giống như trong Hóa Học có 90 thứ nguyên tố hòa hợp mà thành các hình sắc, các thứ vật chất trong thế gian, mỗi nguyên tố lại do các hạt trong điện tử..v..v.... hòa hợp lại thành. Nhưng điện tử lại không phải đơn thể, cho nên chung cuộc không tìm được thật thể của nó. Vật chất là như thế, thân thể vật chất của chúng ta cũng giống như thế.

Còn tinh thần thì cũng biến chuyển giống như trên, cũng buồn, giận, mừng, vui không có nhất định. Cho nên tất cả đều biến chuyển hư vọng không thật, so với cảnh mộng lại cũng có hai thứ như thế nào? Hãy suy nghĩ lần nữa để xem, ngày hôm qua tụ tập, ngày nay an trụ nơi chỗ nào? Có chỗ nói rằng: “Hôm nay giác ngộ đôi khi không phải hôm qua”. Từ đó có thể biết thêm “Hôm nay giác ngộ đã không phải thì vị lai cũng không phải.”

Chúng ta đã biết rõ những lý do trên, từ đó có thể dùng nó để giải thích rất nhiều ý nghĩa của Kinh văn:

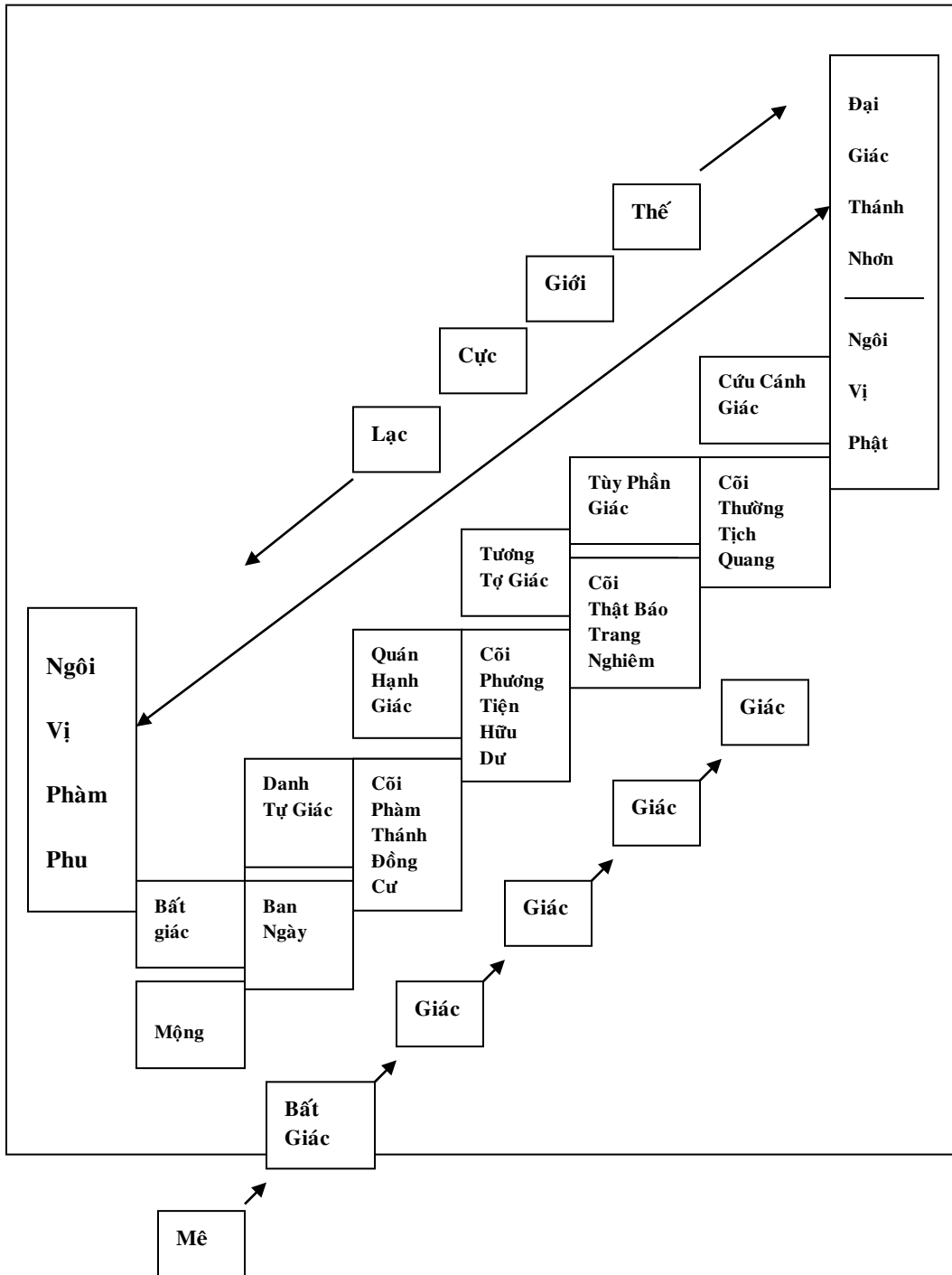
1.- Cảnh giới của Niết Bàn: Có người cho rằng cảnh giới của Niết Bàn không thể trình bày; tại sao thế? Nguyên vì mọi người đều ở trong mê, lại còn ở trong mộng, phát ra những lời nói đều là ngôn ngữ mộng, đã ngôn ngữ mộng thì mỗi lời nói không có chỗ chứng đắc. Liên bảo Niết Bàn là chỗ không sanh không diệt, nói như thế có nghĩa là chúng ta hoàn toàn không có thể nghiệm sâu sắc đến cảnh giới chân thật của Niết Bàn, nguyên vì chúng ta thiếu sót kinh nghiệm (hiện lượng) của Niết Bàn. Giờ đây chúng ta sử dụng giấc mộng để giải thích: ở trong mộng có sanh tử, có khổ vui, có lo mừng, khi tỉnh mộng thì tất cả đều không. Cho nên trong quá trình của nhơn sanh, chỗ giống nhau cũng có sanh tử, có khổ vui, có lo mừng, lại cũng có các thứ cảnh giới đối đãi; còn đề cập đến cảnh giới Niết Bàn thì không sanh không tử. Vì thế mới cho rằng cảnh giới Niết Bàn thì hoàn toàn tịch tịnh và tròn sáng, không có vấn đề tử sanh. Chỉ có từ nơi mộng và tỉnh là chỗ nhiều lần tư duy, nhờ đó thể nghiệm được tình trạng tưởng tượng của cảnh giới Niết Bàn, nơi đó không có vấn đề buồn lo và cũng không vui mừng. Như trên đã nói khi mộng thì có vấn đề buồn lo và vui mừng, còn khi tỉnh mộng thì sao lại có vấn đề buồn lo và vui mừng được? Cảnh giới Niết Bàn thì cũng giống như thế, nghĩa là cũng giống như trường hợp tỉnh mộng.

2.- Kinh Kim Cang nói rằng: “..... như thế chúng sanh vô lượng, vô số, vô biên được diệt độ, thật không có chúng sanh được diệt độ. Tại sao thế? Nay ông Tu Bồ Đề, Bồ Tát nếu như có tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả tức là không phải Bồ Tát.” Xin giải thích yếu nghĩa của đoạn kinh văn đây, trước hết đem chúng sanh vô lượng, vô số, vô biên và tướng ngã, tướng nhơn, tướng chúng sanh, tướng thọ giả quy về từ trong cảnh mộng mà suy cứu. Ở trong cảnh mộng tất cả đều tồn tại, nhưng đến khi chúng ta tỉnh mộng, lập tức biết rõ tất cả đều không chỉ giả hiện không thật. Do đó nói rằng ngay khi ở ban ngày chúng ta thấy được chúng sanh vô lượng vô số vô biên đáng độ và thấy được sự sai biệt của ngã nhơn chúng sanh thọ giả, nhưng đến khi chúng ta giác ngộ thì tất cả cũng là không. Cho nên Bồ Tát nếu như còn dùng tâm phân biệt thấy chúng sanh đáng được độ và còn phân biệt ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả

thì Bồ Tát như thế còn ở trong mộng, còn mê chấp sự lý, lẽ đương nhiên không phải là Bồ Tát.

3.- Kinh Kim Cang cũng nói rằng: “Bồ Tát ở nơi pháp, nên dùng vô trụ mà thật hành việc bố thí. Chỗ gọi là không trụ nơi sắc để bố thí, không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp để bố thí.....” Lý này trước hết nói đến một công án. Lúc đầu Lương Võ Đế tạo lập cứ năm thước một ngôi chùa, mười thước một cái am, độ tăng ni vô số, có người hỏi Tổ sư Đạt Ma có công đức không? Tổ sư Đạt Ma đáp: “Hoàn toàn không có công đức!” Lương Võ Đế tạo lập tự viện am đường nhiều như thế làm gì không có công đức? Người thường hiểu biết chung cho lời nói không thông. Giả sử những việc làm đích thật của Lương Võ Đế nếu như đem vào trong cảnh mộng để suy cứu thì chỗ tạo lập tự viện am đường trong cảnh mộng, nếu như được lợi ích đi nữa cũng là ở trong cảnh mộng, chỗ làm việc thiện cũng vẫn là việc thiện trong mộng; đến khi giác ngộ thì tất cả đều không. Xin nói lại thế này, làm thiện là mộng, làm ác cũng là mộng, nhất định có người lãnh hội lời nói này bảo rằng: dứt khoát không làm gì cả là không tốt hay sao? Kỳ thật khi nói đến câu thoại đầu này, người đó vẫn ở trong cảnh mộng và lời nói của họ cũng vẫn là lời nói mộng và việc làm mộng của họ vẫn tiếp tục không dứt; việc mộng vẫn làm chỉ là ác mộng, thống khổ lại càng thống khổ, cố nhiên phải nói việc tốt mới là yếu tố. Những yếu tố việc tốt để làm là (lục độ, vạn hạnh) cần phải dùng vô trụ thì mới không bị hội nhập một thứ hiện tượng trụ vào mê giống như mộng và nhờ đó đạt đến được chỗ thanh tỉnh (giác) và ngay lúc đó có thể thành Phật.

4.- Kinh Kim Cang nói rằng: “Phàm chỗ có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng không phải tướng tức là thấy Như Lai.” nếu so với trong Kinh A Di Đà nương theo tướng câu sanh Tịnh Độ, như thế không phải là mâu thuẫn sao? Câu hỏi đây cho biết quý vị đã ở một góc độ nào đó để nhìn, giả sử quý vị đứng ở góc độ nơi ngôi vị Phật (Phật tức là giác ngộ, giác ngộ tất cả đều không, tức là chỗ thấy các tướng không phải tướng) để nhìn xuống thì thấy, (Như đồ hình trình bày) thế giới Cực Lạc lại ở trong mộng tốt; nhân vì trong cõi đó đã có sẵn ao bảu báu, nước tám công đức, các thứ trang nghiêm tồn tại, những hiện tượng đầy đủ đều là tướng và đã có tướng thì cũng thuộc về mộng cả.



(Chú thích: ở trong Tập Tịnh Độ của Đại sư Ngẫu Ích giải thích: Căn cứ nơi tương đối mà luận, người sinh hoạt nơi cõi ta bà thì mộng càng thêm, người cầu sanh Tịnh Độ khi tỉnh mộng cũng vậy, nhưng không thể không cầu sanh. Còn

căn cứ nơi tuyệt đối mà luận, hoặc là nghiệp cảm hoặc là ác mộng nơi ba cõi, nếu niệm Phật để sanh nơi Tịnh Độ thì cũng thuộc về mộng tốt, nhưng không thể không cầu sanh.)

Ngược lại nếu quý vị đứng ở góc độ nơi ngôi vị phàm phu để nhìn lên thì thấy (Như đồ hình trình bày), nơi thế giới Cực Lạc chính là vị trí của giác ngộ. Thế giới đó có những vị trí giác ngộ như sau: có vị trí mang danh Quán Hạnh Giác là cõi Phàm Thánh Đồng Cư đã thành tựu vãng sanh, có vị trí mang danh Tương Tợ Giác là cõi Phương Tiện Hữu Dư đã thành tựu vãng sanh, có vị trí mang danh Tùy Phần Giác là cõi Thật Báo Trang Nghiêm đã thành tựu có thể vãng sanh, có vị trí mang danh Cứu Cánh Giác là cõi Thường Tịch Quang đã thành tựu liền được vãng sanh. Nói chung là giác ngộ có rộng, có hẹp, có sâu, có cạn, vị trí gần Phật gọi là Đại Giác, cho nên đức Phật được xưng là Thánh Thân Đại Giác. Giác ngộ có lớn có nhỏ cũng chính là chỉ cho ý chí hoạt động có rộng lớn có nhỏ hẹp của chúng ta. Ở nơi điểm này chúng ta cũng có thể dùng lại vấn đề mộng để suy cứu ý chí tự tại của thế giới Cực Lạc; chúng ta ban đêm đang nằm mộng lại còn bị mê rất nặng, cho nên gặp phải khốn đốn rất nhiều (tức là bị ác mộng thường xảy ra). Nguyên do ý chí không chịu chúng ta chi phối, vì thế thống khổ đàn áp trùng trùng. Nhưng khi ban ngày trở lại là trạng thái tỉnh giấc, ý chí hoạt động của chúng ta đã được tự do tương đối và nhờ đó một số lạc thú cũng có kết quả khá nhiều. Căn cứ theo những yếu tố đây, chúng ta có thể suy cứu mà biết được thế giới Cực Lạc đã đạt đến địa vị giác ngộ, cho nên ý chí hoạt động ở nơi đó cũng được tự tại một số. Đúng như trong Kinh đã nói, muốn mặc thì được mặc, muốn ăn thì được ăn, lời nói quyết định không hư dối.

5.- Chúng ta cũng có thể dựa theo đồ hình đã trình bày ở trên mà quán sát để tăng thêm tin sâu nơi thế giới Tây Phương Cực Lạc, nghĩa là chúng ta nhờ nguyên lý này có thể vãng sanh Tịnh Độ: Trong Tịnh Độ, căn cứ trình độ mê ngộ phân làm bốn cõi: cõi Phàm Thánh Đồng Cư, cõi Phương Tiện Hữu Dư, cõi Thật Báo Trang Nghiêm và cõi Thường Tịch Quang. Chúng sanh vãng sanh nơi cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì không biết tình hình nơi ba cõi trên; chúng sanh được sanh nơi cõi Phương Tiện Hữu Dư thì không biết tình hình nơi hai cõi trên, nhưng có thể biết nơi cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Còn hai cõi kia cũng dùng cách suy cứu đây để phân loại. Chúng ta suy luận phân tích sự quan hệ các thứ tình

hình nơi bốn cõi Tịnh Độ vừa kể, cũng chỉ là lý luận suông mà không có kinh nghiệm, nguyên vì chúng ta chưa vãng sanh Tịnh Độ, sự hiểu biết tổng quát nơi bốn cõi Tịnh Độ nói trên cũng không đủ điều kiện để có thể tin sâu được. Chúng ta hôm nay chỉ còn phương pháp duy nhất là dùng cảnh giới mộng đối chiếu cảnh giới lúc tỉnh mộng để so sánh. Quý vị và tôi hiện tại đều sống ở trong cảnh giới mê hoặc (mặc dù ban ngày), hoàn toàn không biết chút nào về bốn thế giới Cực Lạc kia, chỉ biết được tất cả tình hình cơ sở đang sống trong cảnh mộng; cũng thế chúng ta khi ở trong cảnh mộng thì đối với cảnh giới lúc tỉnh mộng đều không biết chi cả. Nếu quả thật con người khi ở trong cảnh mộng mà có thể biết được cảnh giới lúc tỉnh mộng thế là họ tức khắc tỉnh lại ngay và lúc đó cảnh mộng cũng lập tức tiêu mất; cho nên con người một khi đã giác ngộ thì cũng tức đã tỉnh mộng. Lý lẽ này so sánh với cảnh giới chúng ta đang sống thì cũng giống nhau, như: chúng ta hôm nay đang ở đây cho là sống trong thế giới chân thật (hiện đang ở ban ngày), cảm nhận cái vui ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù) trói buộc, mê hoặc bản tánh chúng ta, sống mơ hồ giống như ở trong mộng và cũng không biết rõ có thế giới Cực Lạc hiện hữu tồn tại bên kia. Giả sử chúng ta nếu quả thật biết rõ có thế giới Cực Lạc bên kia thì liền khi đó chúng ta luôn luôn lúc nào cũng không mê mất tánh giác này (chỉ cho thế giới Cực Lạc), và ngay lập tức liền sanh Tịnh Độ mà không phải đợi đến một niệm lúc lâm chung. Nếu vậy có người lãnh hội hỏi rằng: hiện tại chúng ta không phải đã giác ngộ biết có thế giới Cực Lạc hiện hữu tồn tại sao? Và tại sao chúng ta không thể lập tức vãng sanh? Thật ra chúng ta hiện tại chỉ giác ngộ qua nói năng nơi trong miệng mà thôi, (như miệng nói đến lửa, nhưng lửa đó không đốt cháy được), còn trong tâm thì chưa giác ngộ, tâm và miệng cả hai hoàn toàn không hoà hợp nhau. (Tâm và miệng giả như hoà hợp nhau, khi miệng nói đến lửa thì lửa đó có thể đốt cháy được). Đúng vậy lời nói giác ngộ ở trong miệng không khác nhau với lời nói ở trong mộng, vì thế mộng vẫn y như cũ tiếp tục xuất hiện. Cho nên chúng ta nhất định phải phát nguyện xa lìa năm thứ dục để được sanh vào nước Cực Lạc, chúng ta cần phải thường xuyên tập luyện không cho mê mất tánh giác (tức là niệm Phật) thì tâm và miệng mới có thể hoà hợp nhau, đồng thời thế giới Cực Lạc hiện tiền liền được bước vào.

6.- Vạn pháp đều do tâm tạo, tâm và vật của Phật Giáo thì hoà hợp nhau thành một thể; tâm thì thuộc về dụng và vật thì thuộc về tướng. Nhờ tướng của

vật mà biết được tâm dụng của con người như thế nào. Lý do tại sao? Ở điểm hiện lượng này cũng rất khó trình bày cho rõ ràng, giờ đây chúng ta đem vấn đề mộng làm tỷ lượng để so sánh cho thích hợp. Lúc chúng ta ở trong mộng các cảnh giới đột nhiên xuất hiện, sau đó chúng ta khi tỉnh mộng liền nhớ lại những ký ức trong mộng và biết rõ tất cả những cảnh giới mộng kia là do tâm hiển hiện; nhờ những cảnh mộng kia mà chúng ta biết được tướng mạo của tâm mộng. Tình trạng ban ngày cũng giống như thế, tất cả thấy nghe ngộ biết đều là chỗ của tự tâm, tất cả cảnh giới cũng đều là chỗ hiển hiện của tâm. Cho nên mới nói vạn pháp đều do tâm tạo. Thông thường người ta nói lương tâm tốt và lương tâm xấu. Lương tâm tốt hay xấu của con người ai cũng không thể nhìn thấy được và cũng không thể từ nơi hành động của con người mà quan sát thấy được sự xuất hiện của nó. Nó thường ngày chỉ cảm giác được trong hoàn cảnh sanh hoạt hơn kém của con người mà thôi và nó tức là tướng của tâm chúng ta đấy.

7.- Kinh Kim Cang nói rằng: “ Tất cả pháp, tức không phải tất cả pháp, thế mới gọi là tất cả pháp.” Trước hết đem câu này đổi thành một pháp gì đó để nhận xét, như đem đoá hoa làm đề tài: “Đoá hoa, tức không phải đoá hoa, thế mới gọi là đoá hoa”, đoá hoa đây ai ai cũng đều nhìn thấy: nó là màu hồng, là màu trắng, là màu tím, là hoa tươi đẹp để thơm tho; đây chính là người ta chấp trước quan niệm cho đoá hoa là thật có, nhưng đúng ra nó chính là giả có. Đoá hoa đây sớm mai thì tươi đẹp thơm tho, nhưng đến chiều thì tàn úa, đó tức là không phải đoá hoa. Nó chính là không, do nhân duyên hoà hợp mà thành, giống như đoá hoa trong mộng, cho nên gọi tức không phải đoá hoa. Thế mới gọi là đoá hoa, nghĩa là ý nói đoá hoa đây chính là hoa của tâm địa hiện ra. Nhờ hoa mà biết được tâm địa của chúng ta, hoa chính là tâm địa của chúng ta đấy, là đoá hoa thật tướng, nó không phải Không và cũng không phải Có, liền có liền không, tức là Trung Đạo vậy. Đoá hoa đây là một loại pháp của tất cả pháp, đoá hoa của một pháp là như thế thì tất cả pháp lại cũng như thế. Cho nên mọi việc mà chúng ta sanh hoạt thường ngày đều có thể sử dụng ba pháp quán Không, Giả, Trung Đạo để thể nghiệm và nhờ đó mới không bị ngoại cảnh mê hoặc.

8.- Cái Không, có người nói cái Không trong Phật Pháp không phải là cái Không của Ngoan không mà nó chính là cái Không trong cái không của Diệu Hữu. Ngoan không và Diệu không phân biệt như thế nào? Như trong Kinh nói:

“Pháp Thân của Như Lai xét đến cùng chính là tịch tịnh, dụ như hư không.” Lời nói trên nhất định có người hiểu lầm cho hư không chính là cái Không của Diệu không; hiểu như thế là sai lầm. Thật tế mà nói, chúng ta đối với cái Không ở đây không một chút nào có kinh nghiệm cả và cũng rất khó có thể tiến vào cánh cửa của nó. Cho nên phải dùng cái mộng làm công việc so sánh để quan sát nó. Khi ở trong mộng, chúng ta mộng thấy trạng thái hư không và quan niệm cho cảnh giới hư không đây thật có tồn tại, vì thế mới có cái mộng phát khởi; sự tồn tại của hư không nói trên chính là ở trong mộng vậy! Hiện tượng này quyết định không thể cho là tỉnh được. Chúng ta chỉ khi nào tỉnh lại mới biết những sự vật (tức hư không) ở trong mộng đúng với sự thật chính là không; Cái không ở đây có thể gọi là Chân không diệu hữu. Lý lẽ này giống nhau với Hư không của Phật Pháp quan niệm, nghĩa là chúng ta sau khi giác ngộ thì mới biết được chân không của vũ trụ vạn hữu và vạn hữu chân thật đây chính là Chân không diệu hữu vậy.

Những điều giải thích ở trên hoàn toàn dùng tỷ lượng để trắc nghiệm lời nói của bậc Thánh (Thánh ngôn lượng). Vì có một số người ngộ nhận xin đề cử dưới đây để dẫn giải:

a. Cái Không mà nơi văn Kinh thường nói thì cũng giống như ở trước trình bày đều thuộc về loại mộng, đã là mộng, đã là không thì cần gì phải bận rộn vất vả đi làm suốt ngày? Người nào nói những lời này, thường có những tư tưởng (vọng tâm) tồn tại thì người đó phải chịu ở trong mộng lâu đời. Khi ở trong mộng, họ lại thọ nhận những cảnh mộng chi phối, chịu đựng những định luật nhân quả khổng chế, trốn không thoát khỏi cảnh giới mê hoặc. Lẽ cố nhiên thiết thực hơn mặc dù đang ở trong mộng, con người cần phải đi làm việc, làm càng chân thật và càng lâu năm thì mới có thể được những mộng tốt (báo ứng tốt). Nếu không như thế, ác mộng lại đến vĩnh viễn khó xa lìa và trường mộng trở nên dày đặc không kỳ hạn. Chỉ có một phương pháp là làm cách nào khiến cho cái Không chân thật xuất hiện thì mới có thể thoát ly được thế giới mộng mê.

b. Lại có một hạng người lãnh hội vấn đề đây nói rằng: “Giáo lý Phật Giáo nói mộng nói không, thật ra đem người đang nằm mộng để xem thì nhận thấy họ rất tiêu cực!” Đây là một thứ hiểu lầm, con người đang nằm mộng quyết không

phải tiêu cực. Phải nói chúng ta đang sống đây không khác như người đang ở trong mộng; chúng ta đang sinh hoạt trong tư tưởng của mê hoặc, đang hành động trong cảnh giới của mộng mê. Chỗ nói năng chỗ làm việc của chúng ta đều sai lầm, những sự việc của chúng ta làm cũng giống như những sự việc ở trong mộng. Khác nào người mê quên mất phương hướng, nhận lầm phía đông cho là phía tây, càng đi càng xa, nên gọi họ là người mê. Con người cũng vì mê nên mới có quan niệm phương hướng, mới phát khởi vấn đề mê cùng không mê. Giả sử nếu hoàn toàn ly khai quan niệm phương hướng (tức là ý nghĩa chân không), người mê không hội đủ điều kiện để thành lập. Vì thế trong Phật Pháp nói mộng nói không, là mục đích khiến cho chúng sanh thức tỉnh để thoát ly được huyễn cảnh. Cố nhiên trong Phật Pháp cho hành vi và tư tưởng hướng thượng trên đây là vô cùng tích cực.

c. Lại cũng có một hạng người hiểu lầm như trên bảo rằng: “Người đang mộng xem ra cũng tốt, cần gì phải tỉnh lại, đã là một vũ trụ không nào có thú vị bao nhiêu? Hơn nữa mọi người trên thế giới đều đi tu hành làm hoà thượng cả thì ai lại đi kiến lập chi cái xã hội này?” Vấn đề đây bảo chúng ta trước hết nên nhìn xem cái xã hội này là mộng ác nhiều hay là mộng tốt nhiều? Giả sử mộng tốt nhiều lại còn bảo nó đi làm việc, nhưng trên thực tế, con người mặc dù được nhiều mộng tốt hoặc làm được nhiều công việc tốt, mà vẫn không thoát khỏi tám cái khổ: sanh, già, bệnh, chết, thương yêu nhau bị xa lìa, thù ghét nhau cứ gặp nhau mãi, hy vọng không thành, năm ấm xí thạnh. Ngoài ra còn có các thứ thiên tai như họa, thật là kể không hết. Trong những hiện tượng trên, chọn một người bệnh để bàn, thân thể người bệnh nổi đầy mụn nhọt, họ đi cầu thầy cho thuốc, nhờ cầu thầy nên sung sướng được khỏi bệnh. Nếu như có người báo cho người khác biết: Đây là mộng, các ông nên tỉnh lại đi! Như thế xin hỏi quý Ngài, có nên chọn con đường cầu thầy cho thuốc hay là cầu tỉnh lại (tức là theo sự tu hành)? Đương nhiên mục đích chúng ta học Phật là muốn tỉnh lại từ nơi mộng, muốn thoát ly cảnh giới giả khổ để thành tựu đại giác, tế độ quần sanh. Cuối cùng xin dẫn chứng bài kệ của kinh Kim Cang quán chiếu đối với các pháp để kết thúc đoạn văn này. Bài kệ như sau:

“Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, như bọt nước; như sương khói, như điện chớp, nên quán chiếu như thế.”

(Nguyên bản đăng trong Nguyệt San Hải Triều Âm, ngày 01 tháng 10 năm
Dân Quốc 57.)

QUÁN TƯƠNG ĐỐI CỦA SẮC KHÔNG

Tác giả: Cư Sĩ LÝ NHẤT QUANG

Dịch giả: THÍCH THẮNG HOAN

(Trích trong Phật Pháp Dũ Khoa Học Đích Tỷ Giảo Xiển Thích)

Tâm Kinh nói rằng: “Sắc tức là không, không tức là sắc.” Sắc sao lại là không? Không sao lại là sắc? Vấn đề này khiến cho mọi người luôn luôn cảm thấy có phần nào khó hiểu; hình như đây là hai đối tượng, đều biến thành cực đoan, làm sao có thể hợp nhau lại thành một được? Nguyên vì chúng ta thường đem vấn đề Sắc trực tiếp tiến hành khảo sát thì có quan điểm để giải thích, còn đem vấn đề Không trực tiếp tiến hành khảo sát thì không có quan điểm để lý giải. Một Có một Không chẳng phải là đều biến thành cực đoan sao? Chẳng phải là một thứ tương đối sao? Cũng từ vấn đề này lại còn thêm nghi vấn nữa, Có tức là Không, Không tức là Có, dường như trình bày chỗ kiến giải không thông. Hơn nữa nguyên nhân trên đối với cái “Có” cũng chưa làm sáng tỏ chỗ nhận thức đúng. Nhưng cái “Có” đây chắc chắn có phải chân thật không? Nếu bảo là chân thật thế thì cái “Có” đó nhất định hôm qua đã có, hôm nay đang có và ngày mai cũng có; trước một giây đồng hồ đã có, ngay trong một giây đồng hồ đang có và sau một giây đồng hồ cũng có; ý nói cái Có như thế là có chân thật, trong Phật Pháp gọi là “Thường”, là vĩnh viễn không biến đổi. Nhưng cái Sắc mà Phật Pháp nói đến chính là cái Có của giả có, là cái “Có giả danh” của nhân duyên hòa hợp, là không có tự tánh. Tuy nói “Có” mà thật ra không phải thường có, là “cái Có của cái không”, là tánh không duyên khởi không ngăn ngại; nó hiển bày được cảnh giới “chân không diệu hữu” của “chân tướng vạn hữu”. Cái Có đây cũng là nói ngày hôm qua thì có mà ngày hôm nay thì không, ngày hôm nay thì có mà ngày mai thì không. Cho nên trong Phật Pháp nói: ý nghĩa của Sắc chính là chất ngại biến hoại. Nó biến hoại như nước trái cây, ngày hôm qua thì ngon có thể dùng được, ngày hôm nay lại biến thành rửa nát không thể dùng được. Chất ngại chính là có hình chất làm chướng ngại lẫn nhau, nói theo hiện đại: Phạm vật chất đều chiếm một khoảng không gian; vật này chiếm

cứ liền chướng ngại vật khác. Nhưng nó không phải chướng ngại lâu dài và cũng luôn luôn bị biến đổi. Chất ngại vì biến hoại mà không phải tồn tại vĩnh viễn cho nên gọi là Bất Thường. Còn nói về nghĩa thật của chữ Không, chữ “Không” không phải là cái không trống rỗng như tẩy sạch, cái không như thế là cái không đoạn diệt, là cái không của ngoan không. Thế thì cái Không xét đến cùng như thế nào? Cái Không ở đây trình bày là chỉ cho cái không của không tự tánh: như hiện tượng dòng xoáy trong nước đang chảy, dòng xoáy là do nước lưu động xoay tròn phát khởi, nhưng ai có thể tìm ra được bản thể của dòng xoáy? Đây cũng chính là nói phân tử nước của dòng xoáy trước một giây đồng hồ cùng với phân tử nước sau một giây đồng hồ, sớm đã biết nước không có nguồn gốc mà lại đi tìm chủ thể của dòng xoáy để làm đại biểu thì cũng không thể được, nguyên vì nước của dòng xoáy là nơi lưu chuyển không gián đoạn; cho đến phân tử của nước đây cũng biến đổi không gián đoạn, như thế cái gì là tự tánh của dòng xoáy? Vì lẽ đó cho nên gọi là Không.

Sắc đã là không phải thường còn và nó cũng luôn luôn bị biến đổi. Còn vấn đề Không thì bản chất của nó ở vị trí cải biến không ngừng cho nên cũng không thể tìm được tự tánh. Từ đó quán thấy, Sắc thì vô thường và Không thì bất đoạn, đã vô thường và cũng bất đoạn, đã khác nhau mà lại cũng giống nhau, cho nên gọi “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc”

Để đạo lý Sắc Không trở nên sự thật cụ thể, tôi xin phân tích vấn đề này lại một lần nữa. Những Sắc có thể thấy được để nói gọi là Hữu Biểu Sắc, còn những Sắc không thể thấy được gọi là Vô Biểu Sắc. Hữu Biểu Sắc được phân làm ba loại:

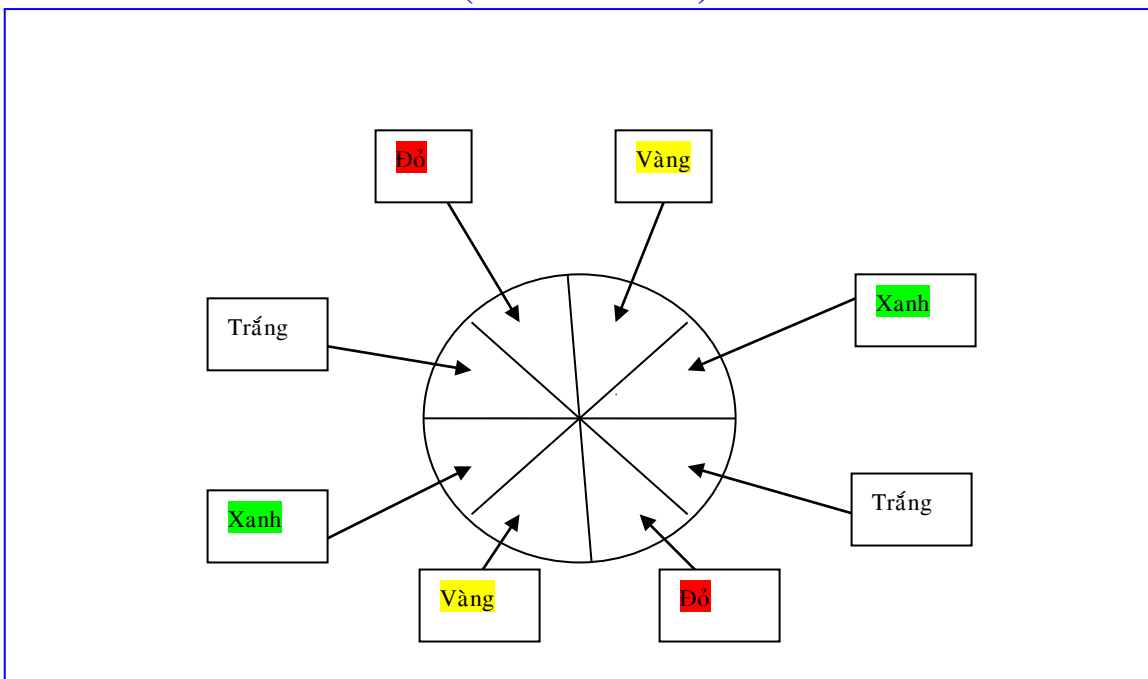
1. Hiện Sắc là những sắc tướng hiện bày rất phân minh như: màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng.
2. Hình Sắc là những hình tướng có thể thấy được như: dài, ngắn, vuông, tròn.
3. Biểu Sắc là những hình tướng của động tác có thể thấy được như: nắm lên, bỏ xuống, co lại, duỗi ra, đi, đứng, nằm, ngồi..v.v.....

Còn những loại Sắc nào đều thuộc về không mà không thể thấy được?

Thật ra những thứ Sắc trên sở dĩ gọi Không là chỉ cho những pháp, những đồ vật không thể chất đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra. Những pháp đó sao bảo rằng không thể thấy được? Nay đem vấn đề Không đây giải thích như sau:

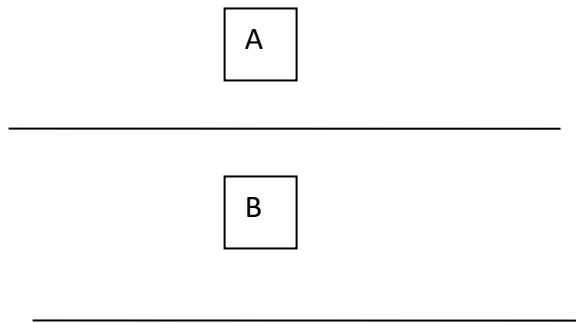
1)- Hiển Sắc là màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng..v..v.... hiện bày rất rõ ràng mà chúng nó người thường ai cũng dễ thấy. Màu xanh thì làm sao vàng được, điều đó có thể phân biệt rành mạch dễ dàng, không có vấn đề. Nhưng nếu đem bốn màu sắc (xanh, vàng, đỏ, trắng) sơn lên trên một cái mâm tròn của trục máy (như đồ hình (1) biểu thị), cái mâm của trục máy chuyển động, bốn màu sắc tức thì không còn hiện ra riêng biệt nữa! Chỉ còn lại toàn màu trắng hiện bày đầy thôi. Lúc bấy giờ bốn màu sắc không hiện ra gọi là Không, nhưng chúng nó hoàn toàn không phải là không. Duyên cớ là do sự chuyển động của trục máy (tức là ám chỉ các pháp do nhân duyên sanh) khiến cho bốn màu sắc không còn hiện bày. Ngay lúc đó trục máy đình chỉ chuyển động thì bốn màu sắc tức khắc hiện bày trở lại. Hiển Sắc của một hiện bày một ẩn mất đây bao gồm cái Có không phải vốn có, cũng như cái Không không phải không có, cho nên gọi “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc.”

(ĐỒ HÌNH 1)

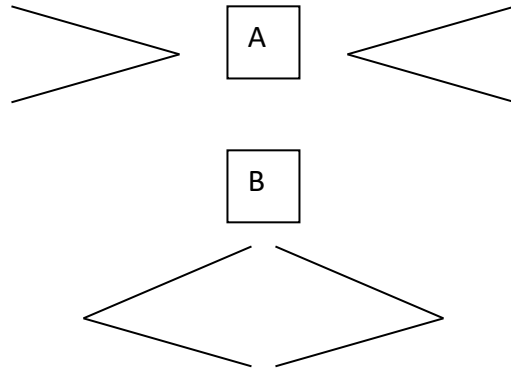


2)- Nơi trên hình sắc nhìn xem, chúng ta luôn luôn phân biệt được các thứ sai biệt trong vòng tròn đó nào là đây dài kia ngắn. Tưởng mạo cũng không nhất định vừa là dài, ngắn, vuông, tròn và cũng không thật thể có thể đạt được. Thử xem trong đồ hình (2) phân A và B thành hai đoạn dài giống nhau, nếu như tháo chúng nó ra và ráp chúng nó vào trên hai vị trí A và B giống như trong đồ hình (3), thì A và B trở thành đồ hình (4), lúc đó so sánh A dài hơn B và B ngắn hơn A; sự sai biệt dài ngắn do nhân duyên của đồ hình (3) sanh khởi.

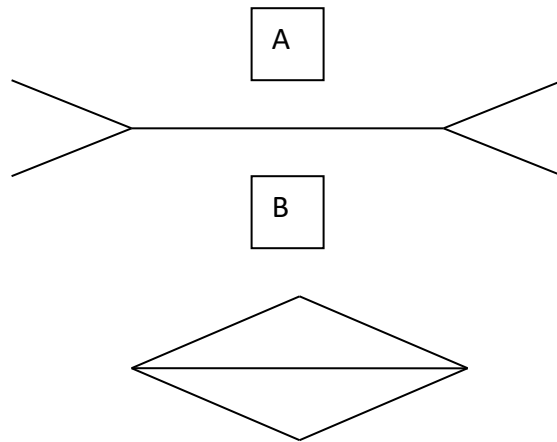
(Đồ hình 2)



(Đồ hình 3)

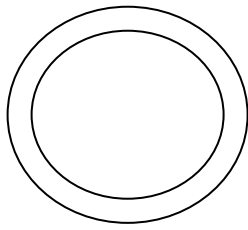


(Đồ hình 4)

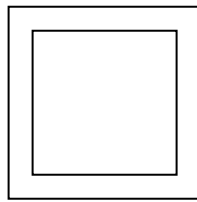


Căn cứ trên cho chúng ta biết tướng dài ngắn không thể đạt được, nên gọi là Không. Một vuông của Giáp thì giống nhau và một tròn của Ất thì giống nhau như trong đồ hình (5), khi di chuyển chúng đến Giáp và Ất như trong đồ hình (6) thì không còn tướng vuông và tròn nữa như trong đồ hình (7) biểu thị.

(Đồ hình 5)

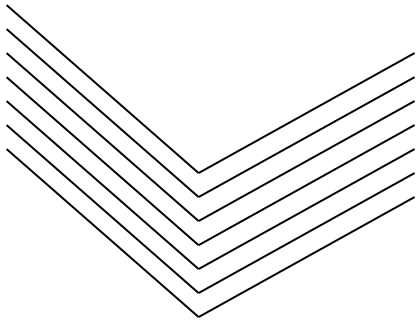


Ất Đồ hình (5)

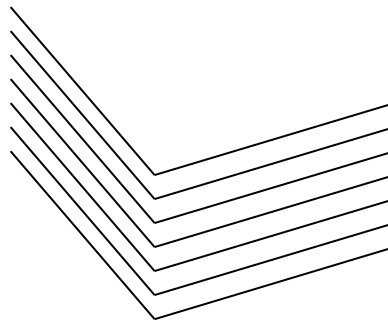


Giáp Đồ hình (5)

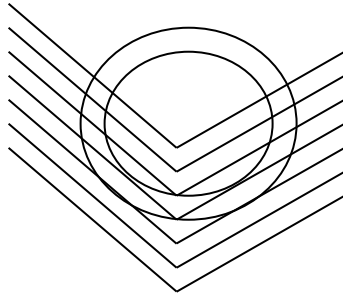
(Đồ hình (6))



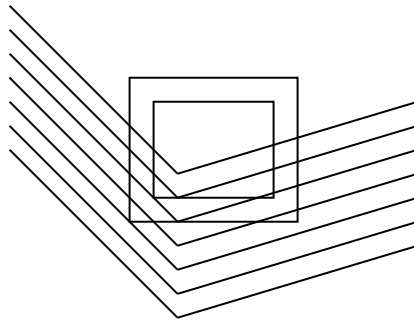
Ất đồ hình (6)



Giáp đồ hình (6)



Ất đồ hình (7)



Giáp đồ hình (7)

Lúc bấy giờ tướng vuông và tròn bị biến đổi là do nhân duyên của Giáp và Ất nơi đồ hình (6) sanh khởi. Điều đó chứng minh tướng vuông và tròn cũng không thể đạt được. Nhân đây cho thấy hình sắc lại cũng là Không Tướng. Những biểu thị trên đưa đến xác định “Sắc tức là Không, Không tức là Sắc”.

3)- Biểu Sắc chính là một thứ động tác biểu hiện như nắm lên, bỏ xuống, co lại, duỗi ra và điều tiết tình cảm biểu hiện của Sắc như mừng, giận, buồn, vui..v..v.... Những hiện tượng đó đều là một thứ vận động biểu hiện hình hình sắc sắc ra ngoài rõ ràng. Một khi vận động phát khởi lời nói liền nhớ lại vận động thì thuộc về tương đối, cho nên Ái Nhân Tư Thản nói rằng: “Tất cả vận động đều là tương đối”. Nơi Kinh Phật cũng nói rằng: “Danh tướng..v..v.... của tánh Y Tha Khởi đều do nhân duyên hòa hợp mà có”, đây là chỉ cho vạn vật đều nương nơi sự quan hệ (điều kiện) của tương đối mà tồn tại. Sự so sánh dễ dàng làm cho người lý giải được sự thật, thí dụ như: hai hỏa xa Giáp và Ất chạy cùng hướng và trong cùng tốc độ, hành khách xe Giáp thấy xe Ất thì đứng yên; còn những người đứng bên đường sắt thấy hai chiếc xe chạy qua như bay. Lý do nhân duyên (điều kiện) không giống nhau liền sanh ra cảnh tượng (Biểu Sắc) động và tịnh không giống nhau. Vì thế xe Giáp bảo xe Ất là tịnh (đứng yên), trái lại người đứng bên đường bảo xe Ất là động (chuyển động). Kết quả, xe Ất tịnh

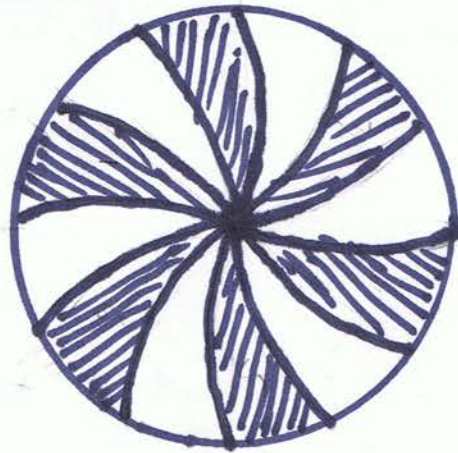
tức là động và động tức là tĩnh, đó cũng là pháp không nhất định có thể đạt được. Để xác định những Biểu Sắc thuộc chuyển động thì cũng không tìm được chủ thể của chúng cho nên gọi là Không.

Nhờ ba thứ Hiển Sắc, Hình Sắc, Biểu Sắc, chúng ta mới thấy được Sắc Pháp tương đối; còn vấn đề Vô Biểu Sắc tuyệt đối thì như thế nào? Hôm nay chúng ta đề cập đến Vô Biểu Sắc. Vô Biểu Sắc là những cường lực mạnh hay yếu nổi lên trong tâm của chúng ta và trong đó cũng có năng lực của tâm chí, những thứ đó đều là Pháp Không khiến cho mỗi người có khả năng trực tiếp hiểu biết riêng biệt, chúng nó đều là thuộc về Tâm Pháp cả. Những Tâm Pháp đây cho rằng có thể tìm được điều đó có thật không?! Nhưng thực tế thì không phải vậy; tâm và cảnh sở dĩ không giống nhau cũng là do nơi nhân duyên mà sanh khởi. Như tâm và cảnh của người thường xuất hiện: có khi vui thích và cũng có lúc buồn rầu; có lúc giận tức và cũng có khi hòa ái; có khi có sức sống tràn trề và cũng có lúc nản lòng nhụt chí; có lúc hớn hở vui tươi và cũng có khi bơ phờ tiu nghỉu. Những tình trạng tương đối trên, chỗ này phát khởi thì chỗ kia lặn xuống, trước sanh ra thì sau diệt mất, ai là chủ thể đại biểu cho tâm và cảnh của chúng ta? Thật tế không có một pháp nào nắm bắt được. Rõ ràng hơn, một người đang ở thời kỳ phấn khởi, bỗng nhiên một sự kiện nghiêm trọng ngoài ý muốn lại xuất hiện, tinh thần phấn khởi trong phút giây tiêu mất, buồn lo lại tràn đầy cả thân tâm, khiến con người rơi sâu vào trong biển khổ. Giả sử vấn đề nghiêm trọng đó một khi giải quyết xong thì tâm cảnh liền có thể hoan hỷ và chấn hưng trở lại. Những hiện tượng này tâm tình không thể trác nghiệm được, bỗng nhiên bên này bỗng nhiên bên kia, khi thì lạnh khi thì nóng, cái nào là bản lai diện mục của chúng ta, hơn nữa những yếu tố biểu lộ trên đây, loại nào là đại biểu của chân tâm? Nên biết rằng bỗng nhiên buồn bỗng nhiên vui, bỗng nhiên khóc bỗng nhiên cười đều là do cảnh vật (nhân duyên) ở ngoại giới kích thích sanh khởi; do đó vọng tâm nhất định không thể đạt được vì nó không thật thể cho nên gọi là Không.

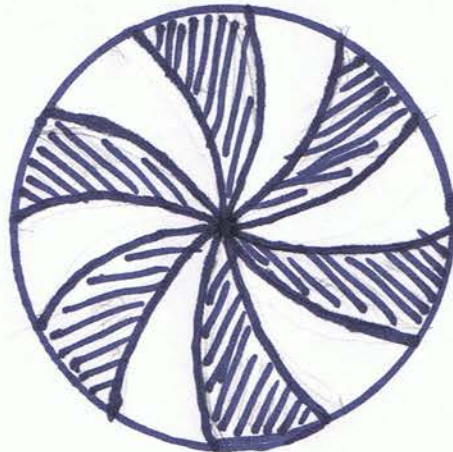
Từ nơi bàn luận các thứ về Không mà lại thuyết minh vấn đề Có, nói chung chúng ta nhận thấy chưa có thể giải bày một lớp sâu nữa để giúp người dễ hiểu rõ hơn; tại sao thế? Nguyên vì những điều chúng ta nói đến đều là tướng thô (chỉ hiển bày rõ những sự thật về thí dụ), khiến người ngộ nhận cho hiểu như thế là

đương nhiên, đạo lý Không tựa hồ như chưa có thể phát huy đầy đủ. Đạo lý Không đây trước hết là do thí nghiệm mà phát khởi:

(Đồ hình Giáp 8)



(Đồ hình Ất 8)

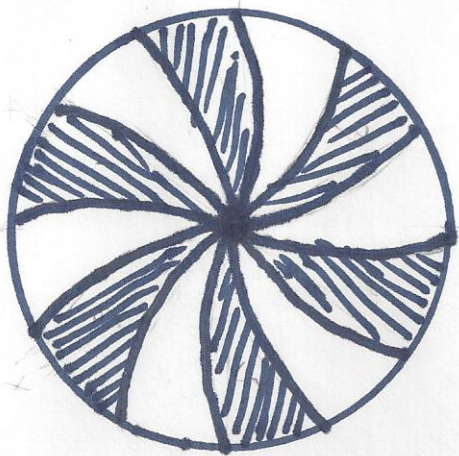


Dùng tấm giấy cứng làm thành hai đồ hình (8) Giáp và Ất, cắt bỏ đi bộ phận trắng, hai miếng hiệp lại nhau, cho vào trên một cái trục. Miếng Giáp trên khiến cho chuyển động chậm chậm, và miếng Ất dưới để cố định bất động; lúc đó một đóa hoa xuất hiện là do chỗ trung tâm hướng ngoại triển khai không ngừng, thật là đẹp quá. Nhưng cái trục một khi đình chỉ, đóa hoa này lập tức diệt mất. Đóa hoa giả là như thế, quay nhìn lại xem xét đóa hoa thật cuối cùng thì như thế nào? Đóa hoa thật không phải là không như thế. Nguyên vì đóa hoa giả là do chấn động (chuyển động dựa vào cái trục) mà hiện ra, cho đến đóa hoa thật cũng có thể căn cứ nơi số chấn động mà thuyết minh: Trước hết bản thân của đóa hoa thật có điện tử chuyển động xoay quanh, có một thứ số chấn động điện tử hòa hợp thành số chấn động của nguyên tử và lại tái hợp lần nữa thành số chấn động của phân tử; lại thêm hoàn cảnh và không khí chấn động trên chu vi của đóa hoa, cộng thêm sự chấn động phát xạ của ánh sáng mặt trời, cho đến số chấn động của chuyển biến riêng và chuyển biến chung nơi quả địa cầu, tất cả hòa hợp lại thành một thứ tổng số chung của chấn động. Ngay khi chúng ta xem thấy đóa hoa này, lúc đó các thứ tế bào trong con mắt thịt của chúng ta lập tức phát khởi số chấn động giống nhau và tâm thức sát na khêu động lại phối hợp với toàn thể số chất động của đóa hoa ngoại giới phát khởi tác dụng điều hòa, nhờ đó mới có thể xuất hiện được đóa hoa thật mỹ lệ. Tâm thức nếu như khêu động năng lực số chấn động điều hòa có chỗ sai lệch thì khiến cho đóa hoa hiển hiện cũng theo đó mà sai lệch! (Như người uống rượu say thấy đất chuyển động). Đồng thời các thứ số biến động của đóa hoa, trước một giây nhẹ nhẹ, sau một giây nhẹ nhẹ, tất cả cũng đều ở nơi biến động; không riêng số trực tiếp biến động, mà còn tiến hành phương hướng cũng tùy thời biến động. Những thứ sát na biến động này lại khiến cho đóa hoa hiển hiện cũng tùy thời cải biến theo. Nguyên vì nhãn cầu của chúng ta không đủ nhanh nhẹn cho nên năng lực quan sát không đủ thấy; thực tại chính đóa hoa này sớm đã hoàn toàn không phải là đóa hoa lúc đầu! Đóa hoa thật rốt cuộc ở đâu? Và đóa hoa giả sao có phân biệt? Đây không phải Không là cái gì? Thay vào cái Không tuyệt đối này, tuy gọi là “Không” mà không phải thường không, chính là Tánh Không của “cái Không tức Có” duyên khởi không ngăn ngại, liền thiết lập nên cảnh giới Không của

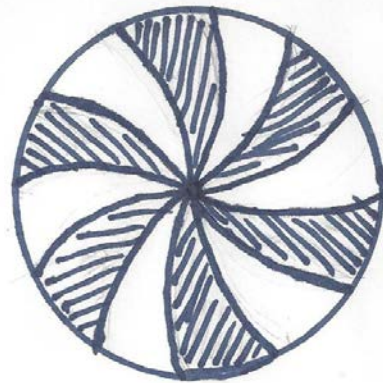
“Chân Không Diệu Hữu” để hiển bày lập trường “Không” nơi “Thật Tướng Chư Pháp”.

Nhờ thí dụ thực tế về đóa Không Hoa này, chúng ta biết kết quả của tâm thức do nơi sát na khêu động mà phát khởi. Đóa hoa là như thế, sự thấy nghe hằng ngày của người khác không phải là không có thứ đạo lý này sao? Nguyên vì số chấn khêu động của tâm thức nếu như do sự cải biến thì chỗ thấy chỗ nghe cũng phát khởi biến hóa theo. Cho nên trong Kinh Pháp Bảo Đàn Lục Tổ nói rằng: “Phướng động khi có gió thổi. Một vị Tăng nói rằng gió động, một vị Tăng khác nói rằng phướng động, hai vị tranh luận không thôi. Ngài Huệ Năng bước tới nói rằng: không phải gió động và cũng không phải phướng động, chính tâm của Nhơn Giả bị động”. Từ đó có thể thấy sự động tịnh của tâm lại hiển hiện xung quanh của vạn pháp, thế nên bảo rằng: tâm tịnh thì quốc độ tịnh, thế giới Tây Phương Cực Lạc cũng tức là hiển hiện của tâm chúng ta.

(Đồ hình Giáp 8)



(Đồ hình Ất 8)



(Trích trong Nguyệt San Bồ Đề Thọ, kỳ thứ 196 năm Dân Quốc 58)

SẮC TỨC LÀ KHÔNG, KHÔNG TỨC LÀ SẮC

Tác giả Cư Sĩ LÝ NHẤT QUANG
Dịch giả THÍCH THẮNG HOAN

(Trích trong Phật Pháp Dữ Khoa Học Đích Tỷ Giảo Xiển Thích)

I.- LỜI NÓI ĐẦU:

Nhân loại xem các pháp luôn luôn cố chấp thành kiến đối với “Sắc”, như trước đây nhận định có một thứ “Hữu” tồn tại; đó là điều khiến họ chấp thường cho “Hữu” trực tiếp tạo ra vũ trụ vạn tượng, sự chấp thường này của họ kể từ khi sanh ra cho đến khi tử vong chưa có một tý trải qua hoài nghi. Nhưng ở đây chỉ cần chứng minh cái “Hữu” này là “Hữu” không xác thực, liền có thể phát hiện tất cả “Pháp” sanh khởi, tồn tại cho đến diệt vong, đều do nơi các thứ điều kiện quan hệ hòa hợp hoặc phân tán mà khiến như thế; điều kiện chủ yếu căn bản gọi là nhân, và điều kiện thứ yếu phối hợp gọi là duyên. Nhân duyên hòa hợp thì các thứ pháp sanh khởi. Nhân duyên phân tán thì các thứ pháp tiêu diệt. Các thứ pháp (vạn sự vạn vật) đây sanh khởi cho đến tiêu diệt không phải tự thành đơn độc và cũng không phải tồn tại cô độc. Cần truy cứu vấn đề này, mỗi bộ phận đó đều không có thật tánh, tức là không “Tự Tánh” có thể đạt được, cho nên gọi là “Không Tánh”.

II.- KHÔNG “TỰ CÓ TÁNH”:

Sắc là chỗ chúng ta có thể thấy được, thính là tiếng chúng ta có thể nghe được, hương là chất thơm chúng ta có thể ngửi được, vị là mùi vị chúng ta có thể thưởng thức được, xúc là nơi chúng ta có thể sờ mó được, sắc, thính, hương, vị, xúc trong Phật Giáo gọi chung là sắc pháp và nó cũng chính là sự vật mà chúng ta thường ngày sinh hoạt đều xác nhận cho là thật “Có”. Nhưng chúng ta từ xưa đến nay chưa từng chú ý cho chúng nó là nhu yếu mà lại ủng hộ những sự việc hoặc những điều kiện (nhân duyên) khác ngoài chúng nó cho nên mới “Có” cái (quả). Những sự việc, những điều kiện đây trong Phật Giáo gọi là “Nhân duyên sở sanh pháp” (Nhân duyên là chỗ sanh ra các pháp). Nguyên vì tất cả nhân loại trong thế gian đều không hiểu biết “Nhân duyên sở sanh pháp” cho nên một khi gặp phải một sự kiện khó khăn trong việc truy cứu nguồn gốc của nó, liền hoàn toàn khẳng định cho nó là “tự hữu”(tự riêng có)! Như thấy quang tuyến mặt trời, cho đến nguồn gốc và sơ khởi của trời đất, hành tinh..v..v..... liền giải thích rằng ai cũng không có thứ năng lực này để suy cứu chúng nó và ai cũng khó khăn đoán ra manh mối của chúng nó. Nhân đây có một số người lại bảo rằng chỉ công sở phi nhân của thế gian mới có thể sáng tạo sự vật, rồi từ đó họ không gia công suy xét đến nơi đến chốn tất cả chỗ của sự vật mà lại còn đem chúng nó quy kết cho là Tự Nhiên, là Trời sanh, là Thượng Đế tạo và lại mặc nhiên từ chối đổ trách nhiệm thối thoát vào họ cho xong chuyện. Mà những thứ quy kết nói trên được cho là “Có” Tự Nhiên, “Có” Trời sanh, “Có” Thượng Đế tạo và rồi họ vẫn không thoát khỏi phạm vi mê chấp “Tự Có Tánh”. Hơn nữa lại có một số người chuyên suy cứu đầu mối khai mở của sự vật và tính toán tuổi tác của nó..v..v.... Thật ra tuổi tác của nó có thể tính toán ra được nhưng không xác thực. Nó là cái gì? Khi họ đem vật A tính toán tuổi tác thì rất đúng, nhưng vật A là do hai vật B và C hòa hợp mà thành. Hơn nữa hai vật B và C cũng có tuổi tác có thể tính toán được, nhưng tuổi tác của

vật A cũng phải căn cứ nơi tuổi tác của hai vật B và C để tính toán mới hợp lý. Thế nhưng hai vật B và C cũng không phải là cá thể, đều do các vật khác diễn biến mà thành. Cho nên cứ như thế mà suy cứu về nguồn gốc của nó từ gần đến xa thì không có một pháp nào tìm được khởi điểm của nó để làm căn cứ cho việc tính toán. Như các nhà khoa học cận đại nghĩ rằng cần phải nghiên cứu cho ra tuổi tác của quả địa cầu; khởi điểm từ nơi trọng lượng muối trong biển cả, từ nơi sự biến hóa của nham thạch và từ nơi thiên thạch rớt xuống trong thái không, họ tưởng rằng tận dụng đến cùng những phương pháp đo đạc đó có thể tìm ra tuổi tác của quả địa cầu. Kỳ thật tuổi tác của quả địa cầu thì vĩnh viễn không thể trắc nghiệm được; Tại sao biết ? Nhà Vật Lý Học Ngụy Trát Khắc Nhĩ nói rằng: “Hiện tại do hệ thống hành tinh chiếm lãnh toàn bộ khu vực, trước kia hạt vi trần vi tế giao tiếp tràn đầy khắp nơi, những hạt vi trần này nhất định đã trải qua tập hợp vài khối lớn để hình thành các hành tinh, thời gian trải qua ước tính là một ức năm”. Thử hỏi một ức năm đây có phải là tuổi tác của địa cầu không? Lại hỏi tiếp những hạt vi trần kia là thuộc về những nhân gì mà có thể kết thành? Những hạt vi trần kia là nhân tố để kết thành thì chúng nó cũng có lai lịch cũng có thời gian và cũng phải được kể vào trong phạm vi tính toán tuổi tác. Căn cứ nơi trạng huống nói trên, ai có thể tìm được tuổi tác của nó, ai có thể dự đoán được khởi điểm của nó? Đã không nói được khởi điểm thì nó lại không “Tự Có Tánh” có thể đạt được. Cái “Có” như thế, xét về lý thì tuyệt đối đứng không vững. Cái “Có” đã đứng không vững thì làm sao có thể nói là “Có” được? Thế nhưng về mặt trái của cái “Có” vừa đề cập lại hiển bày ra cái “Không”! Nhưng khi bàn đến cái “Không” trên sự thật lại có một thứ quá trình tồn tại đang tiếp tục diễn biến không gián đoạn; đấy là cái “Có” lại xuất hiện. Như thế tức có tức không (Sắc tức thị không) lại được thể hội ngay lúc này vậy.

III.- KHÔNG “TÁNH CHẲNG BIẾN”

Có một số sự vật bình thường biến động rất chậm mà ngay lúc đó chúng ta không thể cảm giác chỗ phát khởi của nó để quan sát; nhân đây lại bị người ta chấp nhận cho nó là bất biến (không biến động). Như chúng ta nhìn thấy “một chén nước” và luôn luôn cho nó là bất biến. Như vậy một khi qua quá trình truy cứu thử hỏi: “Chén nước đây” ngày hôm qua thì nó như thế nào, ngày hôm nay thì nó như thế nào và ngày mai thì nó như thế nào? Có phải trước một giây đồng hồ là “Chén nước đây”, ngay một giây đồng hồ là “Chén nước đây” và sau một giây đồng hồ là “Chén nước đây” đúng không? Quá trình như thế đặt câu hỏi ngược lại liền khiến chúng ta lãnh hội ngay dấu hiệu vật chất ba lần biến hóa trạng thái nơi Vật Lý Học, chén nước đây hoặc biến thành băng, hoặc biến thành hơi! Nơi trong Hóa Học vận tốc hoạt động ly khai của phân tử nước, cho đến trong Điện Học chỗ giải thích về điện tử xoay quanh hạt nhân nguyên tử với tốc độ nhanh bay lượn vận động sát na không dừng, điều đó chứng minh cho thấy “Chén nước đây” sớm chiều không còn là nước của ban đầu nữa! Nhưng mà ý thức của nhân loại từ đầu đến cuối vẫn dừng lại ở chỗ “Chén nước đây” bao gồm cả quan niệm không có biến động. Do nơi quan niệm “Tánh chẳng biến”, lập trường của “Hữu” liền lấp kín tâm thức của chúng ta khiến cho cái “Không” chẳng xuất hiện. Để dẫn chứng điều đó đem nhân vật đã qua đời cách mười năm trước một khi hồi ức thì ngay lập tức ảnh tượng kia hiển hiện trình bày ra trước mắt rõ ràng rành mạch; mặc dù biết rõ nhân vật trong đó sớm đã tạ thế. Ý niệm “Tánh chẳng biến” trên đây khiến tinh thần gánh vác trên lưng một trách nhiệm giao phó chồng chất; nhưng thực tế sự vật hiện tại luôn luôn thay đổi bên trong không bao giờ gián đoạn, không có khoảnh khắc thường trụ. Sở dĩ “Có”: chỉ là tạm thời, chỉ là sát na, chỉ là “Có” trong nháy mắt; nó không phải “Có”

thường trụ “Bất biến”. Vì thế thật nghĩa của cái “Có” không thể thành lập, chỉ phải nhường cho cái “Không” đại diện thay thế nó mà thôi! Cho nên gọi là: “Sắc tức là không”.

IV.- KHÔNG “TÁNH ĐỘC LẬP”

Cái gì là “Tánh độc lập? Ý tưởng của nhân loại luôn luôn tin nhận sự tồn tại của vật chất, đều cho có cá thể đơn thuần; hoặc có thể phân tích đến nguyên tố của cá thể. Đúng ra thế gian đều không có cá thể đơn thuần tồn tại. Cũng chính là nói: bất kỳ sự vật gì trong thế gian đều không có “Tánh độc lập” tồn tại. Tất cả tồn tại đây đều là tánh tập hợp, nhưng không phải tập hợp trên Vật lý mà chính là tập hợp trên Hóa học và cũng chính chỗ các nhà Phật Học gọi “Nhân duyên chỗ sanh ra các pháp”. Còn nguyên tố mà nơi Hóa học gọi chính là sự xấp xếp bày tỏ của chu kỳ, liên báo cho chúng ta rõ chúng nó đều không phải cá thể; các nhà Khoa học dùng “Vi vũ trụ” để mệnh danh chúng nó, do nơi những thứ danh xưng này có thể suy tưởng ra tình hình phức tạp của chúng nó. Ở trước đem phân tử nguyên tử cho là cá thể, nhưng trước mắt biết rõ điện tử, chất tử, trung tử đều hoàn toàn không phải cá thể. Khoa học nghiên cứu vi tế của vũ trụ sẽ có thể tiết lộ được sự cấu tạo của điện tử và của chất tử. Nhưng đến trung tử khi quán chiếu một vật nào đó đã gặp phải một thứ hợp thể phức tạp. Kinh Phật trải qua hơn hai ngàn năm trăm năm trước đã vạch ra thuyết minh mới: Trên thế giới tuyệt đối không thấy có cá thể tồn tại độc lập, đều là giả pháp do nhân duyên hòa hợp tạo thành. Đây mới là thuyết giáo, thật ra đã bảo ngầm rằng: các nhà khoa học hiện đại đi tìm kiếm sự tồn tại của cá thể chỉ là một việc mộng tưởng. Lời thuyết giáo này bao gồm đã cảnh tỉnh chúng ta chớ ảo tưởng cho rằng sự vật tồn tại “Độc lập”. Đây cũng chính là “Sắc tức là không”, chỗ gợi ý tốt nhất cho chúng ta.

V.- KẺ NĂNG BIẾN VÀ VẬT BỊ BIẾN:

Cái “Không” đã trình bày ở trên là thuộc về sự phân tích của khoa học, chính là chỉ cho cái “Sắc” thấy được trong cảnh giới, nơi Phật pháp gọi là “Ngoại sắc”, các học giả cận đại gọi là “Vật chất”. Nếu như chỉ căn cứ vào ý kiến ở trên, liền sẽ bị rơi vào Cơ Giới Luận của Khoa Học. Như thế cái “Không” của “Sắc tức là không, không tức là sắc” nơi Phật Giáo cùng với cái “Không” của Khoa Học phân tích có điểm nào khác không? Nay xin giải thích sơ lược như sau:

Nơi sắc pháp khi quán sát, Khoa Học và Phật Pháp phân tích “Không” lý luận tự hồ có chỗ tương tự; chỉ cần hiểu rõ biến đổi của sự vật đều là bị biến, mà nó không phải là tự mình năng biến. Sự vật đã là vật bị biến, như thế nhất định có kẻ năng biến bao gồm trong nó. Các nhà khoa học đối với vật bị biến lại bận rộn tìm cầu, mà chưa biết có kẻ năng biến ở trong vận hành; chưa thoát khỏi thiếu kiến! Như thế kẻ năng biến là ai? Theo Phật Pháp kẻ năng biến gọi là “Tâm Pháp”. Tâm Pháp đây có sự tụ họp của Tâm Thức hữu tình, bản thân của nó tuy nhiên cũng có thành phần bị biến, nhưng nó lại có một phần lực lượng nắm giữ chủ động năng biến. Phàm sự vật biến đổi quanh co đều hoàn toàn không thoát khỏi sự biến hóa của năng biến chi phối. Sức năng biến đây tức là năng lực của tâm thức chúng ta, cũng tức là “Duy Thức Hiện Lực” (năng lực thể hiện của Duy Thức). Cảnh giới của Duy Thức thể hiện chính là tướng của cái “Không”. Tại sao là tướng của cái “Không”? Nay xin giải thích sơ lược như sau:

1)- Dùng Máy Điện Ảnh Để Thí Dụ:

Thử hỏi “Sắc” là cái gì? Theo “Duy Thức Học” nói: “Là tướng phần của Tâm và Tâm Sở biến hiện nên gọi là Sắc”. Lại nói: “Sắc Pháp tức là hình ảnh của hai thứ Tâm và Tâm Sở hiện ra”. “Tâm” và “Tâm Sở” là cái gì? “Tướng Phần” lại là cái gì? “Tâm” thì không nêu danh được, chỉ có thể căn cứ nơi “Tướng và Dụng” của nó để gọi. Thí dụ như con mắt có thể thấy sắc liền biết có sắc tồn tại; cái thấy đây có thể hiểu biết chính là “Tâm”. “Tâm Sở” là pháp thuộc sở hữu của “Tâm”, cũng chính là sự tác dụng vận hành giúp đỡ của tâm. Như ngày nay sáng sớm ông ngồi dậy; sự “ngồi dậy” của ông là động tác nhất định đã trải qua sự quyết định của tâm; sự “Quyết định” đây tức là “Tâm Sở”. “Tâm” và “Tâm Sở” cũng chính là “kẻ Năng Biến”, tức là nguyên động lực khiến ông ngồi dậy. Còn “Tướng Phần” tức là “Sắc” thuộc về “vật bị biến”; như một đoạn cảnh tượng (quá trình) trong khi ông ngồi dậy, nhất định có sự thật tồn tại của hiện trường; sự thật tồn tại của hiện trường đây chính là “Sắc”. Thứ tâm tác dụng đây có thể dùng máy điện ảnh để thí dụ: “Máy điện ảnh” chia hai bộ phận “Máy nhiếp ảnh” và “Máy phóng ảnh”. Sự tác dụng của máy nhiếp ảnh có thể khiến nhạy sáng của phim thu lấy ngoại cảnh. Máy phóng ảnh có thể tự phóng nhạy sáng của phim hiện ra ảnh tượng trên màn ảnh. Quả tâm của chúng ta như một cuộn phim. Tâm có thể thu nhiếp và giữ gìn tất cả pháp, dụ như máy nhiếp ảnh của điện ảnh nắm giữ tất cả cảnh vật. Lại nữa tâm có thể phát khởi hiện hành và sanh ra tất cả pháp, giống như máy phóng ảnh phóng chiếu đến màn ảnh chỗ hiện trường biểu diễn tác động ngồi dậy vào buổi sáng. Hiện tượng đó chính là “Tướng phần” và cũng gọi là “Sắc”. Như thế có thể biết: Tướng phần của Tâm và Tâm Sở biến hiện đều gọi là sắc. Hơn nữa quán chiếu biết sắc tướng trên màn ảnh là do máy phóng ảnh khống chế. Máy phóng ảnh một khi phóng ra thì cảnh tượng trên màn ảnh chồng chất sanh ra. Máy phóng ảnh một khi đình chỉ thì ảnh tượng trên màn ảnh lẽ đương

nhiên tất mất. Do đấy có thể biết rõ nguyên lý: “Tâm sanh thì các thứ pháp sanh, tâm diệt thì các thứ pháp diệt”.

“Tâm Sở” nơi Duy Thức Học nói gồm có 51 thứ, trong đó Pháp Thiện có 11 thứ và Pháp Bất Thiện có 26 thứ. Hai thứ Tâm Sở pháp thiện và pháp bất thiện đều là ống kính giúp cho chúng ta chọn lựa, cũng chính là chỗ ý niệm của chúng ta tuyển lựa; những điều tốt và những điều xấu trong tương lai đều ở nơi một niệm này. Trong thế giới hiện thật trước mắt của chúng ta: có thiện ác, chánh tà, đẹp xấu, khổ vui, đều do cuốn phim phóng ảnh của chúng ta đã được chụp lấy và ghi chép từ trước. Những cảnh ngộ khó khăn trước mắt là do ai xếp đặt? Theo sự thật mà luận, những hình ảnh đã được ghi chép trong cuốn phim không phải là hành vi tư tưởng trước đây của chúng ta sao? Mọi người cũng không nên trách ai! Chỉ có im hơi lặng tiếng, vững vàng chắc chắn thận trọng trong sự kiểm điểm mỗi niệm tưởng, mỗi lời nói, mỗi hành vi, mỗi động tác trước mắt của chúng ta thì mới có những ảnh tượng trong cuốn phim được ghi chép sáng sủa của tương lai. Cho nên những triển vọng xa xôi của tương lai cộng lại cũng chỉ ở trong một niệm, một hành vi! Nhân đây: nếu hôm nay chúng ta phát nguyện niệm Phật, lễ Phật cầu sanh về Cực Lạc thì sẽ được Tâm Sở của chúng ta tiếp nhận. Thế là “Thế giới Cực Lạc” của tương lai đương nhiên sẽ hiển hiện ở nơi trước mắt của chúng ta! Đấy cũng chính là đạo lý hiện thật của pháp môn Tịnh Độ!

2)- Từ “Hiện Lượng” hiểu rõ thật nghĩa của “Sắc, Không”

“Ba cõi duy tâm, muôn pháp duy thức”. Ngàn Kinh muôn Luận đều nói như thế. Như “Đại Thừa Khởi Tín Luận” từng nói: “Tâm niệm pháp dị”. Tâm tức là chỉ cho tám Thức Tâm Vương, Niệm tức là chỉ cho các Tâm Sở, Pháp tức là chỉ cho các cảnh thiện ác. Ngài Thiển Tiên lại nói:

Ý niệm không đồng chính là tâm, liên đối với hoàn cảnh cảm giác không giống nhau. Sao lại thấy được? Hôm nay dùng cảnh “Hiện Lượng” để chứng minh. Trường hợp như Đại sư La Thập, lúc 7 tuổi Ngài theo mẹ vào chùa lễ Phật. Ngài thấy trong điện Phật có một cái Bát thật quá đẹp; Ngài liền cầm lấy Bát ấy đội trên đầu để chơi. Bỗng nhiên trong thời gian ấy Ngài liền khởi lên một niệm nghĩ rằng: tuổi tôi quá nhỏ làm sao có thể vói tới và đỡ lên cái Bát rất nặng? Ngài khi phát khởi một niệm nghĩ về vấn đề đó, liền dùng hai tay đỡ cái Bát lên một lần nữa, nhưng cái Bát ấy hoàn toàn không di động. Như vậy Ngài mới ngộ được đạo lý “Vạn pháp duy tâm”. Đúng ra tâm niệm của Ngài lúc bấy giờ cũng chưa ý thức được cái “Bát” khi nào nặng khi nào nhẹ, cái Bát không có vấn đề nặng nhẹ cho nên rất dễ dàng đỡ lên đầu để đội. Ngay lúc đó tâm niệm của Ngài để ý đến cái Bát thì cái Bát trở nên nặng và cái Bát nặng có thể rớt xuống đất. Vì thế phải thấy được rằng: cái Bát không có vấn đề nặng nhẹ, mà chính là tâm có sai biệt nặng nhẹ động tĩnh. Đạo lý “Tâm niệm pháp dị” ở trên thì cũng giống như thế. Thêm nữa có một sự việc như sau: trước kia nước Cao Lê có một vị Pháp sư tên là Nguyên Hiếu, Pháp sư đến Trung Quốc tham học. Một đêm nọ, Khi Pháp sư ngủ trên phần mộ, miệng của ngài lúc đó cảm giác rất khát nước; ánh sáng từ mặt trăng chiếu xuống khiến cho Pháp sư xem thấy nước trong khe hở chảy ra thanh khiết phi thường, liền dùng hai tay bưng nước lên uống, cảm giác được đạo vị đặc biệt thanh lương ngon miệng. Nhưng đến sáng ngày sau, cũng chính nơi đó Pháp sư mới thấy được nước thanh lương ngon ngọt của đêm hôm qua là phát nguồn từ trong phần mộ chảy ra, tâm của Pháp sư liền khởi lên buồn nôn và ói mửa. Nhân đây, Pháp sư liền ngộ được cảnh giới của “vạn pháp duy tâm”, nghĩa là tâm thanh tịnh thì nước thanh tịnh, tâm ô nhiễm thì nước ô nhiễm. Từ nguyên lý này chúng ta biết được: ai có thể đem ra cái Không của tất cả ngoại cảnh (sắc) ngay lúc đó tâm cảnh của họ hoàn toàn thanh tịnh! Tâm Không của năng biến và vật bị biến của

ngại cảnh khi cùng nhau hiện ra sắc tướng bình đẳng như một đấng chính là “Sắc tức là không, không tức là sắc”!

3)- Từ “Tỷ Lượng” Hiểu Rõ Thật Nghĩa của “Sắc, Không”:

Theo Đại Thừa Khởi Tín Luận trình bày: “Tất cả các pháp vì nương nơi vọng niệm mà có sai biệt, nếu lìa tâm niệm thì không có tướng của tất cả cảnh giới”. Cũng chính là nói: Ngày thường tất cả hình sắc của sự vật như hình tướng dài ngắn, vuông tròn, đúng sai, lớn nhỏ ..v..v..... của”Sắc” đều do nơi vọng niệm của chúng ta mà phát khởi. Giả sử đem những lời vọng niệm đây trừ khử đi tức thì năng lực của tâm năng biến liền xoay chuyển trở thành thanh tịnh.và tất cả cảnh giới của tất cả thì cũng hoàn toàn không có. Đây chính là cảnh giới không của vật bị biến trở thành thanh tịnh. Như thế xin nói lại, chỉ cần đem vọng niệm loại bỏ đi thì tất cả thuộc về “Không”, gọi là cảnh giới Không. Nhưng trên thực tế, chúng ta rất khó tin tưởng rút bỏ được vọng niệm để thế giới trở thành Không. Nguyên do trước mắt chúng ta hoàn toàn không có hiện lượng thực tế để chứng minh, cho nên chỉ có từ trong tỷ lượng đi tìm cầu sự giải đáp. Như bài thơ nói rằng: “Chấm thượng phiến thời xuân mộng gian, hành tận Giang Nam số thiên lý”, (tạm dịch là: Thời gian mộng đẹp nằm trên gối, ngàn dặm vượt qua đến Giang Nam). Bài thơ này trình bày chúng ta đang ngủ trên giường bỗng nhiên mộng mơ phát khởi, liền xuất hiện các cảnh giới. Các cảnh giới đây hiện ra như thế nào? Chúng không phải là (vật bị biến) do tâm mộng (năng biến) vọng tưởng phát sanh sao? Tâm mộng đây nguyên là “Không”, phát khởi cảnh mộng liền hiện ra hình sắc! Sắc tướng trong mộng đây đương nhiên cũng đều là Không; chỉ cần đem cái vọng tưởng bỏ đi thì cảnh mộng liền lập tức tiêu mất. Cảnh giới ban ngày cũng giống đạo lý này: Tất cả pháp ban ngày (bao gồm con người, sự vật..v..v.....) cũng thuộc về vật bị biến, đều nương nơi vọng niệm mà hiện khởi sai biệt. Vọng

niệm đây tức là chỉ cho Tâm (Không), là căn nguyên hiện khởi sơn hà đại địa (Sắc). Tâm vọng niệm đây đích thực là chỉ cho sức năng biến; nếu như có thể lìa khỏi tâm vọng niệm sai biệt thì không có tướng của tất cả cảnh giới. Những nguyên lý đã trình bày trên về “Sắc tức là không, không tức là sắc” cũng có thể rõ ràng hơn!

VI. KẾT LUẬN:

Xin hỏi: “Sắc tức là không, không tức là sắc”, như vậy cái “Không” là gì? Ông bảo rằng nhân vật là không và nhân vật một phần là chẳng không; ông bảo rằng sơn hà đại địa là không và sơn hà đại địa một phần là chẳng không. Như thế cái Không là gì?

Đáp rằng: “Chứng Đạo Ca” nói: “Mộng lý minh minh hữu lục thú, giác hậu không không vô đại thiên” (Tạm dịch là: Trong mộng rõ ràng có sáu cõi, sau khi giác ngộ lý không thì không có đại Thiên). Đây chính là nói, ngay khi chúng ta chưa ngộ đạo rốt ráo, giống như mộng bị chi phối quả báo thiện ác trong sáu cõi (Trời, người, A Tu La, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh). Nhưng quả báo của sáu cõi đều do tâm (bổn không) của chúng ta tạo ra thiện ác khổ lạc (huyễn sắc). Từ ngày chưa giác ngộ trở về trước, tức là khi chưa chứng được lý “Không”, chỗ thọ khổ và khoái lạc mỗi loại luôn luôn rõ ràng như thế. Nào ai có thể biết được một cảnh mộng đẹp là gì? Nhưng ngay sau khi tỉnh giác, tất cả của tất cả ngay lập tức tan ra mây khói không hình bóng không dấu tích, đấy tức là “Không”. Chúng ta vô tri vô giác ở trong sáu đường sanh sanh tử tử luân hồi thọ khổ không bao giờ chấm dứt; chúng ta chỉ cần một sớm được giác ngộ, biết rõ mộng giả hiện, đem tâm mộng trở lại không thì cùng “Sắc” của tâm mộng xen lẫn tiếp xúc, thì lập tức liền được chuyển hóa trở thành không. Sơn hà đại địa nhân vật ..v..v.... (Sắc) của

thế gian đây đều tiêu mất cũng giống nhau với mộng tỉnh và được một điểm là dấu vết cũng không có. Nên hỏi rằng cái “Không” là gì? Cái “Không” đây chính là không có tâm vọng tưởng phân biệt!

(Nguyên bản đăng trong “Nguyệt San Trung Quốc Phật Giáo”, tập Hiệp Đính kỳ 4, quyển 3 thứ 17, năm Dân Quốc 61.)